

Phật Nói Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Phẩm Lược Sơ

PHẬT NÓI
KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT
TÂM ĐỊA PHẨM
Lược sơ

* * *

Dịch giả:
Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Trí Hải (tự Như Hải)

Lời giới thiệu

*Qua một số sách chú giải Kinh Phạm Võng, Tôi thấy rằng phần nhiều chỉ đề cập đến 10 giới trọng, 48 giới khinh. Nhưng trong quyển “**Phật nói Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Phẩm lược Sớ**” thì lại khác. Trong tác phẩm này, Ngài Hoàng Tấn chú giải một cách chi tiết và rõ ràng, giúp người đọc hiểu rõ hơn về ý nghĩa và sự thực hành của Bồ Tát giới.*

Tác phẩm này có thể là hành trang cần thiết cho những ai muốn thực hành Bồ Tát giới theo đúng lời Phật dạy. Vì vậy, tôi trân trọng giới thiệu đến Tăng, Ni, Phật tử. Cầu nguyện cho quý vị sau khi đọc được những gì Ni Sư Như Hải đã dày công phiên dịch đều được thâm nhập vào thế giới Bồ Tát để thăng hoa trên bước đường thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh.

*Mùa An Cư Phật lịch 2545 – 2001
Hòa Thượng Thích Trí Quảng.*

Có thể nói rằng Bồ Tát được sanh ra từ đại bi và cũng nhờ đó mà lớn mạnh, đủ sức vượt qua lộ trình lợi tha để tiến lên quả vị Phật. Cho nên Bồ Tát bảo trì năng lực từ bi rất kỹ, không để cho phiền não sân hận tác động, đó cũng chính là lý do tại sao giới sát được đặt lên hàng đầu trong giới luật Bồ Tát. Hàng Thanh Văn giữ giới rất nghiêm mật, không để bất cứ lý do nào làm ảnh hưởng đến việc phòng phi chỉ ác. Vì Thanh Văn chán ngán ba cõi vô thường hoại diệt, như uế khổ đau, muốn tránh xa nó càng xa càng tốt, càng nhanh càng hay, cho nên, có được Niết Bàn tịch diệt thì tuyệt nhiên không muốn tạm rời. Chính vì tính thích ứng phương tiện của hàng Thanh Văn đã làm hạn chế việc khai triển đầy đủ nội dung chánh giác của chư Phật. Chỉ có Bồ Tát mới hành động phù hợp với tinh thần của chư Phật bằng việc đem lại lợi lạc giải thoát cho chúng sanh.

*Để có đủ năng lực nhiếp hóa chúng sanh, Bồ Tát phải trải tâm như đất, tại vì tính cách của đất là không phân biệt đối tượng tiếp xúc, muôn vật đều sinh sôi và lớn lên từ đất. Bồ Tát cũng phải chấp nhận đủ loại chúng sanh, nhờ chúng sanh mà tăng trưởng tâm Bồ Đề và thành tựu quả vị tối thượng. Song, muốn trải tâm như đất, Bồ Tát phải nhờ đến Thi-La. Thi-La là giới luật, là năng lực bảo hộ và thúc đẩy Bồ Tát thanh tịnh hóa chính mình, phá trừ kiến tư hoặc, trần sa hoặc, vô minh hoặc, nhờ đó, mới có thể độ hết chúng sanh dễ dàng. Trong giới Bồ Tát có Tam tụ tịnh giới. Trong Tam tụ tịnh giới lại có chứa Bốn nguyện vọng của Bồ Tát, đó là nguyện vọng **muốn độ tận chúng sanh** (nhiếp chúng sanh giới); **muốn đoạn tận phiền não** (nhiếp luật nghi giới); **muốn học tất cả Pháp môn** và **muốn thành Phật đạo** (nhiếp thiện pháp giới). Bồ Tát giữ giới chăm chút hơn Thanh Văn, vì phải canh phòng ngay trong ý niệm. Vì lợi ích của chúng sanh, Bồ Tát sẵn sàng hy sinh sát, đạo, dâm, vọng mà không sợ mất mình, không sợ mất lợi ích của biệt giải thoát, dù biết chắc phải đọa vào địa ngục cũng không do dự sự phạm giới đó là sự trì giới rốt ráo, hợp lý. Ngài Ấn Thuận nói: “Có khi phạm giới mà trở thành Thi-La-Ba La Mật.”*

*Tác phẩm “**Phật nói Kinh Phạm Võng Bồ Tát Tâm Địa Phẩm Lược Sớ**” được Ngài Hoàng Tấn rút ra từ bản Kinh Phạm Võng do Ngài Cư Ma La Thập dịch. Ni Sư Như Hải đã tìm thấy bộ lược sớ khá hay, trình bày con đường tu tập của Bồ Tát qua 58 điều giới thật rõ ràng, dễ hiểu, nên quyết định chuyển dịch thành một tác phẩm lược sớ chữ Việt. Mặc dù hạn chế về sức khoẻ và tuổi hạc, Ni Sư đã vượt qua nhiều thử thách, ngày đêm cặm cũi tham khảo, đối chiếu chọn lọc để công hiến cho Phật tử Việt Nam một bản Kinh văn sáng sửa, đáng tin cậy. Tài năng và giới hạnh của một bậc Ni lưu đã thổi vào làn hơi ấm cho nền Luật Học nước nhà hãy còn nhiều chỗ trống vắng.*

Dịch phẩm này như một loài hoa quý nở khiêm tốn giữa rừng Giới Luật, vậy nhờ gió thay lời Tôi mang hương thơm này đến san sẻ cùng với Bồ Tát sẽ học, đang học và đã học khắp mọi nơi.

**Huệ Nghiêm, mùa An Cư năm Tân Tỵ
Tỳ Kheo Thích Minh Thông.**

Lời nói đầu

Trong Tam tạng Kinh điển tất cả giáo Pháp dù Tiểu Thừa hay Đại Thừa, dù tại gia hay xuất gia, Giới Luật luôn là phần trọng yếu nhất. Vì thế, khi Đức Thế Tôn sắp nhập Niết Bàn, A Nan hỏi: “Bạch Thế Tôn, khi Ngài còn tại thế, hàng Đệ tử chúng con nương theo Ngài là bậc Thầy chỉ giáo, sau khi Ngài nhập diệt rồi, chúng con biết nương vào ai làm Thầy?” Phật dạy: “Sau khi Ta nhập diệt, các ông lấy Giới Luật làm bậc Đại Sư. Vì sao? Vì nếu Ta còn trụ ở đời, có nói ra Pháp nào chẳng nữa, cũng không ngoài Giới Luật như Ta đã nói.”

Thế nên, trong tất cả Kinh điển của Phật, nhất là Luật Tạng, Chư Phật, chư Tổ luôn có lời dạy cho hàng Đệ tử của Ngài trong hiện tại cũng như vị lai. Hàng Đệ tử luôn phải trân quý cung hành Giới Luật. Lời dạy đã khắc ghi đậm nét trong Tam tạng giáo điển là: “Giới Luật là thọ mạng của Phật Pháp, Giới Luật còn thì Phật Pháp còn.” Thế đủ biết Giới Luật với hành giả quan trọng như thế nào!

Như trong Tạng Tỳ Ni, Phật còn dạy rõ: “Không một vị Phật nào vong giới thế, không một Bồ Tát nào không hành giới độ, không một Thanh Văn nào không hành giới hạnh mà thành tựu sở nguyện tu hành.” Trăm ngàn Thắng, Định, Vô Lậu, Diệu Huệ đều nhờ trì giới mà thành tựu. Hành giả chúng ta khởi một niệm rong ruổi theo tiền trần, đó là cơ hội của ma chướng. Ngược lại, nếu biết trân quý Giới Luật, cung hành nghiêm mật, đúng như Pháp chơn thật thanh tịnh tu hành đồng mãnh, kiên trì lập chí thế nguyện y theo Giới Luật tấn tu, dù bỏ thân mạng cũng không vi phạm cấm giới của Phật thì quả vị Giác ngộ giải thoát chỉ còn tùy thuộc vào thế thâm nguyện tấn tu đồng mãnh của hành giả chậm hay mau mà thôi.

Đệ tử có chút thiện duyên được đọc Phẩm Hạ Lược Sớ - Kinh Phạm Võng Bồ Tát do Ngài Cư Ma La Thập dịch từ Phạn sang Hán ngữ, Ngài Hoàng Tấn lược sớ giải. Vì muốn giúp cho Tăng Ni và Phật tử tại

gia mới thọ giới Bồ Tát có thêm tài liệu để tìm hiểu, phần nào trợ duyên cho việc hành trì tấn thủ trên bước đường tu tập, lần lần trở về tự tánh bản nguyên thanh tịnh của chính mình, Đệ tử không ngại tài hèn sức mọn, hiểu biết cạn cợt, đã dịch Kinh Sớ này sang Việt ngữ. Trong quá trình chuyển dịch, tất không tránh khỏi những khiếm khuyết, nhầm lẫn, ngưỡng mong chư Tôn Thiên Đức cao minh hoan hỷ niệm tình chỉ giáo.

Kính mong chư Tăng Ni Phật tử sơ cơ thọ Bồ Tát giới cùng tôi góp ý vào những phần khiếm khuyết để cho Phẩm Kinh Giới Phạm Võng Bồ Tát văn nghĩa được hoàn hảo hơn.

Nguyện đem công đức chuyển dịch Giới Kinh này hồi hướng cầu nguyện cho chúng sanh trong Pháp giới đều trọn thành Phật đạo.

Nam Mô A Di Đà Phật.

***Từ Nghiêm, trọng Hạ năm Mậu Thìn
PL. 2545 – DL. 2001.***

***Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Trí Hải (Tự Như Hải)
Cẩn soạn.***

Phần một

GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC

A. GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

Phật thuyết, tức là chính từ Kim khẩu của Đức Lô Xá Na cho đến Đức Thích Ca trước sau kế thừa nói ra.

Phạm Võng, tức là màng lưới báu ở cung trời Đại Phạm. Khi Đức Thích Ca trụ nơi cung điện của Đại Phạm Thiên Vương Ma Hê Thủ La, Ngài đã thấy lưới Nhân đà la đang giăng nơi đây, nên lấy làm dụ mà tuyên thuyết. Màng lưới này được kết thành bởi vô lượng trăm ngàn vạn ức hạt bảo châu ma ni, ánh sáng của mỗi hạt châu đều sai biệt nhưng soi chiếu nhiếp nhập lẫn nhau, vì thế một hạt châu đã hàm chứa màu sắc của vô lượng hạt châu khác, sắc màu ánh chiếu, lớp lớp vô tận mà chẳng ngăn ngại nhau. Nhân đó Đức Phật nói vô lượng thế giới như mắt lưới, mỗi mỗi thế giới đều sai biệt, giáo môn Phật thuyết cũng như thế. Từ nghĩa này mà dẫn dụ để chỉ rõ sự an lập của các thế giới trong 10 phương, mỗi mỗi đều bất đồng; Chư Phật trong 10 phương lập bày pháp môn cũng bất đồng; Lại Bồ Tát trong 10 phương nương vào giáo pháp mà tu chứng cũng có vô lượng sai biệt như thế. Do đó, lấy Phạm Võng dụ làm tên Kinh.

Đại bản của Kinh này gồm 12 quyển, như 1 mắt của màng lưới kia; còn Phẩm Tâm Địa thì như 1 hạt châu trong đó vậy.

Kinh, tiếng Phạn là Sutra (Tu đa la), Trung Hoa dịch là Khế Kinh. Khế nghĩa là trên hợp với yếu lý của chư Phật, dưới ứng hợp với căn cơ của chúng sanh. Kinh hàm nghĩa xuyên suốt và nhiếp giữ, tức xuyên suốt nghĩa lý nên biết, nhiếp giữ chúng sanh được độ.

Chú giải Duy Ma Cật Kinh của Ngài Tăng Triệu ghi: “Kinh tức là Thường, cổ kim tuy khác, nhưng đạo giác ngộ chẳng thay đổi; các tà giáo chẳng thể phá hoại, các Thánh chẳng thể đổi thay, vì thế gọi là Thường.”

Xét các Kinh Luật, có bộ dùng nhân pháp làm tên, có bộ dùng pháp dụ làm tên; nay kinh này chỉ lấy dụ làm tên ; nếu luận chung cả tên phẩm thì lấy đủ nhân, pháp, dụ làm tên. Trong đó, Phạm Võng là dụ, Bồ Tát là nhân (người), Tâm địa là Pháp. Kinh là giáo năng thuyết, Phạm Võng là giáo sở thuyết, Phật là người năng thuyết. Nếu luận về Tông thú, Thể dụng, Giáo tướng, Quyền thật, thì chánh giới bản nguyên Tâm địa là Tông, đạt đến Phật quả Xá na là Thú, thật tướng Tâm địa là Thể, dứt ác tu thiện là Dụng, Đại Thừa Tỳ Ni là Giáo tướng; lại thuộc Tỳ Ni Tạng (Tạng Luật) trong Tam Tạng; thuộc Bồ Tát Tạng trong Đại Tiểu Thừa Tạng; thuộc Quyền thật trong giáo Quyền thật. Kinh Anh Lạc ghi: “Tất cả giới phạm phụ đều lấy Tâm làm Thể; vì Tâm vô tận, nên Giới cũng vô tận.” Do đó, Kinh này lấy Thật tướng Tâm địa làm Thể. Tông tức là Sùng, nghĩa là điều mà kinh tôn sùng. Thú tức là nơi hướng về rốt ráo của Tông.

Nhân-đà-la, Trung Hoa dịch là Thiên Đê, cũng gọi là Thiên xích châu. Vì thế gọi chung là Đại Phạm Thiên Vương xích châu (võng tràng).

Tâm Địa phẩm hạ: (Phần hạ của phẩm Tâm Địa)

- *Bồ Tát*, gọi đủ là Bồ Đề Tát Đỏa. Bồ Đề, Trung Hoa dịch là đạo; Tát Đỏa dịch là chúng sanh, tức dùng Phật đạo hóa độ chúng sanh. Bồ Đề còn dịch là Giác, Tát Đỏa dịch là hữu tình, là khiến cho loài hữu tình được giác ngộ.

Hàng Bồ Tát trên thì cầu Phật đạo, dưới thì hóa độ chúng sanh, kiến lập đại sự (việc lớn; khai thị ngộ nhập Phật tri kiến) nên gọi là bậc Đại sĩ; cũng gọi là Khai sĩ, vì hay khai hóa tất cả chúng sanh.

Người tu hành từ lúc sơ phát tâm cho đến Đẳng giác đều được gọi là Bồ Đề Tát Đỏa.

- *Tâm địa*, tức cội nguồn của tất cả phàm thánh . Phàm phu vì mê tâm này, nên trôi lăn trong 3 cõi, 6 đường. Bậc Thánh vì ngộ tâm này mà trở về nguồn chơn, cắt đứt dòng sanh tử.

Bồ Tát vì muốn trở về nguồn chơn, nên nương vào chánh giới tâm địa này làm nhân thù thắng, để chứng đắc cực quả Xá-na.

Địa (đất) là từ dụ lập tên, nghĩa là Bồ Tát tu tập lục độ vạn hạnh, giáo hóa, nâng đỡ tất cả chúng sanh, chẳng khởi tâm yêu ghét. Nhờ đó mà thắng nhân diệu quả được tăng trưởng. Ví như đại địa chuyên chở, nâng đỡ tất cả vạn vật mà chẳng hề dơ sạch, nhờ đó mà vạn vật sanh trưởng. Tâm Bồ Tát bình đẳng cũng như thế.

- *Phẩm*, tiếng Phạn là Bát lý vật đa, nghĩa là tụ (nhóm). Tức ý nghĩa và chủng loại các pháp đồng tập hợp tại một nhóm. Các phẩm khác của Kinh này phần lớn còn luận chung về thế gian, nhưng phẩm này thì chỉ chú trọng đến giáo tu, nói về Tâm địa. Toàn phẩm phân làm hai phần thượng, hạ. Phần thượng nói về việc Bồ Tát dùng sức Định huệ tu chứng giai vị Tam hiền, Thập thánh. Phần hạ này chủ yếu chỉ dạy bậc Đại sĩ nương vào giới pháp bản nguyên Tâm địa, làm chánh nhân cho Định huệ. Cho nên hàng Bồ Tát từ Tam hiền, Thập thánh cho đến Đẳng giác đều phải tụng trì.

B. GIẢI THÍCH TÊN NGƯỜI DỊCH

Diêu là họ, *Tần* là Quốc hiệu – chính là Quốc chủ hậu Tần, họ Diêu tên Hưng. *Tam Tạng Pháp Sư*, là người khéo dịch văn kinh của ba Tạng: Kinh - Luật – Luận. *Cưu Ma La Thập*, Trung Hoa dịch là Đồng Thọ, nghĩa là Pháp sư tuổi tuy còn trẻ mà trí tuệ biện bác vượt hơn bậc kỳ lão. Cha Ngài người nước Thiên Trúc, do trí tuệ thông minh mà nổi tiếng ở đời. Quốc chủ nước Quy Tư nghe danh, bèn đem con gái gả cho.

Khi Ngài còn ở trong thai mẹ, tự nhiên mẹ Ngài trí tuệ lần lần tăng trưởng. Ngài xuất gia năm bảy tuổi, mỗi ngày tụng cả ngàn kệ, năm chín tuổi Ngài đã tranh luận nghĩa lý Kinh điển với ngoại đạo. Tài biện bác của Ngài đã bẻ gãy được mũi nhọn tà kiến của ngoại đạo. Các vua nước Thiên Trúc đều tôn xưng Ngài làm thầy. Phù Kiên nghe danh Ngài đạo đức phi phạm, bèn sai tướng quân Lã Quang đem bảy vạn binh, chinh phạt nước Quy Tư để mời Ngài vào Trung Quốc. Ngài mới đi được nửa đường nghe tin Phù Kiên đã băng hà, Diêu Hưng kể ngôi nhà Tần, niên hiệu Hoảng Thỉ năm thứ 3, ra sắc lệnh thỉnh Ngài về nước, mời vào Trường An. Tần chủ Diêu Hưng hết lòng kính trọng, rước Ngài ở riêng tại lầu Tây Minh, nơi vườn Tiêu Diêu. Nhà vua sắc lệnh thỉnh Ngài dịch Kinh Luận, tất cả hơn 50 bộ. Bộ Phạm Võng này là bộ được dịch sau cùng. Khi ấy, 800 vị Sa môn như : Thông Huệ, v.v...xin thọ giáo, Diêu Hưng cùng với 300 Sa môn như: Duệ Trí, v.v...phát đại tâm thọ giới Bồ Tát. Đây là lần đầu tiên Phật giáo Trung Quốc có cơ duyên thọ Bồ Tát giới, Trời, người đều hân hoan. Ngài Tuyên luật sư nói: “Thầy La Thập đã ở bậc Tam Hiền, từ thất Phật đến nay, thầy luôn là người dịch Kinh” (dịch tức là phiên dịch từ tiếng Phạn ra tiếng Trung Quốc).

Phần hai

GIẢI THÍCH KINH VĂN

Xét trong các kinh đều có 3 phần: Biệt, tựa, Chánh tông và Lưu thông. *Phẩm Tâm địa* này rút từ Kinh Phạm Võng. Đại bản Phạm Võng gồm có 62 phẩm, phẩm Tâm địa này chính là phẩm thứ 10 trong đó, nên không có tựa chung của toàn bộ kinh, không có Như Thị Ngã Văn như các kinh khác, chỉ có bài tựa riêng mà thôi. Như Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Pháp Hoa, v.v..., mỗi phẩm đều có 2 chữ *Nhĩ Thời* để trước. Nay kinh này cũng vậy, phần Chánh tông và Lưu thông nói rõ sự lý, tánh tướng của một phẩm này, chứ không phải phần Chánh tông, Lưu thông của cả bộ kinh. Hoa Nghiêm Sớ Sao ghi: “Thánh nhân lập giáo đều có thứ lớp, muốn diễn bày những lời nhiệm mầu, trước nêu rõ, rồi nhờ đó mà đạt lý, nhờ nghĩa lý rõ ràng nên kẻ đương cơ tiếp nhận được Pháp.” Bởi vậy đem phần Chánh tông trao cho họ, chẳng những đôn đốc họ ngay trong pháp hội mà còn khiến cho truyền mãi về sau, hằng thấp sáng ngọn đèn chánh pháp được sáng mãi không cùng, nên đặt đó là phần *Lưu thông*. Chẳng những chỉ bộ kinh này, hợp xứng với đương hội, hợp xứng với các phẩm mà còn dung chứa tất cả. Nay giải thích chỉ nêu đại khoa, không chia riêng từng khoa, e rằng người sơ cơ học hỏi cho là khó, lại càng thêm mù mờ. Tất cả một mảy may đều là lý huyền diệu, giai vị Bồ Tát đủ chuyên chở nghĩa sớ và khai nghĩa ẩn mật. Tự mình phải kiểm duyệt lấy.

(Giải thích: Kinh chia làm 3 phần: Phần tựa, Chánh tông và Lưu thông. Thể lệ này bắt đầu từ Pháp sư Đạo An thời nhà Tấn. Về sau, các vị Bồ Tát chú sớ, phiên dịch từ Tây Vực (Ấn Độ) sang đều phân làm 3 phần, mới biết lệ thường xưa nay không thay đổi.)

A. BÀI TỰA RIÊNG

I. BA PHẬT TRUYỀN GIÁO

1. Phó chúc chung

Ba Phật là:

- Phật Lô Xá Na.
- Phật trên ngàn hoa.
- Ngàn trăm ức Thích Ca.

Đức Phật Thích Ca được truyền từ ngàn Phật, ngàn Phật được truyền từ Xá Na Phật, Xá Na Phật được truyền từ Phật trước. Song tất cả Chư Phật đều đủ ba thân, đó là Tỳ Lô Biến diệu, lấy chánh pháp làm thân.

- Xá-na hạnh viên mãn, lấy báo quả làm thân.
- Thích Ca hóa tích, lấy phò cảm (quần cơ) làm thân.
- Pháp thân vô tướng, chiếu sáng khắp hết mười phương.
- Xá Na muôn đức đủ 84,000 tướng hảo nghiêm thân.
- Kim thân của Thích Ca cao một trượng sáu, đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp. Tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na, Trung Hoa dịch là Biến Nhứt Thiết Xứ, vì quang minh biến khắp:
 - * Quang minh của thân chiếu khắp hết thủy hư không pháp giới.
 - * Quang minh của trí chiếu khắp lớp lớp pháp giới, cũng gọi là Đại nhựt. Như mặt trời ở thế gian chỉ chiếu một bên, không soi khắp được, hoặc chỉ chiếu soi được ban ngày, ban đêm thì không, chiếu soi một thế giới còn các thế giới khác không chiếu soi được, thì không gọi là Đại nhựt. Nay sắc thân pháp thân của Tỳ Lô Giá Na,

chiếu khắp pháp giới và thế giới của mười phương, thấy đều chiếu khắp.

Trong kinh Tâm Địa Quán có bài kệ rằng:

*Thế pháp thân biến khắp chúng sanh
Muôn đức tự nhiên tánh thường trụ
Không sanh, không diệt, không đến đi
Chẳng phải, chẳng khác, không đoạn thường
Pháp giới biến khắp như hư không
Tất cả Như Lai cùng tu chứng
Mọi công đức hữu vi, vô vi
Đều nương pháp thân thường thanh tịnh
Pháp thân bốn tánh như hư không
Xa lìa lục trần không đắm nhiễm
Pháp thân vô hình, lìa các tướng
Tướng năng, tướng sở thấy đều không
Như vậy pháp thân màu Chư Phật
Vắng bật tướng hý luận, ngôn từ
Xa lìa tất cả mọi phân biệt
Tâm hành xừ diệt thế đều như
Vì muốn tu chứng thân Như Lai
Bồ Tát khéo tu cả muôn hạnh.*

(Dựa vào Báo thân, Hóa thân, nên Tâm Luận chép: “Thân trước và thân thứ hai là y chỉ thân.”)

Lúc bấy giờ Phật Lô Xá Na vì đại chúng này, khai mở sơ lược trăm ngàn hằng hà sa bất khả Pháp môn tâm địa, như chùng đầu sợi lông.

Giải thích:

Lúc bấy giờ, là lúc Phật Lô Xá Na nói Pháp, Trung Hoa dịch là Quang minh biến chiếu.

- Trong thì dùng *Trí quang* biến chiếu chơn pháp giới. Đây đứng về Tự thọ dụng thân.
- Ngoài thì dùng *Thân quang* biến chiếu ứng Đại cơ. Đây đứng về Tha thọ dụng thân; Đại cơ tức Đại thừa Bồ Tát.

Tịnh Mãn, nghĩa là dứt hết tâm niệm xấu ác, nên nói là *Tịnh*, dứt hết mọi quả báo ác, các đức thầy đều đủ nên nói là *Mãn*. Đây là thực hành quả báo thiện. Phần nhiều dựa trên Tự thọ dụng mà đặt tên. Còn Quang minh Biến chiếu, phần nhiều dựa trên Tha thọ dụng đặt tên. Xét trong kinh Tâm Địa Quán, Pháp thân cũng gọi là tự tánh thân, vô thi, vô chung, lìa tất cả tướng, dứt hết các hý luận, châu viên biến khắp vắng lặng thường trụ, đây gọi là Pháp thân. Thọ dụng thân có hai :

1. Tự thọ dụng
2. Tha thọ dụng.

Tự thọ dụng thân phải trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp tu muôn hạnh, khiến chúng sanh được an lạc lợi ích rồi, tâm Thập địa viên mãn, ra khỏi ba cõi, trụ nơi Tịnh diệu Quốc độ, ngồi trên bảo tòa liên hoa, có vô lượng Bồ Tát hải hội vây quanh cung kính cúng dường, tôn trọng tán thán ngợi khen, như thế gọi là *Hậu báo lợi ích*.

Lúc bấy giờ, Bồ Tát vào Định kim cương, đoạn trừ hết tất cả phiền não chướng và sở tri chướng vi tế, chứng đắc Vô thượng Bồ Đề. Diệu quả đó gọi *Hiện tại lợi ích*, đây là chơn báo thân, hữu thi vô chung, thọ lượng kiếp số, không có hạn lượng, suốt cho đến đời vị lai các căn tướng hảo, biến khắp pháp giới, bốn trí đầy đủ, thọ dụng pháp lạc, đầy đủ

84,000 trí môn, đủ tất cả các công đức, gọi là Như Lai Tự thọ dụng thân. Còn Như Lai Tha Thọ dụng thân đầy đủ 84,000 tướng hảo, ở cõi Chơn Tịnh độ, thuyết pháp Nhứt thừa, khiến cho các Bồ Tát thọ dụng pháp lạc vi diệu của Đại thừa. Tất cả Như Lai vì hóa độ chúng Thập địa Bồ Tát nên hiện ra mười thứ Tha thọ dụng thân:

- Phật thân ngồi trên hoa sen trăm cánh, vì hàng Sơ địa Bồ Tát nói trăm pháp minh môn. Bồ Tát ngộ rồi, khởi đại thần thông biến hoá, đầy khắp trong thế giới của trăm Phật, làm an lạc lợi ích vô số chúng sanh.
- Phật thân ngồi trên hoa sen ngàn cánh, vì hàng Nhị địa Bồ Tát, nói ngàn pháp minh môn. Bồ tát ngộ rồi, khởi đại thần thông biến hoá khắp hết thế giới của ngàn Phật, làm an lạc lợi ích vô lượng vô số chúng sanh.
- Phật thân ngồi trên hoa sen muôn cánh, vì hàng Tam địa Bồ Tát thuyết muôn pháp minh môn. Bồ Tát ngộ rồi, khởi đại thần thông biến hoá đầy khắp cõi nước của muôn Phật, làm an lạc lợi ích vô lượng chúng sanh.

Như thế, Như Lai lần lần tăng trưởng, cho đến Thập địa Bồ Tát. Tha thọ dụng thân, ngồi trên bất khả thuyết hoa sen báu vi diệu, vì hàng Thập địa Bồ Tát thuyết bất khả thuyết các pháp minh môn. Bồ Tát ngộ rồi, khởi đại thần thông biến hoá, đầy khắp bất khả thuyết các cõi nước vi diệu của Phật và lợi ích an lạc cho các loại chúng sanh vô lượng vô biên không thể tính kể được. Mười thân như thế, đều ngồi tòa thất bảo dưới cây Thọ vương, chúng đắc Vô thượng Bồ đề. Đây gọi là Ứng thân Phật.

Trong mỗi một cánh sen là một Tam thiên thế giới, có trăm ức núi Tu Di và Tứ Đại Châu. Mỗi một Thiệm bộ châu đều có tòa kim cang, cội Bồ đề Thọ vương. Các hóa Phật đều ở dưới gốc cây, sau khi phá sạch ma quân rồi, nhứt thời chúng đắc Vô thượng Bồ đề. Các hóa Phật ấy, mỗi vị đều đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, vì các hàng Bồ tát, Nhị thừa, phàm phu mà tùy nghi thuyết Tam thừa Diệu pháp. Các hóa Phật này, đều gọi là Phật Biến hóa thân, nối tiếp nhau thường trú. Có bài kệ:

*Vì giáo hóa Địa thượng Bồ tát
Một Phật hóa hiện mười thứ thân
Tùy cơ ứng hiện thấy không đồng
Lần lần nhiều cho đến vô cực
Như thế mười Phật thành chánh giác
Đều ngồi tòa Bồ đề thất bảo
Phật trước nhập diệt Phật sau thành
Hóa Phật khác nhau hiện cả kiếp.*

Ứng thân, là Tha thọ dụng thân, hóa thân tức trăm ngàn ức hóa thân, nghĩa là càng tăng đến chỗ vô cực, chứ đâu phải chỉ ngàn trăm ức mà thôi. Nên chánh văn ghi: “Trăm ngàn vạn đến bất khả thuyết.” Đại Tiêu hóa Phật đều ngồi Bồ đề thọ, chính là phần lưu thông của kinh này nói: “*Vi trần thế giới là Phật.*” Còn “*Đại chúng*” tức là chỉ cho Phật trên ngàn hoa và ngàn trăm ức Thích Ca.

Xét trong phẩm Thượng, khi ấy đức Phật Thích Ca đưa đại chúng ở thế giới này trở về Liên Hoa Đài tạng, gặp Phật Lô Xá Na, Phật rộng khai và chỉ rõ pháp môn tu của hàng Tam Hiền và Thập Thánh để khiến cho họ trở về cội nguồn Phật quả. Như vậy phải biết, chẳng phải chỉ có ngàn Phật, ngàn trăm ức Phật mà thôi.

Vì *đại chúng*, tức là vì hằng hà sa người (người nhiều như cát sông Hằng). Con sông này nằm ở trung Thiên Trúc, rộng 40 dặm, cát của sông này mịn như bột gạo. Cát của một con sông đã nhiều vô cùng, huống chi số cát trăm ngàn sông, lẽ đâu cùng tận. Nên nói bất khả thuyết, bất khả thuyết. Cũng như nói: “Số thứ 9 trong 10 số lớn là để dụ cho pháp môn rộng lớn vô cùng vô tận.” Nay đối với pháp môn vô cùng vô tận mà chỉ nói *Tâm địa Pháp* môn thôi, nên ví như chùng đầu sợi lông là vậy, còn cát một sông trăm ngàn sông cũng thế.

Pháp môn tuy nhiều cũng không ngoài tâm địa. Nói đến Tâm địa chính là bao gồm hết muôn pháp. Đây cũng là dùng ít nhiếp nhiều. Kinh Niết Bàn chép: “Phật ở trong rừng, Ngài cầm trong tay ít lá cây bảo các Tỳ Kheo: Tất cả các Pháp mà Ta chứng biết nhiều như lá cây trong Đại địa,

còn pháp diễn nói cho chúng sanh chỉ bằng lá cây trong tay Ta mà thôi.”
Thí dụ về pháp môn cũng giống như thí dụ này vậy.

Đây là tất cả Phật quá khứ đã nói, tất cả Phật vị lai sẽ nói, Phật hiện tại đang nói. Ba đời Bồ Tát đã học, đang học và sẽ học.

Giải thích:

Phật, tiếng Phạn nói đủ là Phật Đà, Trung Hoa dịch là Giác. Giác có ba nghĩa:

1. Tự giác: Như người tỉnh thức sau giấc mộng dài (đại mộng). Đây là vượt hơn phàm phu.
2. Giác tha: Đã vượt hơn Nhị thừa, vì Nhị thừa chú trọng cho mình nhiều hơn, không có tâm lợi tha, chỉ mong tự lợi, nên gấp ra khỏi sanh tử ba cõi. Còn Phật Như Lai chứng đắc bình đẳng trí, được pháp tánh không, vận tâm vô duyên từ vào cảnh giới ma, độ khắp chúng sanh, khiến họ an vui, nên gọi là Giác tha.
3. Giác hạnh viên mãn: Khác hơn Bồ Tát, vì hàng Bồ Tát tuy khởi lòng từ độ khắp chúng sanh nhưng giác hạnh chưa được viên mãn, chỉ có Phật, tâm cảnh đều lìa, Căn bản trí được hiển lộ toàn vẹn, Ngũ trụ phiền não đã tận diệt, hai thứ sanh tử không còn, ba giác đã trọn, muôn đức đã đủ, đầy đủ mười hiệu, nay chỉ nên một hiệu là Như Lai thì mười hiệu đồng bày.

Ba đời chư Phật đã nói Pháp này; ba đời đó là quá khứ, hiện tại và vị lai. Đức Xá Na tuy nói rằng: *Chừng đầu mày lông* nhưng thực ra ba đời chư Phật cùng thuyết, ba đời Bồ Tát cùng học, vì sao vậy? Vì tâm là nguồn gốc của muôn pháp. Nêu tâm thì muôn pháp đều đủ, nên Chư Phật đồng thuyết, Đại sĩ đồng học.

Ta đã trăm ngàn kiếp tu hành môn Tâm địa này, ta được hiệu là Lô Xá Na, Chư Phật các ông truyền lời ta đã nói để khai mở tâm địa cho tất cả chúng sanh.

Giải thích:

Ngã, nghĩa là chính Chơn ngã được Bát tự tại của Như Lai, chẳng phải vọng ngã do phàm phu chấp ngũ uẩn thân tâm là ngã. *Kiếp*, tiếng Phạn nói cho đủ là Kiếp-ba-cấp-đà, Trung Hoa dịch là Thời phân, nghĩa là rất lâu xa, chẳng phải năm tháng có thể tính biết được.

Kinh Anh Lạc chép: “Thí như một dặm, hai dặm cho đến mười dặm đá, bề rộng cũng chừng ấy. Dùng y trời nặng 3 thù, theo ngày tháng ở nhân gian, cứ 3 năm lau bụi một lần, lau đến khi nào đá này mòn hết, thì gọi là một tiểu kiếp. Từ một dặm, hai dặm, cho đến 40 dặm cũng gọi là 1 tiểu kiếp. Lại nữa, đá dài 800 dặm, rộng cũng ngàn ấy, dùng y trời Phạm Thiên nặng 3 thù, lấy trăm thứ châu ngọc sáng rỡ của trời Phạm Thiên làm ngày tháng, cứ 3 năm lau 1 lần, lau đến khi nào đá này mòn hết, thì gọi là 1 trung kiếp. Lại nữa, đá dài 800 dặm, rộng cũng ngàn ấy, dùng y trời Tịnh Cư nặng 3 thù, lấy ngàn thứ bảo quang minh cảnh làm ngày tháng, cứ 3 năm lau 1 lần, lau đến khi nào đá này mòn hết, thì gọi là 1 Đại A Tăng Kỳ Kiếp. Nếu 1 dặm, 2 dặm, cho đến 10 dặm đá hết, thì đó gọi là một dặm kiếp, 2 dặm kiếp v.v...Nếu 50 dặm đá hết, thì gọi là 50 dặm kiếp. Trăm dặm đá hết thì gọi là trăm dặm kiếp. Ngàn dặm đá hết thì gọi là ngàn dặm kiếp, vạn dặm đá hết thì gọi là vạn dặm kiếp.” Tất cả Hiền Thánh vào số lượng này, tu tất cả pháp môn, trải qua thời gian lâu hoặc mau, mà được quả Phật. Thời gian ấy có thể đến trăm kiếp mới chứng đắc Đẳng giác. Nếu tất cả chúng sanh vào trong số này, không bao lâu sẽ được thành Phật. Nếu không ở trong số này, thì không được gọi là Bồ Tát.

Nay nói *trăm kiếp tu hành*, như phẩm Thượng ghi: “Trăm A Tăng kỳ kiếp.” ở đây có thể do lược bớt kinh văn. Xét trong các kinh khác đều ghi: “Như Lai tu hành 3 Đại A Tăng kỳ kiếp, hoặc hơn thế nữa.” Lại trong trăm trung kiếp tu nhân tướng hảo, nên nói trăm kiếp là vậy. Ngài Thiên Thai Trí Giả dẫn Trí Độ Luận, Câu Xá Luận, Bà Sa Luận, v.v..., mà nói rằng: “Đức Như Lai từ cổ Phật Thích Ca đến Phật Thi Khí, Ngài gặp 75,000 Phật, gọi đó là *A Tăng Kỳ đầu tiên* (chẳng phải Phật Thi Khí trong thất Phật). Từ Phật Thi Khí đến Phật Nhiên Đăng, gặp 76,000

Phật, gọi đó là *A Tăng Kỳ thứ 2*, được thọ ký biệt hiệu là Thích Ca Văn. Từ Phật Nhiên Đăng đến Phật Tỳ Bà Thi, gặp 77,000 Phật, gọi là viên mãn *A Tăng Kỳ thứ 3*.” Từ kiếp đầu tiên đến đây, tu Lục độ đã xong, lại trụ trăm kiếp, tu nhân của 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, nên Kinh Hiền Ngu chép: “Phật nói: Ta trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, tinh tấn siêng tu khổ hạnh, trăm kiếp tu phước.”

- A Tăng Kỳ đầu tiên, tu cúng dường 84,000 Phật.
- A Tăng Kỳ thứ 2, cúng dường 99,000 Đức Phật
- A Tăng Kỳ sau cùng, cúng dường 100,000 Phật Thế Tôn, xuất gia tu hành trì giới nghiêm mật, đầy đủ giới Ba-La-Mật, nương xe lục độ, mặc giáp nhẵn nhụi, ngồi tòa kim cương, dưới cội Bồ đề, hàng phục Ma vương chứng thành Phật đạo.

Xét trong kinh Anh Lạc: “Khi Phật mới phát tâm tu hành chí cầu quả vị Duyên Giác, ở chỗ vắng vẻ nhàn tĩnh, trải qua 44 ức kiếp, không có Phật pháp thánh chúng. Thời gian đó là 70 kiếp sau cùng, gặp Phật Đại Thông Huệ diễn nói pháp Đại Thừa, mới phát khởi chút lòng tin hiểu, kiến tạo công đức. Trải qua 19 kiếp nữa, làm bậc Đại Quốc vương, cúng dường chúng Thanh tịnh, chu cấp cho những người nghèo thiếu, rời bỏ ngôi vua, xuất gia tu hành, an ngôi tĩnh niệm, tâm lần lần bị mệt mỏi, qua lại trong đường sanh tử, thọ báo vô số, do ý không phát Đại Thệ nguyện, chỉ muốn thoát khỏi hoạn khổ tự thân. Lại trải qua 60 kiếp, gặp được Phật Bảo Anh, nói đạo nhưt thừa không hai, không nghe tên tiêu tiết, ngay đó phát tâm, thệ tâm rộng lớn không trở ngại, từ đó đến nay, trải qua bảy ức A Tăng Kỳ, luôn luôn thuận theo chánh pháp, nay mới tự giác ngộ. Phải biết bảy kiếp về trước, tuy là cần khổ tu đạo, nhưng không có thệ nguyện vững chắc, nên trọn không thể thành bậc Đăng Chánh Giác.”

Căn cứ vào đây thì trăm A Tăng Kỳ kiếp vẫn còn ít, đây cũng chỉ tùy cơ mà nói. Hóa nghi của Quyền thật, Đại tiểu không đồng. Nay đức Xá Na diễn nói pháp mà mình tu chứng ấy, khiến người khác sanh lòng tin. Nương pháp môn Tâm địa này để đạt đến kết quả tu chứng.

Chư Phật các ông truyền lời Ta đã nói, nghĩa là trước nói pháp, là khắp vì đại chúng, nay trao tâm ấn cho người chẳng phải người khác có thể kham được, nên đặc biệt phó chúc cho ngàn Phật Thích Ca, truyền lại lời của đức Phật Xá Na, chỉ lại cho các chúng sanh, khiến cho trên thừa dưới tiếp, vâng giữ giới pháp sẵn có.

Khai mở con đường tâm địa cho chúng sanh, nghĩa là tâm của tất cả chúng sanh vốn rộng rang, nhưng vì từ vô thủy kiếp đến nay, bị vọng tình hoặc nghiệp ngăn che, nên đức Xá Na phó chúc cho Thích Ca, truyền pháp môn khai mở tâm địa, khiến cho tất cả chúng sanh hoát nhiên khai thông tự tâm sẵn có của mình xưa nay. Nay chỉ nêu sơ lược, phần sau sẽ giải thích rõ hơn.

2. Phó chúc riêng

Lúc bấy giờ, đức Phật Lô Xá Na ngồi trên tòa sư tử có ánh sáng cõi trời rạng rỡ trong thế giới Liên hoa Đài tạng. Đức Phật phóng hào quang, trong hào quang có tiếng nói bảo Phật trên ngàn hoa, thọ trì pháp môn Tâm địa của Ta, mà đi truyền lại cho ngàn trăm ức Thích Ca, cho đến tất cả chúng sanh, theo thứ lớp nói phẩm Pháp môn Tâm địa này. Các ông nên thọ trì đọc tụng vâng làm.

Giải thích:

Thế giới Liên hoa Đài tạng, chính là thế giới Hoa Nghiêm Hải Tạng. Tạng, nghĩa là bao hàm, vì mười phương pháp giới, đều trụ trong đó. Phần còn lại là văn trùng tụng, sau sẽ giải thích.

Trên tòa sư tử có ánh sáng cõi Trời, nghĩa là tòa phát ra quang minh cao sáng hiển lộ rực rỡ, cũng như thiên quang chiếu khắp. Như Lai thuyết pháp vô úy, ma vương và ngoại đạo thấy đều quy phục, cũng như sư tử rống lên, các loài cầm thú khi nghe tiếng, thấy đều chạy trốn. Bởi vậy, tòa Phật ngồi gọi là tòa Sư tử, còn gọi là tòa Pháp không, cũng biểu thị cho sự vô úy, vì Như Lai chứng pháp Không, nên không sợ hãi.

Phẩm Thượng ghi: “Đức Xá Na ở trong cung Kim cang Quang Minh, ngồi trên trăm ngàn muôn ức hoa sen, ánh quang của tòa này sáng rõ” là vậy. Trong ánh hào quang có tiếng nói bảo các Phật trên hoa sen, nghĩa là tâm địa của Như Lai, vốn bật dứt danh ngôn sắc tướng. Nay muốn hiển tâm địa chánh pháp này, trở lại dùng ánh sáng của tâm làm Phật sự, nên không dùng lời nói mà dùng ánh quang bảo. Đây là Phật Xá Na phóng quang bảo ngàn Phật. Ngàn Phật lại chuyển cho ngàn Phật Thích Ca hóa Phật, Thích Ca lại vì các chúng sanh mà nói.

Theo thứ lớp nói phẩm Tâm địa pháp môn, nghĩa là như phẩm trước nói về giai vị tu chứng của Bồ Tát, gồm các pháp môn như Thập Phát thú, Tâm địa pháp môn, v.v... nên đây bao gồm hết tâm địa giới phẩm sau, ở tâm thọ trì, ở miệng thì đọc tụng, tâm và khẩu tấn tu không hai, nên nói “Nhất tâm vãng làm.”

3. Cúng dường Bốn tôn

Lúc bấy giờ, Phật trên ngàn hoa, ngàn trăm ức Thích Ca từ tòa Sư tử sáng rõ trong thế giới Liên hoa Đài tạng đứng dậy, tất cả đều thối lui, toàn thân các Ngài phóng ra hào quang không thể nghĩ bàn, trong hào quang đó hóa ra vô lượng Phật, đồng thời đem vô lượng hoa xanh, vàng, đỏ, trắng dâng lên cúng dường Phật Lô Xá Na, rồi thọ trì phẩm Tâm địa pháp môn như trước đã nói.

Giải thích:

Đức Xá Na đem Pháp phó chúc cho Phật ngồi trên ngàn hoa, Phật trên ngàn hoa lại đem pháp phó chúc cho ngàn trăm ức Thích Ca, tất cả đều lãnh thọ vãng theo, nên cáo từ thối lui.

Toàn thân các Ngài phóng ra ánh sáng không thể nghĩ bàn, nghĩa là ánh quang của Chư Phật có Thường quang và Phóng quang. Thường quang chính là bản giác viên minh, ánh sáng ấy chiếu khắp pháp giới. Phóng

quang tức là khởi thần thông, biến hiện chẳng phải một, nhưng không lìa bốn nguyên tâm địa giới thể mà lưu xuất. Đã là giới thể cội nguồn, chính là bật dứt ngôn từ suy nghĩ, nên nói: “*Không thể nghĩ bàn.*”

Trong ánh quang đó, hóa ra vô lượng Chư Phật, mà vô lượng Chư Phật cũng không lìa tâm địa, như vậy tâm địa Xá Na cũng hóa ra ngàn Phật, ngàn Phật hóa ra ngàn trăm ức, ngàn trăm ức hóa ra vô lượng, lại hóa vô lượng hoa vi diệu rồi trở về cúng dường Phật tâm địa bốn nguyên. Đây cũng là biểu trưng Bồ Tát dựa vào Tâm địa giới thể, đồng tu phước huệ, để thành muôn đức trang nghiêm tự tâm.

II. HAI PHẬT THUYẾT PHÁP

1. *Phật trên ngàn hoa thuyết pháp*

Trước nói về Phật ngồi trên ngàn đài hoa, hiện thân ở mười nơi mà nói pháp. Sau nói về ngàn trăm ức Thích Ca cũng hiện thân ở mười nơi mà thuyết Pháp. Mười nơi ấy là:

1. *Kim cang tòa và Diệu Quang đường*
2. *Trong cung trời Đế Thích*
3. *Cõi trời Diệm Ma*
4. *Cõi trời Đâu Suất*
5. *Cõi trời Hóa Lạc*
6. *Cõi trời Tha Hóa*
7. *Cõi trời Sơ Thiên*
8. *Cõi trời Nhị Thiên*
9. *Cõi trời Tam Thiên*
10. *Cõi trời Tứ Thiên.*

(Đây là Sắc giới, Đệ Tứ thiên, thuộc trên đỉnh sắc giới cứu cánh thiên, trên đó không còn cõi trời nào nữa).

Giải thích:

Hỏi: Trên cõi Sắc cứu cánh không còn cõi Trời nào hết, vậy Tứ không thiên thuộc Vô sắc ở chỗ nào?

Đáp: Tứ không thiên kia dùng bốn uẩn làm thân (Thọ, Tưởng, Hành, Thức), không còn sắc chất, con người giống như ngọc nát, cõi như hư không, nên không có nơi chốn, chỉ tùy người đó ở chỗ nào tu chứng Tứ không định thì gọi là Tứ không thiên. Do định kia đã vượt ra ngoài Tứ thiên, nên để trên Tứ thiên.

Mỗi mỗi Phật đều từ thế giới Liên hoa Đài tạng này rời ẩn khuất, ẩn khuất rồi nhập Tam muội thể tánh hư không hoa quang, trở lại thế giới bản nguyên đến cõi Diêm Phù Đề, ngồi dưới cội Bồ đề.

Giải thích:

Thể tánh thì vô tướng, nên nói hư không, chính là Bản nguyên tâm địa. tâm địa vốn đủ trí dụng, nên nói tâm thể tuy không nhưng đầy đủ hằng sa tánh đức, trí quang diệu dụng, nên gọi là thể tánh Hoa quang. Vậy Tam muội (định) của Như Lai chẳng phải từ ngoài mà vào, nên nói: “*Na Già thường tại định, không lúc nào chẳng định.*”

Lại nói: “Không khởi diệt định, hiện các oai nghi, chỉ cho biết ảnh tượng mười pháp giới để dẫn đạo chúng sanh.” Nay nói nhập và xuất, do thể dụng hợp nhứt, nên nói *nhập*, thể dụng toàn bày nên nói “*xuất*”. Nghĩa là trăm ngàn định môn, đồng quy một tịch diệt, biển trí vô biên, cũng không lìa bản nguyên. Ngài Khuê Phong nói: “Dứt hết tâm phân biệt, trí và lý hợp nhau, gọi đó là *nhập*.”

Tam muội, Trung Hoa dịch là Chánh định, cũng gọi là Chánh thọ. Tên gọi Tam muội rất nhiều nên quả vị tu chứng cũng không giống nhau. Như tất cả Thiên định, cũng gọi là định, cũng gọi là Tam muội. Nay nói Thể tánh Hoa quang là vượt xa các Tam muội trên.

Diêm Phù Đề, Trung Hoa dịch là Thắng Kim Châu, nghĩa là phía Bắc cõi Nam Thiệm Bộ Châu này có cây Đại thọ tên là Diêm Phù Đề, dưới cây có sông, sông ấy có cát vàng màu đỏ, nên lấy đó đặt tên. Cây này dựa vào sông đặt tên, Châu là dựa vào cây mà đặt tên, cho nên tên dịch là Thiệm Bộ Châu.

Bồ đề, Trung Hoa dịch là Đạo, là đạo cùng tốt, gọi đó là Bồ đề, là đạo Đại Giác ngộ. Tên cây đó vốn gọi là Tát Bát La, Phật ngồi dưới gốc cây này, thành đạo chánh giác, nên gọi là Bồ đề. Cây này cao vài trăm thước, vỏ cây vàng trắng, lá cây màu xanh lục, mùa đông và mùa hạ không bị điêu tàn xơ xác, màu sắc tươi sáng không thay đổi. Thường

thường đến ngày 15 tháng 2 âm lịch, là ngày Như Lai nhập niết bàn, lá cây đều xơ xác rơi rụng, trong khoảnh khắc lại xanh tươi trở lại. Kinh Hoa Nghiêm ghi: “Cây Bồ đề cao lồ lộ rất đặc biệt, kim cương làm thân lưu ly làm cành, các thứ diệu báu xen lẫn làm nhánh, lá báu víu nhau, rũ xuống như mây che, hoa báu nhiều màu sắc, phần nhánh cây bủa khắp, lại dùng Ma ni làm quả”. Đây là Tha thọ dụng thân của Xá Na. Cảnh giới của Bồ Tát Thập địa, chẳng phải hàng phàm phu Nhị thừa có thể thấy được, đó cũng là biểu trưng cho Trí Quang thân thông tam muội của Phật, ảnh hiện trang nghiêm trong tâm địa, lại đồng thể tánh Hoa quang. Đức Thích Ca do tu tập đạo pháp này, nên nói rằng trở về thế giới bốn nguyên, dưới gốc Bồ đề.

Từ thể tánh tam muội hư không Hoa quang xuất định xong, Ngài mới ngồi kim cương Thiên Quang Vương tòa và Diệu Quang đường, diễn nói Thập Thế giới hải. Ngài lại từ tòa đứng dậy, đến cung trời Đế Thích nói pháp Thập trụ; đến cung trời Diệm Ma nói pháp Thập hạnh; đến cung trời Đâu Suất nói pháp Thập Hồi hương; đến cung trời Hóa lạc nói pháp Thập Thiên định; đến cung trời Tha Hóa nói pháp Thập địa; đến cõi Sơ thiên nói pháp Thập Kim cương; đến cõi Nhị thiên nói pháp Thập nhẫn; đến cõi Tam thiên nói pháp Thập nguyện, sau cùng ở cõi Tứ thiên nơi vương cung cõi trời Ma-hê-thủ-la, nói Phẩm Pháp môn Tâm địa mà Phật Lô Xá Na đã từng diễn nói trong Thế giới Liên Hoa Đài tạng Bốn nguyên của ta.

Giải thích:

Trước nói rõ ngàn Phật Thích Ca, sau cùng nói trăm ngàn ức Thích Ca, tất cả đều ở trước Phật Xá Na lãnh thọ Bồ Tát giới tạng rồi mới nhập định, trở về thế giới bốn nguyên. Nay nói rõ xuất định, hiện thân mười nơi nói pháp. Tòa Thiên Quang Vương, ở dưới cõi Bồ đề, cách Vương Xá thành 200 dặm, về phía Tây thuộc nước Ma Kiệt Đà, trung Thiên Trúc. Khi xưa thế giới này mới thành, tòa Thiên Quang Vương cùng đại địa đều dựng lập. Xét trong Tam thiên Đại thiên thế giới, tận cùng trái đất là kim luân, trên nối liền với mặt đất. Nó do kim cương tạo thành, chu vi hơn tám trăm bước. Vào thời Hiền kiếp một ngàn vị Phật ra đời, đều

ngôi tòa này để nhập định kim cang, thành Vô thượng chánh giác, nên gọi đây là tòa kim cang Thiên Quang Vương. Đây là nơi Như Lai tu chứng thành đạo, cũng gọi là Đạo tràng.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Đất kia kiên cố, do kim cang tạo thành, các hoa báu và bánh xe báu thượng diệu, ma ni trong sáng, để làm đồ trang nghiêm, các sắc tướng hiển hiện vô biên, do thần lực của Phật khiến cho đạo tràng này được trang nghiêm hiện bày, cung điện lầu các, chỗ Như Lai ở trang nghiêm, rộng lớn trùm khắp mười phương, do các sắc quang lập nên ma ni, các thứ hoa báu dùng để trang nghiêm, điện đường lầu các, thêm cấp cửa sổ, tất cả các vật tượng để trang nghiêm thể tánh. Tòa sư tử kia, rất cao rộng tốt đẹp, ma ni làm đài, hoa sen làm lưới, các báu thượng diệu thanh tịnh dùng làm bánh xe. Nếu chẳng phải hàng Đại cơ Bồ Tát, thì đâu có thể thấy được. Còn hàng phàm phu Nhị thừa, chỉ thấy được cây Bồ đề, tòa Bồ đề chu vi hơn trăm bước và Phật kim thân trượng sáu mà thôi.”

Diệu Quang đường, nghĩa là dùng các báu trang nghiêm, nên gọi là Diệu, đồ báu rục rờ chiếu rọi vào nhau nên gọi là Quang, cũng gọi là Phổ Quang đường, hay Phổ Quang Minh điện. Nó ở phía Tây cây Bồ đề không xa, khi Như Lai mới thành chánh giác, trời Phạm Vương dùng bảy báu kiến lập nhà này. Trời Đế Thích xây tòa bảy báu, phóng ánh sáng lạ chiếu dưới cội Bồ đề, đức Phật ngồi trên tòa này bảy ngày phóng quang. Ngày nay các thứ báu biến thành đá rồi. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Ở nơi *Phổ Quang Minh điện*, ngôi tòa sư tử *Liên hoa Đài tạng là thế*.”

Thập Thế giới hải: Xem kỹ trong Kinh Hoa Nghiêm. Tóm lại gồm:

1. Thế giới hải
2. Chúng sanh hải
3. Pháp giới an lập hải
4. Phật hải
5. Phật Ba-la-mật hải
6. Phật giải thoát hải

7. Phật biến hóa hải
8. Phật diễn thuyết hải
9. Phật danh hiệu hải
10. Phật thọ lượng hải.

Biển lấy sâu rộng làm nghĩa, tức là tất cả pháp Như Lai đã nói, mười thứ này tóm thâu hết.

Kinh Anh Lạc chép: “Khi Phật mới đắc đạo, dưới cội cây Bồ đề, Ngài nói pháp môn Thập Thế giới hải. Lúc đó có 80,000 Vô cấu Bồ Tát hiện thân thành Phật. Lại nói có 90 ức người thể nhập Lục nhập Minh môn. Ngài lại đến pháp đường Phổ Quang giảng về mười quốc độ Phật, có trăm muôn ức người, thể nhập Lục nhập Minh môn, cho nên Ngài ở Ma Ni đường – cõi trời thứ sáu - giảng pháp Thập địa, có trăm muôn hằng hà sa số người thể nhập Lục nhập Minh môn.

Cung điện của Đế Thích: Đế Thích tiếng Phạn nói đủ là Thích Đề Hoàn Nhơn, Trung Hoa dịch là Năng Thiên Chủ, nghĩa là người này thường làm thiên chủ ba mươi ba cõi trời. Cung điện của thiên chủ này tên là Thù Thắng điện, ở trên đỉnh núi Tu Di, chính là cõi trời Đao Lợi thứ hai trong các cõi trời dục giới. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lúc bấy giờ do oai thần lực của Như Lai, tất cả thế giới trong mười phương, mỗi một tứ thiên hạ trong cõi Diêm Phù Đề thấy đều thấy Như Lai, ngồi nơi cội Bồ đề, mỗi Phật đều có Bồ Tát nương thần lực của Chư Phật để diễn nói pháp. Họ đều cho rằng ta hằng ở nơi Phật.”

Bấy giờ đức Thế Tôn không rời khỏi cội Bồ đề, mà lên đỉnh núi Tu Di, hướng về cung điện trời Đế Thích, ngoài ra Phật trong các cõi cũng đều như vậy.

Kinh Sớ ghi: “Như Lai chẳng rời Bồ đề mà lên cõi trời Đế Thích, đó là thể dụng tự tại, phó cảm đến lòng ham muốn của chúng sanh.” Thí như khi nước sông yên lặng, dù một mặt trăng, nhưng ba thuyền cùng thấy, một thuyền dừng lại, hai thuyền đi về phía Nam và Bắc. Người trên thuyền phía Nam thấy trăng ngàn dặm theo phía Nam, người trên thuyền

phía Bắc thấy trăng ngàn dặm theo phía Bắc, người trên thuyền dừng lại thấy trăng không dời đổi. Ấy là mặt trăng không lìa giữa dòng mà đến phía Nam hay phía Bắc. Như Lai ứng hiện cũng thế. Nên biết dụng của pháp thân là ứng thân cùng khắp, đi hay ở là do nơi duyên chứ Phật không động tĩnh. Nên Kinh chép: “Thân Phật biến khắp pháp giới, khắp hiện ở trước tất cả chúng sanh, tùy duyên phó cảm đều châu biến mà vẫn hằng ở nơi tòa Bồ đề.” Bởi vậy, Như Lai không rời chơn tế mà lợi lạc khắp quần sanh.

Thập trụ, là hàng Bồ Tát tấn tu từ cạn đến sâu, lấy Diệu giác làm quả cuối cùng, nhưng bắt đầu từ Thập tín nên nói quả Diệu giác từ *Tín* mà vào, vào rồi an trụ.

Từ đây sắp xuống bốn mươi ngôi vị: Trụ, Hạnh, Hương, Địa. Các Kinh khác chỉ nêu sơ lược.

Ngay trong Phẩm Thượng, bản kinh nói phát lòng tin nhẫn kiên cố rồi, tiến lên Thập Phát Thú Tâm. Mười tâm ấy là:

1. Xả tâm
2. Giới tâm
3. Nhẫn tâm
4. Tấn tâm
5. Định tâm
6. Huệ tâm
7. Nguyện tâm
8. Hộ tâm
9. Hỷ tâm
10. Đảnh tâm.

Kinh An Lạc Bốn Nghiệp chép:

1. Phát tâm trụ
2. Trì địa tâm trụ
3. Tu hành tâm trụ

4. Sanh quý tâm trụ
5. Cụ túc phương tiện tâm trụ
6. Chánh tâm trụ
7. Bất thối tâm trụ
8. Đồng chơn tâm trụ
9. Pháp vương từ tâm trụ
10. Quán đảnh tâm trụ.

Diệm Ma Thiên, tiếng Phạn là Diệm Ma hoặc Dạ Ma, Trung Hoa dịch là Thời Phần, là cõi trời thứ ba trong sáu cõi dục. Cung điện cõi trời này gọi là Bảo đường.

Thập hạnh, là do mười Trụ trước tấn thú tu hành được viên mãn. Tuy tu hành chưa thành tựu nhưng được lợi ích cả hai là tự lợi và lợi tha, nên lợi ích khắp chúng sanh, tùy thuận lòng mong muốn của họ, khiến họ được vui mừng, thực hành pháp nhẫn kiên cố, gọi là Thập Trụ dưỡng tâm.

Mười tâm được Trưởng dưỡng ấy là:

1. Từ tâm
2. Bi tâm
3. Hỉ tâm
4. Xả tâm
5. Thí tâm
6. Hảo tâm
7. Ích tâm
8. Đồng tâm
9. Định tâm
10. Huệ tâm

Kinh Anh Lạc chép:

1. Hoan hỷ tâm hành
2. Nhiều ích tâm hành

3. Vô sân hận tâm hành
4. Vô tận tâm hành
5. Vô si loạn tâm hành
6. Thiện hiện tâm hành
7. Vô trước tâm hành
8. Tôn trọng tâm hành
9. Thiện pháp tâm hành
10. Chơn thật tâm hành.

Cõi trời Đâu Suất là cõi trời thứ tư trong sáu cõi trời dục, Trung Hoa dịch là Hỷ Túc. Cung điện cõi trời này gọi là Pháp Quang đường.

Thập Hồi hướng, nghĩa là hành giả tấn tu thập hạnh viên mãn rồi, khởi tâm đại bi cứu độ tất cả chúng sanh, hồi chuyển pháp thiện của Thập hạnh, hướng đến ba chỗ:

1. Hướng đến Chơn như thật tế, ấy là sở chứng.
2. Hướng đến Vô thượng Bồ đề, ấy là sở cầu.
3. Hướng đến tất cả chúng sanh, ấy là đối tượng sở độ.

Lại dùng tâm năng hồi hướng và thiện hạnh, sở hồi hướng, hướng đến muôn loại, vạn hạnh được viên mãn, đồng nhập vào pháp giới, chính là “Kiên trì tu nhẫn” trong Phẩm Thượng, kiên cố tu trì trong tâm nhẫn.

Thập Kim cang tâm gồm:

1. Tín tâm
2. Niệm tâm
3. Hồi hướng tâm
4. Đạt tâm
5. Trục tâm
6. Bất thối tâm
7. Đại thừa tâm
8. Vô tướng tâm
9. Huệ tâm

10. Bất hoại tâm.

Kinh Anh Lạc chép:

1. Tâm hồi hướng cứu độ tất cả chúng sanh, lia chúng sanh tướng.
2. Tâm hồi hướng chẳng hoại
3. Tâm hồi hướng ngang bằng tất cả Phật
4. Tâm hồi hướng đến mọi nơi
5. Tâm hồi hướng kho tàng công đức vô tận
6. Tâm hồi hướng tùy thuận căn lành bình đẳng
7. Tâm hồi hướng tùy thuận quán tất cả chúng sanh như nhau
8. Tâm hồi hướng tướng chân như
9. Tâm hồi hướng giải thoát, không trói buộc
10. Tâm hồi hướng thể nhập vô lượng pháp giới.

Cõi trời Hóa Lạc là cõi trời thứ năm trong sáu cõi trời dục giới.

Thập Thiên định, cũng gọi là Thập Đại tam muội, các Đại Bồ Tát mới có khả năng khéo vào. Vào tam muội này (nhập định) được pháp giới lực không cùng tận, được pháp vương vị vô lượng tự tại, sanh vào nhà Như Lai, thị hiện các thứ thân thông quảng đại. Thập Đại tam muội ấy là:

1. Phổ Quang tam muội
2. Diệu Quang tam muội
3. Thứ lớp khắp đến các cõi Phật tam muội
4. Thành tinh tấn tâm hành tam muội
5. Biết quá khứ tạng trang nghiêm tam muội
6. Trí Quang Minh Tạng tam muội
7. Biết rõ tất cả thế giới Phật trang nghiêm tam muội.
8. Chúng sanh sai biệt thân tam muội
9. Pháp giới tự tại tam muội
10. Vô ngại luân tam muội.

(Xem phẩm Thập Định trong Kinh Hoa Nghiêm.)

Cõi trời Tha Hóa là cõi trời thứ sáu trong sáu cõi trời dục giới. Cung điện cõi trời này tên là Ma Ni Bảo Tạng.

Thập địa, nghĩa là hành Bồ Tát chứng ngôi Thập địa này, cũng như đất liền, tất cả Phật pháp nương vào đây phát sanh.

Kinh Anh Lạc chép: “Địa gọi là Trì, giữ gìn tất cả muôn A Tăng Kỳ công đức.” Địa cũng gọi là sanh, vì sanh ra tất cả nhơn quả, tức Thập Địa trong Thánh Nhân Kiên Cố ở Phẩm Thượng, gồm:

1. Thể tánh bình đẳng địa
2. Thể tánh thiện huệ địa
3. Thể tánh quang minh địa
4. Thể tánh nhĩ diệm địa
5. Thể tánh huệ chiếu địa
6. Thể tánh hoa quang địa
7. Thể tánh mãn túc địa
8. Thể tánh Phật hống địa
9. Thể tánh Hoa Nghiêm địa
10. Thể tánh nhập Phật giới địa.

Kinh Anh Lạc chép:

1. Hoan hỷ địa
2. Ly cầu địa
3. Minh địa hay Pháp quang địa
4. Diệm Huệ địa cũng gọi là Diệm địa
5. Nan Thắng địa
6. Hiện tiền địa
7. Viễn hành địa
8. Bất động địa
9. Diệm Huệ địa cũng gọi là Thiện Huệ địa
10. Pháp Vân địa.

Sơ thiên là sơ Thiên thiên trong Sắc giới.

Thập Kim cang: Xét ở phẩm thượng và phẩm hạ trong kinh này chính là Thập Hồi hương. Nhưng ở cõi trời thứ tư đã nói đến Thập Hồi hương, ở đây tên gọi tuy giống nhưng ý nghĩa thì khác. Nay dựa vào Kinh Hoa Nghiêm nêu ra Thập Kim cang tâm. Nhưng bản kinh này và kinh Hoa Nghiêm, cùng nói trong một thời gian, về sau các vị kết tập, chia làm hai bộ. Nghĩa là tâm nguyện của Bồ Tát thì kiên cố vững chắc không gì lay động được, chắc như Kim cang.

1. Tâm rõ biết các pháp
2. Tâm hóa độ chúng sanh
3. Tâm trang nghiêm thế giới
4. Tâm đem căn lành hồi hương
5. Tâm phụng sự Đại sư
6. Tâm thực chứng các pháp
7. Tâm hành hạnh nhẫn nhục rộng lớn
8. Tâm luôn luôn tu hành
9. Tâm tự hành đầy đủ
10. Tâm khiến cho người khác được mãn nguyện.

Nhị thiên là đệ nhị Thiên thiên trong Sắc giới.

Thập nhẫn, hành giả đạt được sức nhẫn này, thì đạt được nhẫn địa vô ngại của Bồ Tát, chứng đắc tất cả Phật pháp, vô ngại không cùng tận. Đây chính là hậu tâm Đẳng giác Bồ Tát đã chứng các pháp, đoạn dứt hết vi tế vô minh. Trong Kinh Hoa Nghiêm, *Nhẫn* có nhiều loại:

1. Âm thanh nhẫn
2. Thuận nhẫn
3. Vô sanh pháp nhẫn
4. Như huyễn nhẫn
5. Như diệm nhẫn
6. Như mộng nhẫn
7. Như hương nhẫn
8. Như ảnh nhẫn

9. Như hóa nhân
10. Như không nhân.

Tam Thiên là đệ tam Thiên thiên trong Sắc giới.

Thập nguyện: Kinh Hoa Nghiêm nêu ra 2 loại:

Thập nguyện trước:

1. Nguyện thành tựu chúng sanh không có mệt mỏi
2. Nguyện hành đầy đủ các việc thiện để thanh tịnh các thế giới
3. Nguyện thừa sự Như Lai, thường sanh tâm tôn kính
4. Nguyện hộ trì chánh pháp, không tiếc thân mạng
5. Nguyện dùng trí tuệ quán sát các cõi Phật
6. Nguyện cùng các Bồ Tát, đồng một thể tánh
7. Nguyện vào cửa Như Lai, rõ tất cả pháp
8. Nguyện thấy Phật sanh lòng tin kính đều được lợi ích
9. Nguyện dùng thần lực trụ thế, mãi cho đến kiếp vị lai
10. Nguyện đầy đủ hạnh nguyện của đức Phổ Hiền, trừ sạch cấu uế, chứng đắc môn như thuyết chúng trí.

Thập nguyện sau:

1. Nguyện lễ kính Chư Phật
2. Nguyện xưng dương tán thán Như Lai
3. Nguyện rộng tu các pháp môn để cúng dường
4. Nguyện sám hối tất cả nghiệp chướng
5. Nguyện vui theo tất cả công đức
6. Nguyện thỉnh Phật chuyển bánh xe pháp
7. Nguyện thỉnh Phật trụ thế
8. Nguyện thường theo Phật để học hỏi
9. Nguyện hằng tùy thuận chúng sanh
10. Nguyện hồi hướng khắp tất cả.

Tứ thiên là đệ tứ Thiên thiên trong Sắc giới.

Ma Hê Thủ La, Trung Hoa dịch là Đại Tự Tại, được tám thứ tự tại, giải thoát tâm ham vui, ánh quang sáng vượt hơn tất cả, ở trên đỉnh cõi sắc giới, làm bậc Thiên chủ thống lãnh Đại Thiên thế giới. Thập Trụ Bồ Tát này tên là Oai Linh Đế, Phật trước ở cõi Tứ Thiên thuyết giảng các pháp môn trụ, hạnh, hướng, v.v... nay thân rốt sau cũng ở Tứ Thiên, giảng pháp *Tâm địa Pháp môn*.

Lại nữa, không có pháp nào vượt qua tâm. Nay pháp vô vi, vô tướng là bốn nguyên chẳng phải tâm phàm phu và sơ phát ý Bồ Tát có thể lường được, chỉ có Phật cùng Phật, mới có thể biết được mà thôi.

2. Ngàn trăm ức Thích Ca nói Pháp

Ngoài ra hai trăm ức Thích Ca giảng nói cũng lại như thế, không hai không khác, như trong Phẩm Hiền Kiếp có nói rất rõ.

Giải thích:

Pháp môn Tâm địa của Xá Na, nay một ngàn trăm ức Phật, cũng thuật lại như thế, nên nói: “Không khác, không hai.”

Phẩm Hiền Kiếp rút ra từ Đại Bản, Kinh văn trước đã nói. Đây là phần tổng kết phẩm Thượng. Văn sớ ngày xưa đặt phần này ở đầu phẩm hạ, để bày rõ Bản và Tích của Phật Thích Ca, khiến cho người biết rõ như xem chỉ trong bàn tay, nên nay theo bản cựu dịch.

III. MỘT PHẬT THUYẾT PHÁP

1. Mời nơi thuyết pháp

Lúc bấy giờ đức Phật Thích Ca Mâu Ni từ lúc mới hiện thân thế giới Liên hoa Đài tạng, từ Đông phương đến Vương cung cõi trời này nói kinh, giáo hóa chúng trời, rồi Ngài giáng sanh cõi Diêm Phù Đề, nước Ca Tỳ La.

Mẹ Ngài là Hoàng hậu Ma Da, Cha tên Bạch Tịnh, Ngài tên Tất Đạt, 7 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành đạo, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, ở nơi Tịch diệt đạo tràng, ngôi tòa Hoa Quang Vương, cho đến Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La, trong thời gian đó, lần lượt nói pháp, cả thầy mời nơi.

Giải thích:

Trước nói về ngàn Phật, ngàn trăm ức Thích Ca nói pháp trong trăm ngàn ức thế giới, nay nói về một thế giới, một đức Phật Thích Ca giáng sanh, nói rõ quốc độ, tên họ cha mẹ, xuất gia tu đạo thành Phật, tóm tắt đại lược về việc lợi sanh.

Đông phương, nghĩa là thế giới có một mặt trời, một mặt trăng này ở phía Đông trong thế giới Hoa tạng, nên kinh Anh Lạc chép: “Trong một pháp giới, có quả báo của một cõi. “Đối với tất cả pháp hữu vi, hoặc phàm hoặc thánh, nếu thấy mà chấp đắm, hoặc pháp như pháp quả, cũng không ngoài pháp giới. Chỉ có riêng Phật là người sống ngoài pháp giới, sau lại trở vào pháp giới tạng, chỉ rõ thiện, ác, tốt, xấu, vô lượng quả báo sai khác cho những chúng sanh vô minh sâu dày.

Cung Thiên Vương, là nơi tất cả Phật xuất thế. Đầu tiên Phật ở cõi trời Đâu Suất Thiên cung để giáo hóa các Thiên tử ở cõi này, xong Ngài giáng sanh xuống cõi Nam Diêm Phù Đề.

Ma Thọ hóa, nghĩa là theo các kinh điển Phật nói trời Đâu suất không có ma, các Thiên tử cõi trời thường tu pháp môn Hỷ túc định nên không có ma ở cõi này. Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La ở Tứ Thiên thiên là chót đỉnh cõi sắc giới. Tứ Thiên có 9 cõi trời, 5 cõi trời trên gọi là “Ngũ bất hoàn thiên” - thuộc cõi sắc giới, đây đều là chỗ ở của các vị Thánh nhơn đã chứng A Na Hàm, là quả thứ ba trong tứ quả Thanh văn Nhị thừa. Trên đỉnh cõi sắc giới có cung điện Tỳ Lô Giá Na, các vị đại Bồ Tát thường tập hợp trên đó nên không có ma. Phật ở trong cung điện Ma vương, nơi cõi trời Tha Hóa nói pháp, khiến cho ma được thọ hóa rồi, mới đến cõi trời Đâu Suất, hoặc ma tự đến cõi trời Đâu Suất thọ hóa.

Trong Tập Chú ghi: “Đâu Suất thiên còn ở trong dục giới, trong bảy cõi trời Phạm Thế, vì Phật thường ở trong đạo pháp, nên cung Ma thường bao hàm hết trong đó. Lúc Thế Tôn ở cung trời Đâu Suất, Ngài có tên là Bồ Tát Hộ Minh.

Nước *Ca Di La*, Trung Hoa dịch là Xích Trạch; hay *Ca Tỳ La*, Trung Hoa dịch là Huỳnh Sắc, nghĩa là từ xa xưa có vị tiên tóc vàng tu đạo ở đây, nên lấy đó đặt tên. Đây thuộc địa phận Thiên Trúc. Thiên Trúc gồm có 12 nước, Ca Di La chính là trong địa phận Nam Thiệm Bộ Châu. Tiếng Phạn Ma Ha Ma Da, Trung Hoa dịch là Đại Huyền, cũng gọi là Đại Trí Mẫu, nghĩa là Bồ Tát thành tựu Đại nguyện Trí huyển giải thoát môn, dùng Đại Huyền Thuật, thường làm mẹ chư Phật. Ngày 8 tháng 7 âm lịch, Hộ Minh Bồ Tát từ cung trời Đâu Suất cỡi Đại bạch tượng vương vào hông phải bà mẹ mà thụ thai. Căn trí Đại thừa thấy Bồ Tát nương lầu các chiên đàn, trụ trong thai mẹ. Phụ vương tên *Duyệt Đàn Đầu*, Trung Hoa dịch là Tịnh Phạn, nay gọi là Bạch Phạn – tuy hai nghĩa nhưng ý chỉ là một.

Tát Đạt, Trung Hoa dịch là Đốn Kiết, nghĩa là Phật đản sanh, ngày mồng 8 tháng 4, các điềm lành kiết tường, liền thời xuất hiện. Còn dịch là Nhứt Thiết Nghĩa Thành, đây là tên chữ của Phật khi còn tuổi nhỏ. Bảy tuổi, Ngài xuất gia. Các kinh đều nói 19 tuổi hoặc 24 tuổi, nay nói 7 tuổi hoặc 24 tuổi xuất gia. Đầu tiên Ngài đến tham vấn các vị tiên nhơn, biết chỗ sở đắc của họ là chẳng phải chánh đạo. Thật ra, ngay từ

khi Bồ Tát mới 7 tuổi, ở nơi vườn ngự uyển, ngồi dưới gốc cây Diêm phù, Ngài tu đạo ly dục tịch tĩnh rồi, một năm trôi qua, vì muốn hàng phục các hàng ngoại đạo, thị hiện tu tập 6 năm khổ hạnh cộng thành 7 năm, thế nên nói 7 tuổi xuất gia, 30 tuổi thành đạo. Có kinh nói 19 tuổi, nửa đêm ngày 15 tháng 2, Ngài cưỡi ngựa Kiên trắc vượt thành xuất gia, 6 năm tu hành khổ hạnh, 5 năm đi du hóa, 30 tuổi thành đạo.

Đây tất cả đều do Như Lai tùy cơ ứng hóa, chẳng phải trí hiểu biết của phàm phu, Nhị thừa có thể lường được, hoặc là đương thời các nhà phiên dịch tạm ước định thế thôi. Người xưa thận trọng, họ không dám sửa đổi.

Thích Ca, Trung Hoa dịch là Năng Nhơn – là họ. *Mâu Ni*, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc – là tên. Từ Phật xa xưa đã thọ ký cho Ngài được Thánh hiệu này, cũng nói thưở xa xưa Như Lai làm người thợ gốm cúng dường Cổ Phật Thích Ca, tự phát thệ nguyện, nguyện đồng danh hiệu như đức Phật kia.

Tịch diệt Đạo tràng, chính là dưới cội cây này thành đạo giác ngộ, tòa này là chỗ chứng Đại Tịch diệt đạo Niết Bàn, hoặc nói Tịch ngữ trụ thiền nào, dứt hai thứ sanh tử (phân đoạn và biến dịch) là nơi đắc đạo.

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ngồi nơi tòa này, rõ suốt tất cả pháp rồi thành bậc tối chánh giác.” Nhưng pháp thân thì vốn không thành, vượt ra ngoài chướng ngại gọi là thành, báo thân tứ trí tròn sáng là thành, hóa thân tám tướng ngồi dưới gốc cây Bồ đề là thành. Nên nói: “Thích ứng với vật nên gọi là thành thân, tùy nghi đặt tên.”

2. Nhơn duyên khởi giáo

Khi ấy Phật quán xem màn lưới báu của các trời Đại Phạm Thiên Vương, nhân đó nói vô lượng thế giới cũng như lỗ lưới, mỗi mỗi thế giới, đều khác nhau không đồng, có vô lượng sai khác, pháp môn của Phật cũng lại như thế.

Giải thích:

Đại phạm Thiên Vương, nghĩa là ba ngàn Đại Thiên thế giới, có muôn ức Đại Phạm Thiên Vương. Đại ở đây, chẳng phải Đại Phạm Thiên Vương trong cõi trời sơ thiên, mà là Đại Tự Tại Phạm vương ở cõi trời Tứ Thiên.

Xét trong phẩm trước, thì có vô lượng Đại Phạm Thiên Vương. Đây tổng nêu các trời Phạm Vương trong thế giới đến nhóm họp nhiều như vi trần.

Mành lưới báu, nghĩa là nhiều muôn mặt lưới, lớp lớp trùng trùng, vô lượng sai khác, mà ánh sáng hạt châu chiếu rọi vào nhau, không ngăn ngại nhau. Chư Phật tùy cơ thuyết giáo, cũng đều sai khác vô lượng, nhưng không hề bị ngăn ngại.

3. *Giáng sanh không phải một*

Nay Ta đã đến thế giới Ta Bà này tám ngàn lần, ngồi trên tòa Kim cương Hoa quang, cho đến Vương cung cõi trời Ma Hê Thủ La, vì tất cả đại chúng trong đây nói sơ lược Tâm địa pháp môn.

Giải thích:

Pháp thân Như Lai, nghĩa là thể của pháp thân vắng lặng như hư không, vốn đã lìa tướng năng và sở, động tịnh, sanh diệt, qua lại. Nên kinh Đại Bát Niết Bàn chép: “Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ”, nghĩa là pháp thân Như Lai không từ đâu đến và cũng không đi về đâu. Nay nói *tám ngàn lần*, chính là đại dụng của Như Lai, dùng Bi trí lợi sanh mà thôi.

Kinh Hoa Nghiêm chép rằng: “Như Lai vốn không có thân, vì chúng sanh nên Ngài thị hiện thân kia.” Pháp thân thì vô sanh mà không chỗ nào là không có, có tất cả tướng. Pháp thân và Hóa thân không có dị thể, do cơ cảm của chúng sanh, thì thấy Phật cũng xuất thế, khi duyên

hết thì thấy Phật nhập diệt. Như áng mây che mặt trời, kẻ ngu muội liền cho Phật diệt độ. Khi mây tan mặt trời hiện, lại bảo rằng Phật xuất hiện. Chúng sanh cũng vậy, nghiệp chướng nặng không thấy được mặt trời trí tuệ, nghiệp nhẹ thấy được Phật xuất hiện nơi đời, chỉ do cơ cảm của chúng sanh chứ Phật không hề có đến đi. Xuất thế hay diệt độ đều vì lợi ích chúng sanh mà thôi. Nên Kinh Niết Bàn chép: “Chư Phật Như Lai vì muốn khiến cho chúng sanh sanh tâm ham mộ, nên xuất hiện nơi đời, muốn khiến cho chúng sanh sanh tâm ngưỡng mộ và luyến tiếc, nên thị hiện nhập Niết bàn.” Theo các kinh khác, trăm ngàn chỉ là số lớn của tục ngữ mà thôi. Như kinh Niết Bàn chép: “Ta tuy ở cõi Diêm Phù Đề, thường thường thị hiện nhập Niết bàn, nhưng thật ra ta đâu thực nhập Niết bàn.” Như Lai tánh thực ra không diệt, thế nên phải biết đây là pháp thường trụ, pháp không thay đổi. Đại Niết Bàn tức là pháp giới của Phật Như Lai. Chúng sanh cho rằng Ta mới thành Phật, nhưng thật ra trong vô lượng kiếp việc làm đã xong vì tùy thuận pháp thế gian, nên Ta thị hiện ở cõi Diêm Phù Đề, xuất gia cho đến thành đạo.”

Kinh Pháp Hoa chép: “Thực ra Ta đã thành Phật từ vô lượng, vô biên, vô số kiếp đến nay. Trăm ngàn muôn ức Na Do Tha kiếp, Ta thường ở cõi Ta Bà này, thuyết pháp giáo hóa chúng sanh khắp mọi nơi, cả trăm ngàn Na Do Tha A Tăng Kỳ, cõi nước, dẫn dắt chúng sanh, thọ mạng của Ta cũng vô lượng A Tăng Kỳ kiếp thường trụ bất diệt, chẳng phải thực diệt độ, nhưng Ta nói: Sẽ diệt độ” đó là Như Lai dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh.

Hỏi: Như Lai đã thành Phật từ lâu xa, sao không tự hiện thân thuyết pháp mà lại giáng sanh vào Vương cung Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Da để xuất gia tu đạo?

Đáp: Nếu không làm vậy, kẻ phàm phu vô trí sẽ nghi Phật là hóa nhơn, hoặc cho rằng người không có cha mẹ, vợ con, tông tộc, mới có thể đắc đạo; còn phàm phu làm sao đắc đạo, nên không chịu tu tập noi theo, đây chính là diêu dụng mà *Như Lai thị hiện*, phương tiện độ sanh.

Ta Bà, Trung Hoa dịch là Năng Nhãn, cũng gọi là Kham Nhãn, nghĩa là chúng sanh ở thế giới này hay kham nhãn, chấp nhận chịu khổ tam độc (tham, sân, si) và các khổ phiền não mà không sanh tâm nhàm lìa để cầu giải thoát.

Cho đến, nghĩa là mười nơi thuyết pháp này, trước là tòa kim cang, sau cùng là cung Thiên vương, ngoài ra còn 8 nơi khác ở hết trong đó.

Trước nói Thiên Quang Vương tòa, nay nói Hoa Quang Vương tòa, vì từ ngàn Phật cũng đều xuất phát từ Hoa Quang tam muội mà ngồi tòa này. Đại địa chấn động, mà tòa này nghiêm nhiên bất biến, chính là tiêu biểu thực tướng Tâm địa giới thể, cũng như chất kim cang, hay phá trừ được tất cả phiền não mà không bị phiền não làm dao động.

Vì tất cả đại chúng trong đây, nghĩa là đại chúng thập trụ xứ, lược nói trăm ngàn hằng hà sa pháp môn trong tâm địa, như chùng đầu sợi lông rồi sau mới vì hàng địa thượng phàm phu mà nói, văn sau sẽ nêu rõ.

4. Nói giới cho phàm phu

Phật từ cung Thiên Vương, cho đến Nam Diêm Phù Đề, dưới cội Bồ Đề, vì tất cả chúng sanh, kể phàm phu si ám, nói Tâm địa Phật Lô Xá Na. Người sơ phát tâm nên đọc tụng Kim cang Quang minh Bảo giới này, là bốn nguyên của tất cả Phật, tất cả Bồ Tát, là Phật tánh chủng tử của tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả ý thức, sắc tâm là tình, là tâm đều ở trong Phật tánh giới, thường có chánh nhân, thường có pháp thân thường trú.

Giải thích:

Trước vì Đại chúng Bồ Tát mà nói, nay vì hàng phàm phu trước quả vị Thập địa mà nói. *Si* là không biết chánh pháp, vọng sanh tà kiến, *Ám* là vô minh phiền não, che lấp tâm địa.

Như Lai vì lòng từ bi thương xót hạng người này nên tám ngàn lần qua lại cõi Ta Bà để truyền nói chánh giới của Phật Lô Xá Na. Ba đời Chư Phật đều thọ chánh giới này trước để làm chánh nhơn thành Phật, nên nói trong khi mới phát tâm thường nên đọc tụng giới này.

Giới chính là Kim cang Quang Minh Bảo Giới, là 10 giới trọng, 48 giới khinh. *Quang minh* nghĩa là ánh sáng của giới này hay phá trừ nhà si ám, vô trí vô minh.

Báu của Kim cang, nghĩa là thể chất của giới này chắc như kim cang hay phá hoại tất cả mọi vật mà không bị các vật phá hoại nó, dụ đây là chánh giới, hay xô dẹp được tất cả phiền não, núi kiêu mạn tà kiến, lại hay phát sanh vô lượng pháp tài công đức, nên gọi là *báu*. Tất cả chư Phật Bồ Tát đều lấy giới này làm hột giống Phật tánh bản nguyên.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nghĩa là ở Thánh, tánh này không thêm và ở phàm, tánh này cũng không giảm. Nên Kinh chép: “Tất cả chúng sanh xưa nay đã thành Phật, chỉ vì một niệm bất giác ban đầu rời khỏi lên vô minh vọng động, thành ra tối tăm si ám, tự mình làm chướng, nên Phật khiến cho thọ chánh giới này để khai thông. Chướng kia đã trừ thì Phật tánh tự hiện.”

Ý thức sắc tâm, nghĩa là một thể nhứt chơn pháp giới, do không giữ được thể chơn như, nên mới có tên là *Tâm, Ý, Thức*. Tên gọi tuy có ba, mà thể của nó vốn không hai

Ý thức, chính là tên khác của tâm, nghĩa là phàm phu vọng động bỗng nhiên tập khởi gọi là *Tâm*, tiếp theo tâm suy lường gọi là *Ý*, sau sanh niệm phân biệt gọi là *Thức*.

Sắc là sắc chất, chính là sắc thân tứ đại.

Tình và tâm này đều thể nhập trong Phật tánh giới, nghĩa là *Tình*, là tên khác của ý thức, chính là phát minh thấy rõ tất cả sắc tâm của chúng sanh đều có Phật tánh, ngoài tâm này ra không có Phật tánh nào nữa cả.

Các pháp cũng như thế, chỉ có một thể, nên nói A Lại Da Thức, chính là Như Lai tạng là thể.

Đương đương, nghĩa là hành giả lãnh thọ giới này, tu hành như pháp, đó là chánh nhân quyết định thành Phật, có chánh nhơn này rồi, quyết định hằng trụ cực quả thanh tịnh pháp thân.

Ví như vàng đã ra khỏi quặng không bao giờ trở lại quặng nữa, nên nói là Thường.

Trong Kinh Tâm Địa Quán có bài kệ rằng:

*Chúng sanh vốn có Bồ Đề chủng
Đều nằm trong thức A Lại Da
Nếu gặp bạn tốt phát đại tâm
Dùi mài ba chủng tu diệu hạnh
Dứt sạch phiền não sở tri chướng
Chúng đắc Như Lai thường trụ thân.*

Mười Ba-la-đề-mộc-xoa này xuất hiện nơi đời. Giới pháp này tất cả chúng sanh trong ba đời đều lãnh thọ phụng trì.

Giải thích:

Ba-la-đề-mộc-xoa, Trung Hoa dịch là Bảo giải thoát, nghĩa là hay giữ gìn chúng sanh khiến cho họ chắc chắn được giải thoát khỏi vô minh phiền não, mà chúng đắc pháp thân thanh tịnh.

Mười giới, tức là 10 giới trọng, ở nhơn năng trì gọi là *Ba-la-di*, ở quả sở đắc gọi là *Ba-la-đề-mộc-xoa*. Nay trước nêu giới trọng, là tổng nhiếp cả giới khinh.

Xuất hiện ở đời, nghĩa là tâm địa giới pháp này ở đời khó gặp, Như Lai xuất thế nay mới nêu ra. Giới pháp này chẳng phải giới pháp của Nhị thừa mà chính là đại giới tâm địa của chánh nhân thành Phật, nên phải

đề đầu lãnh thọ, tôn trọng giữ gìn, không được quên lãng dù trong phút chốc.

Nay ta vì đại chúng này, nói lại phẩm Vô tận Tạng giới, là tất cả giới của chúng sanh, là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh.

Giải thích:

Nói lại, nghĩa là trước nói rồi, sau nói lại, hoặc vì chúng trời, người, Bồ Tát, nay vì hàng phàm phu, nên nói là *Trùng thuyết*.

Phẩm Vô Tận Tạng giới, nghĩa là giới phẩm này, tuy nói rằng mười giới mà thực ra đã bao la không cùng tận. Giới pháp của Bồ Tát, đầy đủ vô lượng pháp môn. Giới là bốn nguyên tự tánh thanh tịnh của tất cả chúng sanh, nghĩa là giới pháp này, trước ngàn Phật đã truyền nói, sau là giúp khắp cho tất cả căn cơ, tăng tục, trời người, đều vâng lãnh thọ trì, tất cả quý thân súc sanh đều lãnh thọ được, vì chúng sanh và Phật cùng bản tánh thanh tịnh. Chư Phật đã trở về nguồn tánh này, còn ở chúng sanh thì cần phải có giới mới có thể trở về cội nguồn. Tánh của cội nguồn vốn thanh tịnh, chẳng phải ngoài cội nguồn mà có tánh nào khác, mà cũng chẳng có thanh tịnh nào khác.

IV. TRÙNG TỤNG

Kinh văn trên là văn trường hàng. Nay tổng kết lại thành bài tụng hay còn gọi là Ứng tụng, nghĩa là ứng hợp với văn trường hàng mà trùng tuyên lại nghĩa.

Trong các kinh, hoặc 6 câu, 4 câu, 2 câu, tùy theo câu nhiều ít không nhất định, đều gọi là kệ tụng.

Nay kệ tụng này gồm có 46 câu, nếu dùng 4 câu làm 1 kệ, thì có 11 bài rưỡi, xét trong nghĩa của bài tụng, nêu bày sơ lược, vì kinh văn phẩm trước, chưa có phần tụng tóm kết. Tụng trong đây chia làm 8 đoạn để giải thích:

1. *Y báo chánh báo, bốn và tích của ba Phật*
2. *Chánh hóa truyền giới*
3. *Khen ngợi công năng của giới*
4. *Truyền tụng*
5. *Phủ chúc khuyến tin*
6. *Khuyến khích lãnh thọ*
7. *Thọ ký*
8. *Khuyến nghe.*

*Nay thân Lô Xá Na
Ngồi ở đài Hoa sen
Ngàn hoa vây chung quanh
Lại hiện ngàn Thích Ca
Một hoa trăm ức cõi
Mỗi cõi một Thích Ca
Đều ngồi cõi Bồ đề
Nhứt thời thành Phật đạo
Ngàn trăm ức như thế
Thân chính Lô Xá Na.*

Giải thích:

Thân Lô Xá Na, là chánh báo của giới quả. *Đài hoa sen*, là y báo của giới đức.

Lại nữa, *Ngàn Phật trăm ức Phật*, là chánh báo. *Ngàn hoa trăm ức Quốc độ*, là y báo. Mỗi cõi nước chính là một thế giới, có một mặt trăng, một mặt trời chiếu soi. Xá Na là *Bốn*, ngàn Phật là *Tích*; lại ngàn Phật là *Bốn*, trăm ức là *Tích*.

Vừa ngồi tòa Hoa sen, nghĩa là an trụ trong giới của chánh pháp. *Sen hoa*, nghĩa là thế giới Hoa tạng, hình dáng giống như hoa sen, hoa đỡ phía dưới, đài nằm ở giữa, biểu trưng cho giới là chánh như trung đạo, hay phát khởi quả Phật trung đạo. Thân Xá Na gọi là đài hoa, cũng là y báo, chánh báo không khác. Xá Na là bốn Phật ngồi trên đài hoa, cũng là chủ của Chư Phật, chính là biểu trưng cho giới pháp, là gốc của muôn đức. Tạng là bao gồm mười phương pháp giới, cũng biểu trưng cho giới, gồm chứa muôn pháp.

Ngàn hoa vây chung quanh, lại hiện ngàn Thích Ca, nghĩa là ngàn hoa mà mỗi hoa có đủ ngàn cánh, nên có ngàn thích Ca. Hoa ở thế gian có hơn mười cánh, còn hoa trên trời có trăm cánh, hoa của Chư Phật Bồ Tát có ngàn cánh.

Một hoa trăm ức cõi, mỗi cõi một Thích Ca, đều ngồi cõi Bồ Đề, nhưt thời thành Phật đạo, nghĩa là trước đã nói rõ mỗi cánh hoa là một thế giới, nên có ngàn đức Thích Ca, nay nói rõ trên một cánh hoa lại có trăm ức cõi, nên có trăm ức Thích Ca, ngàn trăm ức cánh hoa nên thành ngàn trăm ức Thích Ca, cõi tuy có phân chia, mà thành Phật thì đồng thời, đây là biểu trưng y báo và chánh báo là một. Thể và dụng không hai.

Ngàn trăm ức như thế, thân chính Lô Xá Na, nghĩa là về dụng thì tuy ngàn trăm ức mà thể chỉ là một.

Ức có bốn cách tính:

1. Dùng mười muôn là một ức
2. Dùng trăm muôn là một ức
3. Dùng ngàn muôn là một ức
4. Dùng muôn muôn là một ức.

Nhưng Tam thiên Đại thiên thế giới trong cõi Ta Bà, cộng có muôn ức mặt trăng, mặt trời, đều do một Phật hóa thân làm chủ, nên đồng thời thành Phật đạo.

Như phẩm Thượng ghi: “Ta tu hành trải qua ba A Tăng Kỳ kiếp, dùng tâm địa pháp môn này làm chánh nhân. Trước hết xả phàm phu thành đẳng chánh giác, gọi là Lô Xá Na, trụ nơi thế giới hải của Liên Hoa Đài tạng. Đài hoa kia có ngàn cánh, mỗi cánh một thế giới, tổng cộng thành ngàn thế giới. Ta hóa ra ngàn Thích Ca, an trụ trong ngàn thế giới. Sau đó ở ngay trên thế giới của một cánh, lại có trăm ức núi Tu Di, trăm ức mặt trăng, mặt trời, trăm ức tứ thiên hạ, trăm ức Nam Diêm Phù Đề, trăm ức Bồ Tát Thích Ca, ngồi dưới trăm ức cõi Bồ Đề, 999 đức Thích Ca còn lại, mỗi vị đều hiện 100 ức Thích Ca. Phật ngồi trên ngàn hoa, là hóa thân của Ta, ngàn trăm ức Thích Ca là hóa thân của ngàn Thích Ca, Ta làm bốn nguyên, gọi là Lô Xá Na Phật.” Phải biết ngàn Phật hay ngàn trăm ức Phật cũng không ngoài thân Xá Na bốn nguyên. Bốn nguyên tức là giới thể thật tướng của tâm địa.

*Ngàn trăm ức Thích Ca
Đều có vô lượng chúng
Cùng đi đến chỗ Ta
Nghe Ta tụng giới Phật
Cửa Cam lồ liền mở
Bấy giờ ngàn trăm ức
Về lại Đạo tràng cũ
Đều ngồi cõi Bồ Đề
Tụng giới của Thầy Ta
Mười trọng bốn tám khinh.*

Giải thích:

Ngàn trăm ức Thích Ca: Xét phần đầu và phần sau của phẩm đó, ngàn Thích Ca và ngàn trăm ức Thích Ca đều tiếp độ kẻ hữu duyên, đều đến chỗ Phật Xá Na lãnh thọ giới tạng Bồ Tát rồi sau mới ngồi đạo tràng, thị hiện thành chánh giác, truyền tụng giới tạng Xá Na.

Đều có vô lượng chúng, nói “vô lượng” nghĩa là đại chúng nhiều không đếm xiết, nên dụ như vi trần, nghĩa là ngàn trăm ức Phật, mà mỗi mỗi Phật đều đem theo số thính chúng nhiều vô lượng như vi trần của ngàn trăm ức thế giới. Phật có Tam bất năng:

1. Không thể độ người vô duyên
2. Không thể giải thoát sạch cõi chúng sanh
3. Không thể trừ định nghiệp cho họ được.

Cùng đi đến chỗ Ta, Ta ở đây là đức Xá Na tự xưng, tức Năng hóa và Sở hóa cùng hội họp một chỗ, để biểu trưng cho Thể và Dụng đồng trở về cõi nguồn tâm địa.

Nghe Ta tụng giới Phật, nghĩa là nói thính chúng đã đến, lấy tâm địa này làm Đại giới là giới mà Chư Phật truyền nhau chứ chẳng phải đức Xá Na tự lập ra, nên không nói là “thuyết” mà chỉ nói là “tụng”.

Cửa Cam lồ liền mở, nghĩa là giới này hay thông đến đại Niết bàn, nên ví giới như cửa. Cõi trời có cam lồ, người nào uống được thì trường sanh bất tử, ví như người nào được nghe tụng giới này, cũng như uống được nước cam lồ, cái nhân của phiền não bị nguội lạnh liền chứng đắc pháp thân thường trụ, vĩnh viễn xa lìa biển khổ sanh tử.

Về lại đạo tràng cũ: “Đạo tràng” tức là nơi cõi Bồ Đề, là nơi tu tập chứng quả.

Tụng giới của Thầy ta: “Thầy ta” chính là ngàn trăm ức Thích Ca đều đến trước Phật Xá Na thọ giới, nên xưng Xá Na là Thầy ta (Bồ sư).

Mười giới trọng, bốn mươi tám giới khinh, là tổng nêu giới tướng, phần sau mới nêu riêng.

***Giới như nhứt nguyệt sáng
Như chuỗi báu Anh lạc
Chúng vi trần Bồ Tát
Do đây thành chánh giác.***

Giải thích:

Đây nói rõ công năng của giới, mặt trời hay phá trừ nhà tối tăm cả ngàn năm, để dụ cho giới hay diệt trừ si ám, vô thủy vô minh của chúng sanh. Ánh sáng mặt trăng hay khiến cho muôn vật được mát mẻ. Lại nữa, mặt trời, mặt trăng trường dưỡng muôn vật, để dụ cho giới pháp hay sanh ra muôn pháp thiện.

Chuỗi Anh Lạc hay trang sức cho kẻ nghèo xấu, là dụ cho giới này hay sanh ra căn, lực, giác đạo, tam muội, pháp tài của các Thánh, trừ ra những kẻ thiếu phước nghèo khổ và không trân quý giới cấm. Thể tánh Phật Xá Na được trang nghiêm đều do công đức của giới này.

Bậc chánh giác là người nói pháp đúng như pháp. Tất cả thời sơ, trung, hậu đều lành, nên nói là *chánh*. Ai nghe được pháp này, ra khỏi đê mê dài sanh tử trong nhiều kiếp, nên gọi là *giác*. Tất cả Bồ Tát do giới này được thành Phật, nên nói “*Do đây thành chánh giác.*”

***Là Lô Xá Na tụng
Ta cũng tụng như vậy
Các Bồ Tát mới học
Cung kính thọ trì giới
Thọ trì giới này rồi
Truyền trao cho chúng sanh***

***Lắng nghe Ta sẽ tụng
Giới tạng trong Phật pháp
Ba-La-đề-mộc-xoa.***

Giải thích:

Đây nói rõ thầy trò lần lượt truyền tụng, đức Xá Na là thầy của Thích Ca, Thích Ca là thầy của Bồ Tát, Bồ Tát là thầy của chúng sanh, nên truyền trao giới cho chúng sanh.

Ngã là đức Phật Thích Ca tự xưng. *Bồ Tát mới học*, chỉ cho các Đại sĩ mới nghe giới. *Chúng sanh* ở đây chỉ cho Đại thừa phàm phu, ý cho rằng người nghe trước phải truyền trao cho người chưa nghe, khiến cho giới pháp này được nối tiếp truyền trao mãi mãi, pháp lưu truyền không cùng tận.

Chánh tụng là Tâm địa giới tạng. *Giới tạng* chính là Ba-la-đề-mộc-xoa. Đây chính là vượt xa giới của Tiểu thừa và tà giới của ngoại đạo, nên nói là chánh.

***Đại chúng nên tin chắc
Ông là Phật sẽ thành
Ta là Phật đã thành
Thường tin chắc như vậy
Là giới phẩm đầy đủ.***

Giải thích:

Như Lai sở dĩ dặn đi dặn lại, rằng phải tin chắc, vì lòng tin là đầu mối để vào đạo, là mẹ của công đức, tin Chư Phật đã thành, chúng sanh sẽ thành, chỉ khác là trước sau mà thôi. Vì đại giới của tâm địa từ tâm mà được, nếu tâm đã tin chắc không nghi ngờ, thì giới thể liền đầy đủ. Vừa phát tâm này liền thành chánh giác là thế.

Trong Nghĩa Sớ nói *Tin* có ba thứ:

1. Tin tâm thức của mình và người khác, đều có Phật tánh, nghĩa là tin tâm này vốn là Phật.
2. Tin siêng năng thực hành các việc thiện, thì ắt được quả tốt, nghĩa là siêng năng làm các nhơn thiện, thì được quả báo lành.
3. Tin kết quả mà ta chứng đắc là Thường - Lạc – Ngã - Tịnh, nghĩa là tin chắc do tâm là Phật, cho nên chứng được quả Phật. Nếu không có lòng tin chân chánh này thì giới phạm liền mất, đạo quả cũng tiêu.

***Tất cả người có tâm
Đều nên nhiếp giới Phật.***

Giải thích:

Trước đã nói cần nên có lòng tin vững chắc, nay khuyên thọ trì. Nói “người có tâm” là không nói đến những kẻ ngu si vô trí, những người ác không có tín tâm, giống như gỗ đá vô tâm, như cây bị chặt đầu không khác. Nên nói, chỉ hiểu lời của Pháp sư, thì đều được thọ giới.

Nhiếp tức là thọ trì, nghĩa là muốn thành Phật cần phải thọ trì chánh giới của Bồ Tát, chánh giới không ngoài Tam tụ tịnh giới:

1. Nhiếp Luật nghi giới, nghĩa là không giới nào mà không thọ trì, mãi cho đến thành tựu được pháp thân. Vậy *Chi* tức là trì, *Tác* tức là phạm.
2. Nhiếp thiện pháp giới, nghĩa là không pháp lành nào mà không tu, mãi cho đến thành tựu báo thân. Vậy *Tác* tức là trì, *Chi* tức là phạm.
3. Nhiếp chúng sanh giới, nghĩa là không chúng sanh nào mà không độ, độ tất cả để trọn thành hóa thân Phật. Vậy *Tác* là trì, *Chi* là phạm.

Tam tụ tịnh giới này, bao gồm tất cả Định cộng giới, Đạo cộng giới, Thiên vô lậu giới, v.v... cho đến Lục độ Vạn hạnh Bồ Tát, cho nên gọi là *Tụ*.

***Chúng sanh thọ giới Phật
Liên vào vị Chư Phật
Vị đồng bậc Đại giác
Thật là đệ tử Phật.***

Giải thích:

Đoạn này Như Lai thọ ký cho chúng sanh có ý thức, mới thọ được giới Phật liên đồng quả vị đại giác.

Do chúng sanh và Phật đồng nguồn, tâm tánh không hai, bởi giác hiệp trần gọi là chúng sanh, bởi trần hiệp giác gọi là Chư Phật. Nay thọ chánh giới tâm địa là tức khắc trở về bản nguyên, lẽ đâu không đồng với Phật ư? Quả vị tuy đồng bậc Đại giác nhưng vẫn còn gọi là Phật tử là tại sao vậy? Bởi vì, vọng nghiệp chưa sạch, đức của tánh hải chưa đầy, đây là Phật nhơn chứ không phải Phật quả. Dụ như Vương tử đã thọ quán đánh sau sẽ nối ngôi Vua, nhưng nay chỉ gọi là Vương tử, chứ chưa gọi là Vua.

***Đại chúng đều cung kính
Chỉ tâm nghe ta tụng.***

Câu trên là lời kết khuyến, câu dưới là dặn dò lắng nghe. Phật đã đích thân lãnh thọ, đích thân tụng đọc, ấy là hết lòng tôn trọng giới pháp, nên ba phen dặn dò khuyến nhắc, chí tâm lắng nghe. Nếu hành giả không chí tâm thì vọng niệm phát sanh, che lấp tâm địa. Giới pháp Tâm địa không có đường thể nhập, nếu không thể nhập thì không thể về lại cội nguồn. Bên ngoài hiện dung nghi tôn kính thánh giới, gọi là “*cung*”, trong tâm lắng lòng thành khẩn chuyên chú lắng nghe gọi là “*kính*”. Trong và ngoài hợp nhứt, gọi là *chí tâm*.

V. KẾT GIỚI

Bấy giờ đức Thích Ca Mâu Ni mới thành đạo Vô thượng Chánh giác dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kết Bồ Tát giới dạy rằng: “Hiếu thuận Cha Mẹ, Sư Tăng, Tam Bảo, hiếu thuận là pháp chí đạo, hiếu cũng gọi là giới, cũng gọi là cấm ngăn.”

Giải thích:

Khi đức Thích Ca Mâu Ni mới thành đạo Vô thượng Chánh giác dưới cội Bồ đề, Ngài bắt đầu kết “Bồ Tát giới” :Đây là các nhà kết tập , nói rõ khi Phật mới thành đạo, Ngài kết giới Bồ Tát trước hết, vì giới là thuyền bè vượt qua biển khổ, là bè báu để trở về cội nguồn.

Vô thượng Chánh giác , nghĩa là không có cái giác nào ở trên quả vị Phật nữa nên gọi là vô thượng. Thanh văn, Bích chi Phật thì cái biết của họ chưa phải chân chánh, vì chỉ mới ngộ được ngã không, chứ chưa biết được pháp không nên gọi là Thiên giác, chứ không phải là Chánh giác.

Còn hàng Tam Hiền (Trụ, Hạnh, Hướng), Thập Thánh cho đến Đẳng giác Bồ Tát tuy chánh giác nhưng vẫn còn tiến tu nên không được gọi là Vô thượng, mà chỉ gọi là tùy phần giác mà thôi. Phật thành tựu quả Diệu giác viên minh, độc tôn, nên gọi là Vô thượng Chánh giác. Nói giới của Bồ Tát chính là vượt xa giới của Thanh văn.

Tuy Phật đã kết giới Bồ Tát mà chưa chỉ rõ vấn đề trọng yếu của giới, nên nay lấy hiếu thuận làm giềng mối của giới, khéo phụng sự dưỡng nuôi gọi là “hiếu”. Theo ý muốn không sanh trái nghịch gọi là “thuận”. Cha mẹ sanh thành nuôi dưỡng sắc thân, ân đó không gì sánh bằng.

Sư Tăng, chính là Hòa thượng A Xà Lê truyền trao giới pháp, là cha mẹ xuất thế, dạy bảo để ta thành tựu hạnh đức. Nên kinh ghi: “Thành tựu pháp thân, nuôi dưỡng trí tuệ mạng, là nhờ công đức của Sư trưởng, công ấy lớn lao không gì bằng.” Đây là nói luôn về Tam sư Thất chứng

của Tiểu thừa, nên nói “*Sư Tăng*”. Tăng là người truyền trao giới và tôn chứng giới cho ta, tuy không phải địa vị là thầy, mà có ân thành tựu giới pháp.

Tam bảo, nghĩa là ba ngôi báu: Phật, Pháp và Tăng, sơ cơ phát tâm học đạo đã nương theo ba ngôi báu này. Phật là bậc cha lành cho chúng sanh trong ba cõi, Pháp là quy tắc xuất thế, Tăng là đệ tử của Phật. Ba ngôi Phật, Pháp, Tăng là ruộng phước của chúng sanh, là bậc đạo Sư của chúng trời người, Nếu hành giả hay cúng dường tôn kính, không trái khuôn phép, ấy gọi là *hiếu thuận*.

Hiếu thuận là pháp chí đạo, chí đạo nghĩa là đạo lý cùng tốt, đó là chánh pháp vô lượng. Vì tâm hiếu thuận hợp với Đại đạo của pháp vô thượng chánh giác. *Hiếu* gọi là *Giới*, nghĩa là người hay thực hành tâm hiếu, thì các giới đều đầy đủ. Bởi vậy, 58 giới trong đoạn sau, phần nhiều nói về tâm hiếu thuận, không trái với 10 giới trọng và 48 giới khinh, nên thuận với Tâm địa bốn nguyên. Bởi vậy, hiếu gọi là giới, hay cấm chỉ.

Đức Như Lai nói 58 giới này dùng để ngăn dứt những nghiệp bất thiện của thân, khẩu, ý, lại hay ngăn ngừa khiến cho vọng niệm không khởi, nên gọi là ngăn dứt. Hiếu là thể của giới, ngăn dứt là dụng của giới. Đó chính là đại dụng của 10 giới trọng và 48 giới khinh.

Từ nơi miệng Phật phóng ra vô lượng ánh sáng.

Giải thích:

Khi Như Lai muốn nói Đại pháp, trước hết phóng quang biểu hiện điềm lành, khiến cho thính chúng trong pháp hội sanh lòng kính tin sâu xa. Đồng thời muốn nói rõ giới này là tối thắng, có công năng phát huy và phá trừ bóng tối, đủ năng lực diệt ác sanh thiện. Xưa đức Xá Na dùng hào quang, diễn thuyết Giới Phạm Tâm địa, nay Phật Thích Ca cũng phóng quang để truyền trao lại. Bồ Tát đến nghe và lãnh thọ, chính là từ kim khẩu Phật sanh ra, nên họ được gọi là Phật tử chơn chánh.

Bấy giờ có trăm vạn ức đại chúng, các Bồ Tát, mười tám cõi trời Phạm, sáu cõi trời dục, mười sáu đại Quốc vương, chấp tay chí tâm lắng nghe đức Phật tụng giới pháp Đại thừa của tất cả Chư Phật.

Giải thích:

Đức Như Lai xuất hiện nơi đời đều là có nhân duyên cơ cảm, nên người, trời, phàm, thánh vân tập, gọi là *đại chúng*. *Trăm vạn ức* là nêu đại số tiêu biểu mà không ngoài hai chúng đồng sanh và dị sanh.

Hỏi: Thế nào là đồng sanh, dị sanh?

Đáp: Có hai nghĩa:

1. Tập loại dị sanh, có muôn hình vạn trạng chẳng hạn như bát bộ v.v...Bồ Tát, chúng sanh, trời, rồng, quỷ thần được thân pháp Tánh đồng thân hình với con người, cho nên gọi là *đồng sanh*.
2. Bồ Tát đồng với nhân loại, thì gồm nhiều giai vị Bồ Tát, còn các loại khác là *dị sanh*, vì Pháp giới sai biệt.

Mười tám cõi trời Phạm gồm có 4 cõi thiên:

1. Sơ thiên 3 cõi trời
2. Nhị thiên 3 cõi trời
3. Tam thiên 3 cõi trời
4. Tứ thiên 9 cõi trời.

Phạm là tịnh, nghĩa là tâm trần tục của họ đã thanh tịnh chỉ còn sắc thân, nên gọi là sắc giới.

Sáu cõi trời dục, nghĩa là chúng thiên ở cõi trời dục, tham đắm ngũ trần dục lạc không có tâm nhàm chán nên gọi là Dục giới thiên, gồm có 6 cõi trời:

1. Tứ thiên vương, cõi này ở lưng chừng núi Tu Di.
 2. Đạo Lợi thiên, cõi trời này ở đỉnh núi Tu Di.
- Hai cõi trời này gọi là Địa Cư thiên.

3. Diệm Ma thiên.
 4. Đâu Xuất thiên.
 5. Hóa Lạc thiên.
 6. Tha Hóa Tự Tại thiên.
- Bốn cõi trời này gọi là Không Cư Thiên, như trước đã giải thích.

Mười sáu đại Quốc vương là:

1. Ương Già
2. Ma Kiệt Đà
3. Ca Thi
4. Kiền Tát La
5. Bạt Kỳ
6. Mạt La
7. Chi Đề
8. Bạt Sa
9. Ni Lô
10. Bàn Xà La
11. A Thấp Bà
12. Bà Ta
13. Tô La
14. Càn Đà La
15. Kiếm Phù Sa
16. A Bàn Đề.

Các nước này vốn là địa phận của 5 xứ Thiên Trúc, tất cả có hơn 70 nước nhỏ, nay chỉ nêu số lớn là bao quát cả số nhỏ.

Hỏi: Dưới cội Bồ đề làm sao có thể vân tập cả trăm muôn ức đại chúng được?

Đáp: Như kinh Hoa Nghiêm chép: “Lâu các và cung điện dưới cội Bồ đề đầy khắp mười phương, do thần lực của Chư Phật gia bị, chỉ trong một niệm thấy đều bao gồm cả pháp giới.” Nên trong hội Niết Bàn, cả

rừng Ta La Song Thọ, chùng bằng đầu mũi kim, mà dung chứa cả vô biên chúng ngồi trong đó.

Thế thì có thể dùng phạm tâm và tri giác của hàng Nhị thừa mà suy lường được ư?

Chấp tay là biểu thị thân nghiệp cung kính, tay vốn có hai bàn hiệp lại làm một, ấy là thân tâm đều cung kính. Chí tâm là tâm thành ý nghiệp cung kính tột độ.

Thính giả là người nghe, tâm chuyên chú vào một cảnh nghe pháp. Tự tịch, thân, khẩu, ý, ba nghiệp cung kính thanh tịnh tự nhiên giới quang từ nguồn tâm thể sáng rõ phát ra.

Đức Phật nói với các vị Bồ Tát: “Nay Ta cứ mỗi nửa tháng, tự tụng giới pháp của Chư Phật. Tất cả hàng Bồ Tát mới phát tâm các ông, cho đến các Bồ Tát Thập Phát thú, Thập Trưởng dưỡng, Thập Kim cang và Thập Địa cũng tụng giới này. Vì thế nên giới quang từ miệng Ta phóng ra, phóng quang là vì có duyên do, chứ chẳng phải là vô cớ. Giới quang ấy chẳng phải màu xanh, vàng, đỏ, trắng và đen; chẳng phải sắc pháp, chẳng phải tâm pháp, chẳng phải pháp hữu, pháp vô, cũng chẳng phải pháp nhân, pháp quả, nó chính là bản nguyên của chúng Phật tử, vì thế nên chúng Phật tử phải thọ trì, đọc tụng, phải học kỹ giới pháp này.”

Giải thích:

Bồ Tát là bậc tôn quý của trời, người, vì thế Bồ Tát gồm đủ cả trời người, huống gì Đại sĩ là người thượng thủ trong chúng đương cơ, nên đặc biệt nói với họ.

Mỗi nửa tháng, nghĩa là nửa tháng trước hay nửa tháng sau, hoặc nói là “*Bạch ngoạt, Hắc ngoạt*” (tức hai ngày 15 và 30). Bạch và Hắc là biểu trưng cho ác nghiệp và thiện nghiệp. Hắc là biểu trưng ác nghiệp, muốn dứt trừ ác nghiệp để thành tựu “*Đoạn đức*”. Bạch là biểu trưng thiện

ngiệp, muốn viên thành thiện nghiệp thành tựu “*Trí đức*”, đây là khuôn phép của Chư Phật, nên Phật cứ mỗi nửa tháng thường tụng để thành khuôn phép quy củ cho Đại chúng, hiện tại cũng như vị lai, thọ trì đọc tụng giới pháp này.

Bồ Tát phát tâm, nghĩa là hàng Bồ Tát thập tín phát đại tâm, Tín có nghĩa là thuận theo, tin chắc thực không còn nghi ngờ gì nữa, là bước đầu của bậc Tam Hiền, là thêm thang của bậc Thập trụ. Tín vị gồm 10 bậc:

1. Tín tâm
2. Niệm tâm
3. Từ tâm
4. Tịnh tâm
5. Định tâm
6. Bất thối tâm
7. Hộ tâm
8. Hồi hướng tâm
9. Giới tâm
10. Nguyện tâm.

Kinh Anh Lạc chép: “Từ phạm phu địa không biết gì, nay được gặp Phật và Bồ Tát, đối với giáo pháp Đại thừa, họ khởi niềm tin, thì tâm Bồ đề nơi họ liền phát.” Những người có tín tâm như thế gọi là Bồ Tát tướng, hay Danh tự Bồ Tát.

Người này thực hành sơ lược 10 tâm, tức là từ Tín tâm cho đến Nguyện tâm.

Thập Phát thú: Các vị Bồ Tát này từ Sơ Thập tín mà phát tâm, họ luôn hướng đến Phật quả nên gọi là Phát thú hay Thập Trụ vị, vì ở sau tín vị, trí tuệ của họ luôn trụ nơi lý, được ngôi vị bất thối, nên gọi là Trụ vị.

Thập trưởng dưỡng: Các vị ở ngôi vị Bồ Tát này từ chơn nhập tục, để làm việc lợi sanh, nuôi dưỡng thánh thai, nên gọi là *Trưởng dưỡng*, tức

là Thập hạnh. Từ Thập trụ, họ phát chơn tỏ ngộ diệu lý, luôn tấn thú hướng tới nên gọi là “*hạnh*”.

Thập kim cang, chính là Thập Hồi hướng vị, hàng Bồ Tát này, trên bước đường tu hành luôn luôn chú tâm vào việc hồi nhân hướng quả, hồi hướng công đức của mình cho khắp tất cả chúng sanh, hồi hướng công đức năng tu và sở tu đến pháp giới. Tánh chắc như kim cang, không gì phá hoại được, nên gọi là “*kim cang*”. Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi hướng, 30 loại tâm ấy chia thành sơ, trung, hậu, đều là Bồ Tát ở giai vị “*Tam Hiền*”.

Thập địa: Là các bậc Bồ Tát ở ngôi vị này có trách nhiệm đưa người ra khỏi bể khổ sanh tử bằng phương pháp giáo hóa họ, mà luôn luôn trụ nơi Phật trí và làm chỗ nương tựa cho chúng sanh, cũng như đất liền sanh ra muôn vật. Lại nữa, đất này cũng là nơi sanh ra vô lượng pháp môn nên gọi là “*Thập địa*”. Đây là các Thánh vị trong hàng Bồ Tát. Như trước đã nêu, Bồ Tát là chỉ cho Đại sĩ từ sơ phát tâm Thập địa cho đến Đẳng giác Diệu giác, đều từ giới phẩm này mà thành tựu, giới này chính là *Tâm địa pháp môn* mọi người sẵn đủ.

Đây là nói từ phạm cho đến Thánh, mỗi nửa tháng cũng tác pháp bồ tát, nên nói cũng tụng như vậy. Bởi vậy Phật trước, từ miệng phóng ra vô lượng quang minh, rồi nói. Nay cũng từ miệng phát ra ánh sáng là “*duyên*”, có duyên ắt phải có nhơn, nên phóng quang, đặc biệt hiển bày tánh thế giới này, là bốn nguyên tâm địa, không phải là vọng cảnh, nên nói không phải xanh, vàng, đỏ, trắng và đen, v.v... vì không vướng vào vọng tình nên không là sắc, là tâm. Không xa rớt vào hai bên Đoạn và Thường, nên nói chẳng phải có, chẳng phải không. Thể của nó vốn tự viên thành, không lạc vào pháp quyền thừa tu chứng mà có, nên không phải nhơn và quả.

Chư Phật dùng Tâm địa giới này làm cội gốc tu hành. Bồ Tát tu pháp lục độ vạn hạnh tự lợi và lợi tha, cũng y vào Tâm địa giới này làm nền tảng tấn tu.

Tất cả chúng sanh thành Phật ở tương lai cũng y Tâm địa này làm căn bản tấn thú tu tập, thế nên Phật ba lần khuyên nhắc tất cả nên thọ trì , đọc tụng và học kỹ.

Hành giả khi lãnh thọ giới pháp, qua lời truyền dạy của giới, đưa vào tâm tư gọi là “*thọ giới*”, giữ gìn cẩn mật, không sai phạm gọi là “*trì giới*”. Miệng đọc tụng giới kinh gọi là “*đọc tụng*”, lâu thông luật văn, thấu triệt nghĩa luật gọi là “*thiện học*” (học kỹ).

Phật tử lắng nghe: “Nếu là người thọ Bồ Tát giới rồi, không luận là Quốc vương, Vương tử, Bá quan, Tể tướng, Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, mười tám cõi trời phạm, sáu cõi trời dục, thứ dân, huỳnh môn, dâm nam, dâm nữ, nô tỳ, tám bộ quỷ thần, thần Kim cang, súc sanh, cho đến kẻ biến hóa, chỉ cần hiểu được lời nói của Pháp sư, tất cả đều được thọ giới, đều được gọi là Thanh tịnh thứ nhất.”

Giải thích:

Phần này nêu bày bốn nguyên Tâm địa giới, mà tất cả chúng sanh sẵn đủ. Tâm địa ấy vốn xưa nay thanh tịnh thể tự làu làu sáng rõ, không nhiễm, không tịnh, không tất cả nên không lựa chọn sang hèn, trí ngu, cao thấp, v.v...

Người, chẳng phải người, cho đến phi nhơn , nếu ai có thể lãnh hội được lời truyền dạy của Pháp sư thì tất cả đều được thọ giới. Đó là điều đặc biệt nhất của giới pháp Đại thừa. Từ Tâm địa giới này mà được, vì giới này thuộc về tâm giới, nên vấn đề lãnh thọ không như giới Thanh văn (Tỳ kheo ni giới). Khi hành giả lãnh thọ, cần phải đủ năm duyên mới thành tựu giới pháp, năm duyên ấy nếu thiếu, tác pháp không thành. Hơn nữa, giới sư lại phải kiểm tra xác định lại, nếu giới tử nào vướng vào 13 giá nạn hoặc lục căn bất cụ không được thọ giới, còn Đại thừa Bồ Tát không như vậy, chỉ lựa bảy giá nạn, ngoài ra đều gọi là Pháp khí thanh tịnh.

Tỳ kheo bảm thọ giáo pháp của Phật, thế phát mặc áo hoại sắc là ngôi Tam bảo trụ trì ở thế gian, làm ruộng phước cho đời và khuôn phép cho người, trời. Nếu không phải là Pháp khí thì giới thể không phát sanh, do đó cần phải lựa chọn.

Còn Bồ Tát thành Phật quả là do tâm thành hoặc tại gia hay xuất gia ẩn hiện không nhứt định, nên chẳng phải là trụ trì thế gian. Vì thế, chỉ cần hành giả phát tâm Bồ đề liền được thọ giới.

Quốc vương là bậc nhơn chủ, *Bá quan* là văn võ triều thần, *Tể tướng* là bậc lớn giúp vua về Quốc sự.

Tỳ Kheo, Trung Hoa dịch là Trừ cần nam. *Tỳ kheo ni* là Trừ cần nữ. Khi Như Lai mới thành đạo, chưa có hai chúng xuất gia, nên trước cho phép hai chúng đều được thọ chánh giới này.

Thứ dân là trăm họ trong nước. *Huỳnh môn* là Hoạn quan nội giám, huỳnh là trung, vua sai người này giữ gìn trong nội cung, để giúp việc giao thông, sứ mạng của nội cung nhà vua. Nay chẳng luận nội quan hay phi nội quan, chỉ không có nam căn là Huỳnh môn.

Tám bộ Quỷ Thần gồm:

1. Chư Thiên các trời dục giới, sắc giới, đây nói Bát bộ hoặc là Tứ Thiên vương trở xuống ba cõi trời và các Thiên thần.
2. Các Rồng.
3. Chúng Dạ xoa, Trung Hoa dịch là Đồng kiện quỷ.
4. Chúng Tu la, Trung Hoa dịch là Phi nhơn.
5. Chúng Càn thất bà, Trung Hoa dịch là Hương âm, Thiên đế Dục thần.
6. Chúng Ca lâu la, Trung Hoa dịch là Kim sí điều.
7. Chúng Khẩn na la, Trung Hoa dịch là Nghi thần, Kỳ thần của trời Đế Thích.
8. Ma hầu La già, Trung Hoa dịch là Phúc hành Địa long (đi bằng bụng, bò sát đất).

Kim cang thân, tay cầm chày kim cang, xô dẹp tà ma, ủng hộ chánh pháp.

Súc sanh là chỉ chung cho các loài lục súc (trâu, bò, chó, lợn, dê, v.v...) hình dáng chúng sanh này đi ngang bằng bốn chân hoặc hai chân gồm chung tất cả cầm thú.

Hóa nhơn là trời rồng quỷ thần, tự biến thân làm hình người để cầu thọ giới, như xưa có một con rồng hóa thành người đến xin thọ giới Tỳ kheo, Phật biết nên không chấp nhận.

Nay Tâm địa đại giới này thuộc về Đại thừa giới, cho tất cả chúng sanh đều được thọ giới, ví như Phật Thích Ca theo lời dạy của Phật Lô Xá Na khuyến hóa nhắc nhở cho tất cả loài hữu tình đều được thọ giới pháp này. Như nước trăm sông chảy về biển cả, đều không còn tên riêng của nó mà chỉ còn một vị nước biển mặn mà thôi. Vì khiến cho tất cả chúng sanh trở về bản nguyên tự tánh thì không còn phân chia giai cấp sang hèn, giàu nghèo, trí ngu, cao thấp nữa, chỉ đồng một tên Đại sĩ giới Nhứt Tâm địa mà thôi.

Kinh Anh Lạc chép: “Hành Bồ Tát đạo, nếu có trang thiện nam tử và thiện nữ nhơn nào, nhân đến kẻ nô tỳ, người biến hóa, tất cả đều được thọ giới, đều có tâm hướng đến Phật quả, vì sơ phát tâm xuất gia là muốn nối ngôi vị Bồ Tát rồi, trước nên thọ chánh giới vì chánh giới này là cội gốc Công đức tạng. Tất cả các hạnh chánh đồng với Phật quả đều từ giới này phát sanh.”

Công năng của giới này, hay trừ diệt tất cả tâm niệm xấu, giới này là gương sáng chánh pháp.

Hỏi: Sao không nói cõi Vô sắc giới và địa ngục súc sanh?

Đáp: Cõi Vô sắc không có thân, địa ngục khổ có đủ, cả hai đều chẳng phải pháp khí (không kham lãnh nổi).

A. CHÁNH TÔNG

1. MƯỜI GIỚI TRỌNG

1. *Nêu chung*

Phật bảo các Phật tử: “Có 10 giới trọng, nếu người thọ giới Bồ Tát mà không đọc tụng giới này thì chẳng phải Bồ Tát, chẳng phải đệ tử của Phật. Ta nay cũng tụng như thế. Tất cả Bồ Tát đã học, tất cả Bồ Tát sẽ học, tất cả Bồ Tát đang học, Ta đã nói sơ lược tướng trạng của giới Bồ Tát rồi, cần nên học và hết lòng kính trọng phụng trì.

Giải thích:

Giới vốn vô hình, làm gì có tướng mạo. Nhưng *Tri*, *Phạm* là tướng mạo. Không tụng thì gọi là *Phạm*, học thì gọi là *Tri*. Nếu thọ giới mà không đọc tụng thì làm sao biết được hình tướng? Không biết hình tướng thì không hiểu *Giá*, *Khai*, không hiểu *Giá*, *Khai* nên tội lỗi từ đó mà sanh. Bởi vậy, đầu tiên là khiến cho Phật tử phải học giới, tụng giới. Nếu không học, không tụng thì người này đánh mất tên gọi Đại thừa ngay trong hiện tại, nên họ không phải là Bồ Tát. Quả vị cao tốt là thành Phật trong tương lai cũng mất, nên họ chẳng phải chủng tử Phật. Phật mà vẫn còn tụng, cho nên tất cả Bồ Tát, cầu Đại Bồ đề trong quá khứ đã học, Bồ Tát ở vị lai sẽ học. Hàng Bồ Tát sơ học trong hiện tại phải nên tôn trọng, cung kính, chí tâm lãnh thọ, phụng trì, đừng để lãng quên dù chỉ trong chốc lát.

2. *Nêu riêng*

Giới thứ 1

SÁT SANH

Nếu Phật tử, hoặc tự giết, hoặc bảo người giết, phương tiện giết, khen ngợi giết, thấy giết vui theo, nhân đến dùng bùa chú để giết, nhân giết, duyên giết, cách thức giết, nghiệp giết, nhân đến tất cả loài hữu tình có mạng sống đều không được giết. Là Phật tử, lẽ ra phải khởi lòng từ bi, lòng hiếu thuận, lập thế cứu giúp tất cả chúng sanh, mà trái lại phóng tâm giết hại chúng sanh, Bồ Tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Thanh văn nhằm chán sanh tử, chỉ lo phần tự lợi bởi vậy Phật để giới Dâm đứng đầu. Bồ Tát tâm luôn luôn nghĩ làm lợi ích giáo hóa chúng sanh, lấy từ bi làm gốc. Tất cả chúng sanh đều có tâm tham sống sợ chết, nếu Bồ Tát đoạn mạng họ thì liền mất bốn nguyện từ bi, lại khiến họ sanh lòng buồn khổ oán hận không dứt, nhiều đời thù oán không thôi, vì thế để giới sát ở trước.

Trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo A Nan: “Lục đạo chúng sanh trong các thế giới, nếu không có tâm sát hại thì không phải trôi theo sanh tử tương tục. Ông tu Tam muội, cầu ra khỏi trần lao, nếu không dứt tâm sát thì trần lao khó ra khỏi. Dù có nhiều trí tuệ và thiên định hiện tiền, nhưng tâm sát sanh không dứt, ắt phải lạc vào Ma đạo.”

Phật dạy rất rõ việc sát sanh. Những giới khinh cũng phải giữ gìn cẩn mật, huống gì giới trọng. Khi biết rõ không sát hại là giới của Bồ Tát, lấy việc lợi sanh làm việc thiết yếu, cho nên đối với Bồ Tát giới, thì giới Sát đứng đầu. Phật tử không hành trì mà trái lại buông lòng sát hại, trong giới của Bồ Tát kết tội không hành trì. Phật bảo Phật tử là nói với Bồ Tát, nghĩa là Phật tử đã thọ trì giới của Phật, phải y giới tu hành,

không nên coi thường trái bỏ lời Phật dạy. Tự giết là tự mình làm việc giết hại, chính là thân tâm đã phạm nghiệp sát. Dạy người giết, tuy không đích thân giết mà khiến cho người khác giết chính là tâm và khẩu tạo nghiệp sát. Hoặc không tự dạy cũng không tự giết, mượn phương tiện thi thuyết khiến cho họ chết, đó gọi là phương tiện giết, là ý đã tạo nghiệp sát. Khen ngợi giết, là dùng lời lẽ khen ngợi khiến cho người khác phân chân hành động giết hại, thích ý mà làm, đây cũng thuộc về khẩu nghiệp hành động tạo nghiệp. Thấy người giết mà vui theo là thấy người khác làm việc sát hại, tuy không dạy, không tán thán nhưng trong tâm có ý niệm vui theo. Đây thuộc về ý nghiệp. Cho đến chú thuật giết, phương pháp giết thì rất nhiều, không cần nêu hết thêm phiền phức, nên chỉ nêu đại lược thôi. Ở nước Tây Vực có ác chú, tụng thần chú ấy khiến cho họ chết là cũng thuộc về tâm khẩu tạo ác.

Do trước đã nói rõ tương sát hại hoặc chỉ có nhơn giết, hoặc duyên giết không gây nên, thì không thành giết. Nếu hội đủ nhân giết, duyên giết mà trước khi khởi niệm giết không có tâm tương tục, cũng không thành giết, cần đủ ba sự kiện: Nhơn, Duyên và Phương tiện mới thành tựu nghiệp sát. *Nhơn sát*, nghĩa là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, đầy đủ hạt giống tham, sân, si, mười nhơn ác nghiệp, sơ tâm Bồ Tát Kiến tư các hoặc, v.v... các phiền não chướng chưa bỏ, tập khí sát sanh chưa dứt, bỗng khởi một niệm hiện hành, nên gọi là nhơn sát. *Duyên sát*, nghĩa là tâm ác giết người và súc vật, gây oan gia nhiều đời hội tụ làm duyên. *Phương pháp giết*, nghĩa là dùng các phương tiện như : Dao, trượng, lưới, ác chú, v.v...khiến cho họ mất mạng. Ba thứ nhơn, duyên và phương pháp đầy đủ, mặc tình trở thành *ngiệp sát* để gây nên tương sát hại ở tương lai.

Do Bồ Tát nối tiếp dòng Phật, Thượng hoằng Hạ hóa, cầu đạo giải thoát, phải đem lòng từ bi, hành lục độ làm gốc, thế nên để giới Sát trước hết. Lại nữa, chẳng những người mà tất cả thân mạng chúng sanh đều không được giết hại, cho đến các loại nhỏ nhít như kiến, muỗi mòng, lãng quăng có mạng sống cũng không được giết. Các loài cây cỏ sanh trưởng cũng không được gia hại, huống gì các sinh linh ư?

Hỏi: Bồ Tát độ khắp tất cả kẻ oán, người thân, thấy giết đều ngăn, nhưng nếu cố giết tựa hồ không có tâm từ...?

Đáp: Vì hàng Bồ Tát xuất gia mà nói ngăn tất cả, như vị Quốc vương, Tể quan giết một người cứu muôn người, hưng thiện diệt ác, chính là Đại bi tâm của hàng Quyền thừa Bồ Tát, nên có giới Giá, giới Khai,... mà nói không được vô cớ, nếu vì tâm riêng tư, danh lợi mà giết thì thành nghiệp sát.

Những Bồ Tát này, là nói rõ Phật tử đã tu đạo thì khuyên họ nên hành tâm từ bi là tâm căn bản của Bồ Tát, chính là tâm địa pháp môn, phải nên thường hằng an trụ, không quên, đừng để mất, nên nói: “Bồ Tát thường khởi tâm an trụ niệm từ bi.”

Hai chữ “*thường trú*” xuyên suốt tâm hiếu thuận, dùng tâm từ bi thương chúng sanh cũng như mẹ thương con đở, thường ban vui và cứu khổ nó. Dùng tâm hiếu thuận kính mến chúng sanh như Cha mẹ, không dám trái bỏ mà luôn luôn để tâm phụng sự, phương tiện cứu giúp tất cả chúng sanh. Bốn chữ “*phương tiện cứu hộ*” đây chính là tâm từ bi. Trong tâm hiếu thuận cứu hộ chúng sanh, thiện xảo học xứ, khiến cho tất cả chúng sanh được an vui, xa lìa tất cả đao trượng, mà ngược lại, phóng tâm khoái ý giết hại họ là phạm tội sát sanh. Người tu Bồ Tát hạnh, nếu thấy chúng sanh bị khổ, không có phương tiện cứu giúp họ, còn thấy khuyết tâm từ bi, trái với bản hạnh, nữa nào lại phóng tâm khoái ý làm việc tổn hại ấy. Khởi tâm như vậy là đoạn mất tâm từ bi của chính mình, nên phải kết tội. Đây là Bồ Tát phạm tội Ba-la-di, vĩnh viễn bỏ ra ngoài biển Phật pháp.

Ba-la-di là tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là Cực ác, cũng gọi là Tội khí, nghĩa là Bồ Tát phạm tội này rồi, mãi mãi bỏ ra ngoài biển Phật Pháp, không được vào trong chúng thanh tịnh đồng yết ma thuyết giới, tất cả việc Tăng đều không có phần, nên gọi là khí tội. Phải đọa vào đường ác, nên nói cực ác.

Giới thứ 2

TRỘM CƯỚP

Là Phật tử, không được tự mình trộm cướp, bảo người trộm cướp, phương tiện trộm cướp, cho đến dùng bùa chú để cướp, như trộm cướp, duyên trộm cướp, cách thức trộm cướp, cho đến dù vật của quý thân đã có chủ, hoặc của giặc cướp; như đến một cây kim, một cọng cỏ, đều không được trộm cướp. Là Phật tử, lẽ ra phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận thường cứu giúp cho mọi người được phước, được vui, mà trái lại trộm cướp tài vật của người, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Giới thứ hai nói về tướng trộm cướp. Trộm nghĩa là người ta không cho mà cố ý trộm lấy, đoạt lấy hoặc cưỡng đoạt lấy đều gọi là tội trộm. Như Kinh Lăng Nghiêm chép: “Tâm trộm không trừ thì trần lao không ra khỏi, dầu có trí tuệ, thiên định, hiện tiền tâm trộm không dứt, quyết chắc phải đọa vào tà đạo, nên Phật ngăn cấm.”

Nếu Phật tử - một cây kim, một cọng cỏ, không được cố trộm lấy, đây thuộc về Nhiếp luật Nghi giới. Bồ Tát - khiến cho người được phước, được vui, gọi là Nhiếp thiện Pháp giới.

Trước đã nói “đoạn ác sanh thiện”, chính là Nhiêu ích Hữu tình giới.

Tự mình trộm cướp, là đích thân tự tay trộm lấy tài vật của người, gọi là *tự trộm*. Khiến cho người khác trộm gọi là *dạy người ăn trộm* hoặc cướp đoạt. Giả như lập phương tiện khéo léo để lấy, khiến người kia tự nhiên đem đến cho, gọi là *phương tiện trộm cướp*. Tụng niệm chú thuật tà đạo, dùng huyền thuật khiến tài vật của họ tự nhiên đem đến, ấy gọi là *bùa chú trộm cướp*.

Nhơn trộm nghĩa là vô thi huân tập chủng tử tham cướp đoạt là “*nhơn*”, hoặc là khởi ý niệm trộm cướp. *Duyên trộm* nghĩa là các vật báu như vàng bạc hiện tiền giúp cho thành tâm trộm là “*duyên*”. *Cách thức trộm* chính là lập ra mưu kế để trộm tài vật của người. *Nghiệp trộm* nghĩa là *nhơn*, *duyên*, *cách thức*, ba việc đều đủ, đi đến hành động thành tội trộm cướp để gây nên cái *nhơn* ở tương lai, làm súc sanh hay nô bộc, đời đời phải chịu khổ báo. Chẳng những tài vật của nhân dân không được trộm lấy, cho đến tài vật của thần, tài vật, dụng cụ trong đình miếu thờ cúng, của giặc cướp đã có chủ, nghĩa là tài vật họ đã cướp trộm được rồi, cũng không được trộm lấy.

Tất cả tài vật, là mượn vật thường để nói đến vật báu. *Nhất định không được trộm lấy*, nghĩa là không luận tài vật tốt hay xấu, quý hay tiện, cũng không được cưỡng đoạt lấy, dù vật nhỏ như cây kim cọng cỏ, không cho không được đoạt lấy. Nếu cố ý đoạt lấy là phạm tội trộm, nên nói: “*Không được cố ý trộm lấy*” và khuyên Phật tử phải hành trì. Đã là Bồ Tát, phải quán tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, cũng như Cha mẹ mình, thế nên phải sanh lòng hiếu thuận, cúng dường như Phật, như Cha, như Mẹ. Nếu trộm lấy tài vật của họ, chính là trộm của Phật vậy. Đáng lẽ ra phải sinh lòng từ bi cứu giúp họ, vì đó là bản hạnh tâm địa của Bồ Tát. Tâm từ bi là phải ban vui, cứu khổ chúng sanh, phải quán chúng sanh như con mình, nữ nào phóng tâm khiến cho họ phải khổ đói lạnh ư? Nên Kinh ghi: “*Sanh tâm từ bi thường phải giúp đỡ tất cả chúng sanh*”. Văn trước chép: “*Thường đầy đủ tâm từ bi hiếu thuận nên phải giúp đỡ tất cả mọi người, sanh phước trong thân họ, sanh niềm vui trong tâm họ, mà trái lại trộm tài vật của họ, thật là vô lý.*” Thế nên kết giới không nên làm, nếu làm sẽ phạm tội Ba-la-di.

Giới thứ 3

DÂM DỤC

Nếu Phật tử tự mình dâm dục, nhân đến tất cả các phái, không được cố ý hành dâm. Nhơn dâm dục, duyên dâm dục, cách thức dâm dục,

nghiệp dâm dục, nhãn đến súc sanh, quý thân (trống hoặc mái, nam hoặc nữ) cho đến phi đạo hành dâm. Là Phật tử phải sanh lòng hiểu thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, đem pháp thanh tịnh cho mọi người mà trái lại khởi tâm hành dâm với tất cả, không luận súc sanh quý thân, nhãn đến cha mẹ anh em trong lục thân mà hành dâm, đó là không có tâm từ bi, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Dâm nghĩa là cùng với khác phái thân tâm giao cấu, nhiễm ô tịnh hạnh. Đây chính là cội gốc luân hồi trong ba cõi, sáu đường sanh tử, nên Khế Kinh chép: “Dâm tâm không đoạn, vĩnh viễn không được ra khỏi cảnh khổ sanh tử luân hồi, dù người ấy có trí tuệ, thiên định hiện tiền, nếu không đoạn dứt tâm dâm ắt phải lạc vào đường ma, do đó Phật chế giới.”

Tự mình hành dâm, nghĩa là tự thân cùng khác phái gây cái nhờn trói buộc, dạy người dâm dục cũng khiến cho họ bị trói buộc, nhãn đến tất cả người khác phái, không được cố tâm hành dâm, các đối tượng hành dâm rất nhiều loại, nhưng chỉ nêu một vài sự việc thôi. Nhân dâm dục, mãn nguyện sở thích không phải đơn giản mà hội đủ căn cảnh đối tượng mới thành, thành rồi đó là nhờn hội đủ duyên dâm dục và cách thức cả ba thành nghiệp dâm.

Nhân dâm dục, nghĩa là từ vô thủy tập khí tham dâm làm “*nhân*”. *Duyên dâm dục*, nam nữ khác phái hội hợp giúp thành dâm. *Cách thức dâm* nghĩa là vỗ về xoa nắn, khiến cho tình cảm ái nhiễm bộc phát. Do cả ba yếu tố nhờn, duyên, cách thức hòa hợp thì tự nhiên thành *nghiệp dâm*. Thành nghiệp ấy rồi, tất nhiên thân phận cảm nhận nỗi khổ sanh tử luân hồi trong lục đạo, không sao tránh khỏi các báo quả khổ đau triền phược trong tam giới, nhãn đến phải cảm nhận thân phận hạ đẳng như các loài súc sanh, cầm thú, trâu bò, chó, lợn, heo, dê, v.v... .Nên Phật dạy chẳng những đối với khác phái, Phật tử không được dâm dục, mà cho đến các loài chúng sanh hay phi chúng sanh hành dâm cũng đều trái phép. Ngoài thế thiếp là chánh dâm, cũng không nên phi đạo hành dâm.

Với Phật tử tại gia, Phật chế không được lang chạ ngoại dâm, cũng không được phi đạo và phi thời hành dâm. Riêng đối với đệ tử Phật xuất gia thì hoàn toàn tuyệt hẳn, không để tâm móng tương vì móng tương dâm cũng là nhờn của tội.

Phân giới kinh Phật đã dạy ngăn tất cả ác, sau khuyên tu tất cả thiện và nghĩ đến ân chúng sanh mà Bồ Tát phải sanh lòng hiếu thuận với tất cả chúng sanh, mới xứng đáng là Phật tử Bồ Tát. Không như kẻ vô trí, Bồ Tát phải biết quán sát tất cả nam tử là cha ta, tất cả nữ nhân là mẹ ta, không dám xâm phạm, nên nói: “Phải sanh lòng hiếu thuận, cứu độ tất cả chúng sanh, đem tịnh pháp ban cho họ, mình và người, làm lợi cả hai, nghĩa là đem pháp thanh tịnh của mình mà chia sẻ cho người, khiến cho họ đoạn dứt cội gốc sanh tử, cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi khổ trôi buộc trong ba cõi.” Bồ Tát có lòng từ bi dẫn dắt chúng sanh, ban tịnh pháp cho người. Nếu Bồ Tát không sanh tâm làm lợi ích chúng sanh như thế thì chẳng phải Bồ Tát, ngược lại, khởi tâm xấu hành dâm tất cả mọi người, không luận là súc sanh, cho đến hành dâm với cha mẹ, anh em trong lục thân, khiến cho họ rơi vào hầm hố ái dục, không có tâm từ bi, Bồ Tát như thế phạm tội Ba-la-di.

Giới thứ 4

VỌNG NGŨ

Nếu Phật tử, tự mình nói dối, dạy người nói dối, phương tiện nói dối, nhân nói dối, duyên nói dối, cách thức nói dối, nghiệp nói dối, cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, thân và tâm nói dối. Bồ Tát phải sanh tâm nói chánh ngữ, chánh kiến và cũng khiến cho tất cả chúng sanh nói chánh ngữ, chánh kiến. Trái lại, nếu khiến cho mọi người nói lời tà ngữ, tà kiến, tà nghiệp, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Vọng ngữ nghĩa là lời nói dối gạt, không thật, ngay cả vấn đề chưa được nói đã được, chưa chứng nói đã chứng, chẳng phải là Thánh nhơn, tự nói ta là Thánh nhơn, chẳng phải được pháp hơn người mà nói ta được pháp hơn người, đây là lời dối gạt kẻ ngu, cũng là tự dối gạt mình. Nếu xét cho cùng, tâm đó là kẻ cầu thanh danh, tham lợi dưỡng, đó là ý đồ hành vi bất thiện, tạo nghiệp luống dối.

Tự nói dối, là tự mình nói ta là Thánh nhơn, ta đã ngộ đạo, ta là tổ sư thứ mấy v.v... Nên kinh ghi: “Tự mình nói dối, dạy người nói dối. Hoặc dạy đệ tử, hoặc khiến cho bạn bè truyền nói, giống như ta nói, nên nói *dạy người nói dối*.” *Phương tiện nói dối*, là dùng lời xảo quyết nói, hợp với cơ nghi người nghe, tự nhiên họ tin. *Nhơn nói dối* chính là chúng tử tham lam từ vô thủy đến nay dối gạt hư vọng, thói quen là “nhơn”. *Duyên nói dối* là hiện tiền nói lời dối gạt, giúp cho thành “duyên”. *Cách thức nói dối* là muốn cho kẻ ngu sanh lòng tin cậy, ắt có phương pháp đặt điều dối gạt nói. *Nghiệp nói dối* là do nhơn, duyên, cách thức, ba việc hợp lại, hiển nhiên thành nghiệp, đọa địa ngục Vô gián.

Cho đến không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, v.v... chẳng những đại vọng không được cô phạm, cho đến dối gạt không được sai phạm như không thấy nói thấy, thấy nói không thấy, đều không được nói dối gạt. *Không thấy nói thấy*, như chưa từng thấy người kia làm ác, vì thuận theo ý người, nói là tôi thấy. *Thấy nói không thấy*, như thật thấy người kia làm tốt nhưng do tâm ganh tỵ, tật đố mà nói, tôi chưa thấy người kia làm tốt bao giờ.

Thân và tâm nói dối, nghĩa là trước không thấy nói thấy, v.v... đã thốt ra lời nói ở miệng, miệng thuộc về thân, miệng không tự nói, do tâm kích động nói ra. Như giới trước đã nói, chính là Nhiếp luật nghi giới. Sau khuyên nên tu chính là Nhiếp thiện pháp giới, đã thốt ra lời nói chân thật, chính là Nhiếp chúng sanh giới mà Bồ Tát thường sanh lòng từ bi cứu độ chúng sanh là Nhiêu ích chúng sanh.

Nếu là Bồ Tát, phàm có nói ra lời gì, thường phải chánh ngữ, cũng khiến cho chúng sanh phát ra lời nói chánh ngữ, chánh kiến. *Chánh ngữ* nghĩa là lời nói chân thật, không tà bậy, thiên chấp, dối gạt người. *Chánh kiến* tức là thấy một cách chính xác, không điên đảo, sai lệch. Nói lời chơn chánh, thì tâm nhìn và thấy cũng chân thật, do tự mình đã nói lời chân thật, không luông dối, mới khiến cho người khác đặt niềm tin vào mình, thế nên cần phải khiến cho tất cả chúng sanh cũng nói chánh ngữ, chánh kiến, trở về quy y nơi Phật, làm người chơn chánh.

Nếu là Bồ Tát tự mình không có chánh ngữ, chánh kiến đã chẳng phải trí hạnh của Bồ Tát, huống gì lại khiến cho tất cả chúng sanh khởi tâm tà ngữ, tà kiến, tạo tà nghiệp, tội kia làm sao kể xiết. Thế nên nói Bồ Tát phạm tội Ba-la-di. Chỉ trừ cứu người gặp nạn gấp, phương tiện quyền xảo, tất cả làm lợi ích cho người, chẳng những không lỗi mà còn có công đức.

Giới thứ 5

BÁN RƯỢU

Nếu Phật tử tự mình bán rượu, dạy người bán rượu, nhân bán rượu, duyên bán rượu, cách thức bán rượu, nghiệp bán rượu. Là Phật tử tất cả rượu không được bán, vì rượu là nhân duyên sanh ra các tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra phải làm cho tất cả chúng sanh có trí tuệ sáng suốt mà trái lại đem sự say mê điên đảo cho chúng sanh, Bồ Tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Bán rượu, nghĩa là làm ra rượu bán cho người, đem rượu cho người, người bị hại không ít, hay khiến cho người uống rượu, phần nhiều khởi tâm không tốt, làm nước mắt, nhà tan, tán thân mất mạng. Các thứ ác họa không gì không tạo, đều do uống rượu mà ra, nên Phật chế giới ngăn

cấm. Tự bán rượu, nghĩa là tự mình tham lợi mà mua bán đổi chác. *Dạy người bán rượu* có hai nghĩa:

1. Dạy người bằng lời tạo tác mua bán đổi chác.
2. Dùng vốn của mình chia cho họ chút phần lời.

Nhơn bán rượu, tâm tham lợi từ vô thủy làm “nhơn”. *Duyên bán rượu*, nghĩa là gạo, mạch, công nhân, đầy đủ các thứ, v.v... để trợ giúp cho thành rượu. *Cách thức bán rượu*, ủ gậy thành men rượu, đó là phương pháp. *Nghiệp bán rượu*, do nhân, duyên, cách thừa hòa hợp lại. Việc nấu rượu là nghiệp, hễ gậy ra thì phải chịu quả báo vô trí, tối dốt, các khổ đời sau. Nên nói *tất cả rượu không được bán*.

Từ những thứ rượu bằng gạo, mạch cho đến trái nho, táo, dương mai cho đến các thứ trái cây, v.v...tất cả đều không được tạo. Sở dĩ nói như thế, vì tất cả rượu đều là nhân duyên gây tất cả nghiệp tội, nên Tứ Phần Luật ghi: “Rượu có ba mươi sáu lỗi, trước hết bất hiếu với Cha mẹ, không kính Tam bảo, chết rơi vào cảnh băng giá, đọa địa ngục thiêu đốt.” Lại nữa, Trí Độ Luận ghi: “Uống rượu có 35 lỗi, trước hết hiện đời đói khát, đời sau không có trí tuệ, thân tâm tối dốt, thật là thuốc độc ở thế gian, ác liệt hơn chất đá độc và lông chim chàm.”

Xưa có một vị Ưu bà tắc, do uống ly rượu mà các giới đều phá. Nên nói: “Nhơn duyên tạo tội do rượu mà ra”, như trước đã nói.” Dứt tất cả ác để rõ chánh hạnh Phật tử đã hành, chính là tu tất cả thiện” trong đó nói rõ đoạn ác tu thiện là Nhiêu ích chúng sanh giới mà Bồ Tát hạnh phải khiến cho chúng sanh có trí tuệ sáng suốt, trái lại phạm tội.

Minh đạt là trí tuệ chiếu soi thấu rõ nghĩa lý, Bồ Tát nương vào trí tuệ, dùng đại trí tuệ quang minh, tự giác, giác tha đem hết phương tiện quyền xảo, khai hóa chúng sanh, phải khiến cho họ mỗi mỗi đều phát sanh trí tuệ sẵn có của mình, đối với các sự lý tự nhiên thông đạt. Nếu không làm được như thế thì mất phương tiện hạnh của Bồ Tát, huống gì tự mình đem rượu bán cho người, khiến cho chúng sanh phát sanh tâm điên đảo ư? , nên kết lỗi và nói “Đây là Bồ Tát phạm tội Ba-la-di.”

Giới thứ 6

RAO NÓI LỖI CỦA BỐN CHÚNG

Nếu Phật tử tự mình rao nói tội lỗi của Bồ Tát xuất gia, Bồ Tát tại gia, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, hoặc bảo người rao nói những tội lỗi ấy, nhưn rao nói tội lỗi, duyên rao nói tội lỗi, cách thức rao nói tội lỗi, nghiệp rao nói tội lỗi. Là Phật tử, lẽ ra khi nghe những kẻ ác, hàng Nhị thừa, ngoại đạo nói những lời phi pháp, trái luật trong Phật pháp, phải có lòng từ bi luôn luôn giáo hóa những kẻ ác ấy, khiến cho họ có tín tâm lành đối với Đại thừa mà trái lại Phật tử lại tự mình rao nói những điều không tốt trong Phật pháp, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Nói lỗi là một hình thức hủy báng. Có hai cách:

1. Chánh lý mà đem ra để luận bàn thị phi
2. Phi lý mà luận bàn so sánh.

Đây đều là phi lý luận bàn.

Nói lỗi của bốn chúng, chính là luận bàn, dị nghị chúng xuất gia là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni và Bồ Tát. Mình đã là Bồ Tát, là bạn đồng hành với nhau, người khác không lỗi thì không nên phi báng chê bai. Giả sử họ có lỗi, mình phải dùng tâm từ bi khuyên dụ họ, khiến cho họ biết lỗi để cải đổi, sám hối đó mới là việc then chốt cần yếu nhất, lẽ đâu lại đi nói lỗi của bạn đồng tu cho người ngoài biết ư? Nếu thế thì tự mình hủy nhục pháp môn của mình, khiến cho Thánh đạo không được thanh hành, tội này không phải nhẹ, nên Phật ngăn cấm.

Tự mình nói, nghĩa là lỗi phi báng phát xuất từ miệng mình.

Bốn chúng xuất gia và tại gia, chính là người phát tâm Đại thừa, đã lãnh thọ giới pháp Đại thừa nên gọi là Bồ Tát. Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, riêng chỉ cho hai chúng xuất gia là những người tuy thọ giới Thanh văn nhưng bên trong ân hạnh Bồ Tát.

Dạy người nói tội lỗi của người khác, có hai hình thức:

1. Vì mình có tâm oán hận riêng tư, muốn hạ nhục người ấy nên sai người khác phô bày những lỗi lầm của người kia để thích ý thỏa lòng.
2. Người kia nghe sanh tâm buồn rầu, khiến phải sân hận.

Rao nói tội lỗi của người, nghĩa là bảo người này phạm tội gì đó hoặc nặng hay nhẹ, để cho người khác phải khinh khi. Mặc dầu chỉ nói lỗi một người, nhưng thật ra là đã xúc phạm đến tứ chúng mà không biết, phạm tội ngũ nghịch, căn cứ vào lời ấy mà định nên nói là tội lỗi, vì tứ chúng là người hoằng dương và trụ trì Tam bảo.

Là Phật tử chẳng những không được tự mình rao nói tội lỗi của người khác mà cũng không được dạy người khác nói lỗi. Đã là Phật tử phải luôn luôn khéo giữ ruộng phước, ấy là chánh hạnh của Bồ Tát.

Nhơn rao nói tội lỗi, nghĩa là từ vô thủy đến nay tập khí ác khẩu là “nhơn”. *Duyên rao nói tội lỗi*, nghĩa là người kia bị chút thành tích không tốt, lấy chút cơ ấy để rao bày điểm xấu của người gọi là “duyên”. *Cách thức rao nói tội lỗi*, nghĩa là bộc lộ tâm địa bất thiện, vẽ rắn thêm chân, thêm bớt nhiều điều của người bằng cách này cách khác, mục đích làm cho ai nghe nói cũng tin. *Nghiệp rao nói tội lỗi*, hợp bởi ba việc trên là nhơn, duyên, cách thức đầy đủ tạo thành câu chuyện hay sự việc nói ra, phô bày lỗi xấu của người. Bốn sự kiện này kết thành nghiệp báo đời sau phải chịu cảnh khổ địa ngục cắt lưỡi. Như giới trước đã nói, dứt tất cả điều ác, tu tất cả điều lành. Đoạn ác tu thiện là Nhiếp chúng sanh giới.

Bồ Tát nghe kẻ ác và ngoại đạo là bọn ác độc tà kiến, vì đoạt mất huệ mạng của Phật, khiến cho chúng sanh phải rơi vào ba đường ác nên gọi là kẻ ác. Hàng Nhị thừa cũng là kẻ ác, vì không phát tâm nối huệ mạng Phật, cũng gọi là ác. Hơn nữa, kẻ ác hay nói những điều phi pháp, phi luật. Trong Phật pháp, vì hàng Nhị thừa không thấu rõ cảnh giới nghịch hạnh của Bồ Tát, hoặc thuận hay nghịch đều là diệu dụng của Bồ Tát trong Phật pháp, do đó họ thấy Bồ Tát làm nghịch hạnh mà cho rằng phi pháp, phi luật. Nên Bồ Tát nghe lời ác này sanh tâm từ bi thương xót chúng sanh, giáo hóa họ, khiến cho họ cải ác tùng thiện, bỏ tà quy chánh, đối với hàng Nhị thừa thì xả tiểu hướng đại, ngỏ hầu làm hột giống chánh đạo ngày càng thêm lớn. Nếu không khai hóa được như thế thì lòng từ của Bồ Tát chưa được dung thông, Bồ Tát lẽ đâu tự mình rao nói tội lỗi của người ư? Nên cuối cùng nói: “Bồ Tát này phạm tội Ba-la-di.”

Giới thứ 7

TỰ KHEN MÌNH CHÊ NGƯỜI

Nếu Phật tử tự khen mình chê người, cũng như bảo người khác khen mình chê người, hơn chê người, duyên chê người, cách thức chê người, nghiệp chê người. Là Phật tử lẽ ra phải chịu thay những sự khinh chê khổ nhục cho tất cả chúng sanh, mình nhận lấy việc xấu, nhường cho người việc tốt. Nếu Phật tử phô trương tài đức của mình mà che giấu điều hay tốt của người, làm cho người bị khinh chê, Phật tử phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Đưa công đức của mình lên gọi là tự tán thán khen ngợi. Chê bai lỗi xấu của người khác gọi là hủy nhục. Phô bày tốt, che cái xấu cho người, không hại cả mình và người, đó chính là bốn hạnh lợi sanh của Đại sĩ.

Khen mình chê người, lợi mình tổn người, chẳng phải tâm từ bi của Bồ Tát.

Tự khen mình chê người là đưa ta lên và đìm người xuống, đủ hai lỗi này là phạm trọng tội.

Dạy người có hai cách:

1. Dạy người khen mình chê người, hoặc hiện tướng, hoặc sai khiến đem thơ đến.
2. Dạy người kia tự tán thán đức hạnh của mình, khinh hủy người khác.

Trước khi khởi tâm khen ngợi tán thán, tâm đó là nhân, tâm tương tục giúp thành *duyên*, dùng các thứ phương tiện khéo léo là *cách thức*, người đối diện nhận hiểu là *nghiệp*. Trong bốn câu này, chỉ đơn cử việc hủy báng người khác, không nói tự khen ngợi mình, vì lược bớt văn từ.

Lại tự khinh hủy người khác và khen ngợi mình, đem điều hay tốt về mình, khiến người khác phải chịu nhục, đó là ác tâm nặng nề về một mặt, nên nêu tội nặng bao gồm tội nhẹ. Ngược lại, người chịu thay người khác thì không làm cho họ phải chịu nhục, dẫn việc xấu xoay về mình, quyết không nên tự khen mình.

Dương là tán thán khen ngợi. *Ẩn* là ẩn khuất, tự đưa mình lên, sợ mình không hơn người. Đìm điều hay tốt của người sợ người hơn mình, chỉ biết lợi mình, không đếm xỉa người khác bị hại là chẳng phải Đại sĩ. Đem điều xấu đổ về mình, đưa điều tốt đẹp của người lên đó là “thiện tâm”

Tự mình chê bai người khác chính là nghiệp dẫn dắt nên mắc tội nặng. Nếu bị dắt dẫn vào đường tà rồi trở về chánh đạo, chê Nhị thừa, khiến họ trở về Nhất thừa, tuy lỗi giống như là chê bai mà thực ra tâm là Đại từ bi, đây chính là tâm từ bi hoằng hóa thương xót chúng sanh, đại nguyện

kiến lập pháp tràng, đâu được dụng tâm chấp nhận, ngã, bi, thử, hơn, thua mà luận bàn, đồng lòng mà nói ư?

Kinh Trì Địa chép: “Khinh khi ngoại đạo mà khen ngợi Phật pháp, nếu dùng phương tiện để điều phục họ, chưa tin khiến cho tin, đã tin khiến cho tăng trưởng thì không phạm.”

Giới thứ 8

BỒN XẼN THÊM MẮNG ĐUÔI

Nếu Phật tử tự mình bồn xển, hơn bồn xển, duyên bồn xển, cách thức bồn xển, nghiệp bồn xển. Nếu là Bồ Tát, thấy tất cả người bần cùng nghèo khổ đến xin, theo sự cần dùng của họ mà cấp cho tất cả. Trái lại, Bồ Tát lại dùng ác tâm, sân tâm, nhẫn đến không cho một tiền, một cây kim, một cọng cỏ, có người đến cầu hỏi giáo pháp, chẳng nói một kệ, một câu mà trái lại còn mắng nhiếc hủy nhục, Bồ Tát này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Người đến xin thí tài, thí pháp mà không cho gọi là *bồn xển* (*nhơn bồn xển, duyên bồn xển, cách thức bồn xển*). *Sân hận mắng nhiếc hủy nhục* gọi là gia hại, như thế trái với đạo từ bi, trái với hoài bão lợi sanh của Bồ Tát.

Bồ Tát thực hành bố thí Ba-la-mật, không lựa kẻ thân người sơ. Nếu người đến cầu xin bố thí pháp hay tiền của, Bồ Tát đều cho, đâu phân biệt tốt hay xấu. Nếu họ đến xin, không có tâm bố thí mà lại thêm đánh đuổi quở mắng là rất trái với giới hạnh của Bồ Tát.

Tự mình bồn xển, hoặc miệng nói, hoặc hiện tướng bồn xển, hoặc ẩn tránh không cho tài pháp, hoặc nói không có, tay cầm gậy xua đuổi, hoặc dùng lời ác mắng nhiếc. *Dạy người bồn xển*, là hoặc dạy người khác cắt

giấu tiền của không cho, hoặc dạy người gia hại mắng nhiếc. Khi mới khởi tâm như thế là *nhơn*, tiếp theo trợ giúp cho bỏn xén là *duyên*. Dùng mọi phương tiện khéo léo thực hiện việc bỏn xén là *cách thức bỏn xén*. Người đối diện hiểu rõ lời nói trên đó, thành tựu việc bỏn xén là *nghiệp bỏn xén*. Bốn câu này, không nói thêm lời hủy mắng đánh đuổi. Trước do tâm bỏn xén, sau thêm đánh đuổi hủy nhục, nếu không bỏn xén mà chỉ hủy nhục là thuộc về phạm khinh tội (tội nhẹ).

Kinh Ưu Ba Ly Vấn Phật chép: “Đã ở trong căn bản tội, sao còn gọi là nặng? Phật dạy: Trụ trong giới Đại thừa Bồ Tát, như phạm hằng hà sa số tội tham, cùng với một tội sân. So sánh trong hai tội này, sân thuộc về tội nặng vì hiện sân giận xa lìa chúng sanh, hiện tham ái hộ chúng sanh, thì không bị phiền não.” Đối với Bồ Tát, không có các sự lo sợ tai ương hoạnh tử, nên Học Luận chép: “Sân là bản tánh của đại tội, không sanh phương tiện thương xót, hành động sân giận, chẳng những không lợi ích mà còn trường dưỡng phiền não, giảm mất tâm bi mẫn chúng sanh, ấy là lỗi rất lớn.”

Giới này nói về bỏn xén keo kiệt, đã tiếc của lại còn thêm đánh mắng hủy nhục. Nếu nghèo mà hay làm việc bố thí thì không có các lỗi sân, hận, hủy nhục. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ chép: “Nếu trước thiếu phần suy nghĩ về mình, rồi sau không bố thí, đọa vào loài quỷ đói. Nói mà không cho thì đọa vào địa ngục.” Tất cả là chỉ Tăng tục, nam nữ.

Nghèo khôn cùng khổ có hai loại:

1. Thân nghèo đói khổ, cần tiền của nên thí cho tài vật.
2. Tâm nghèo khổ, cần pháp thí nên thí cho món ăn tinh thần pháp thí, nên nói tùy theo sự cần dùng, tất cả đều cung cấp cho.

Kinh Quyết Định Tỳ Ni chép: “Bồ Tát tại gia nên thực hành hai pháp thí:

1. Tài thí

2. Pháp thí

Còn Bồ Tát xuất gia nên thực hành bốn cách thí:

1. Thí cho giấy
2. Thí cho mực
3. Thí cho viết
4. Thí cho pháp.”

(Vì người xuất gia không có tiền của thì cho giấy, mực, viết, pháp, chút ít dễ làm, khiến cho thành tựu được kinh sách, cũng gọi là thí pháp.)

Bồ Tát đặc nhẫn thực hành 3 cách bố thí:

1. Ngồi Vua
2. Xả thí vợ con
3. Xả thí da thịt, xương cốt.

Phàm phu Bồ tát tùy sức tùy nghi thí cho. Nếu gặp người không nên thí pháp hoặc họ căn tánh ám độn, hạ liệt chẳng phải pháp khí, hoặc nghe pháp quá sâu xa, ngược lại sanh tâm hủy báng, hoặc người nữ đến cầu pháp mà không có nam tử thân nhân ở bên, thời không nên vì họ nói, cũng không nên thí tài, có khi thí tiền tài không được phước, nhẫn đến còn hại thân mạng, thì không nên thí cho.

Kinh Trì Địa chép: “Vì sao Bồ Tát dùng chút căn lành, được vô lượng kết quả? Vì Bồ Tát dạy chúng sanh có căn cơ hạ liệt, dùng chút ít tài vật gieo xuống phước điền, nhẫn đến chỉ thí một sợi bún nhỏ cho súc sanh. Thí rồi hồi hướng đạo Vô thượng Bồ đề, nhờ dùng sức hồi hướng, nên được kết quả vô lượng.”

Cho đến ..., là luận về tiền tài theo số nhiều, cho đến rất nhỏ như cây kim, ngọn cỏ. Đây muốn nói, người không có tiền của, không thể tùy ý thí. Luận về pháp, thì nói rộng ra, cho đến rất ít, chỉ nói một câu hay một hạt bụi nhỏ, đây ý nói ít biết không nghe, nên không thể nói rộng

được. Nếu thật không có pháp sở đắc, mà nói dối, nói xằng, nói bậy khiến cho người bị mê lầm, mắc tội không phải nhẹ. Nếu có mà không bố thí cho người lại thêm xua đuổi mắng chửi nhục mạ, thời gây cả hai tội bòn xén và hủy nhục, đây chính là “nghiệp chủ” nên mắc tội nặng.

Không phạm nghĩa là thấy người kia do bị quở trách và mắng nhiếc nên hối lỗi, nhờ sự chiết phục ấy mà sửa lỗi, tự không có ác tâm, sân tâm, tùy theo căn cơ được lợi ích, chính là diệu dụng cơ nghi của bậc Đại sĩ. Nên Kinh Trì Địa chép: “ Nếu biết Pháp mà không nói khiến họ được điều phục, nếu biết người trước không hay kính trọng, nếu oai nghi không tề chỉnh hoặc căn cơ họ ám độn, nghe diệu pháp thâm sâu, sanh lòng lo sợ, hoặc biết họ nghe rồi tăng trưởng tâm tà kiến, hoặc nghe chê bai thối thất, hoặc nghe rồi nói lại cho người ác, phá hoại chánh pháp, như vậy không nói thì không phạm.”

Giới thứ 9

GIẬN HỜN KHÔNG CHỊU SÁM HỎI

Nếu Phật tử tự mình sân giận, dạy người sân giận, nhen sân giận, duyên sân giận, cách thức sân giận, nghiệp sân giận. Bồ Tát đáng lẽ ra phải gieo căn lành cho tất cả chúng sanh không gây gổ, thường có lòng từ bi, lòng hiếu thuận mà trái lại đối với tất cả chúng sanh, nhẫn đến chẳng phải chúng sanh, đem lời ác mạ nhục, còn thêm dùng tay chân dao gậy để đánh đập mà vẫn chưa hả dạ, cho đến khi họ đến cầu xin sám hối tạ tội nhưng vẫn còn chưa hả giận, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Tâm sân giận hoặc người xúc phạm đến mình, hoặc mình xúc phạm đến người, người kia biết lỗi, thành tâm cầu xin sám hối mà Bồ Tát trong

lòng ôm sự sân hận, ngoài hiện tướng không giận nhưng trong lòng buồn rầu khổ não là trái với hạnh Bồ Tát.

Tự mình sân, là để trong lòng sự giận dữ, ngoài phát ra thân khẩu nghiệp. Bắt đầu móng tâm khởi sân là *nhon*. Tâm sân hận ý niệm không dứt tạo thành *duyên sân*. Dùng các cách đánh đập mắng nhiếc là *phương pháp* hay *cách thức sân*, tạo thành *nghiệp sân*. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Một niệm sân tâm khởi, trăm vạn cửa chướng mở” (Nhứt niệm sân tâm khởi, bá vạn chướng môn khai). Phải biết một niệm mới manh nha còn vậy, huống gì các duyên sân tâm tương tục mà không thành nghiệp sân sao? Nghiệp thành rồi thì tai ương sa đọa, chìm đắm, lôi kéo, oán thù kết nối muôn đời, hết đời này sang đời khác không hết, thật đáng thương thay!

Tất cả chúng sanh tâm địa vốn thiện, do bị chướng ngại vô minh phiền não ngăn che, bậc Đại sĩ phải dùng lòng từ bi khiến cho chúng sanh phát khởi căn lành từ bi của mình để xả bỏ vô minh phiền não chướng, thì không có việc đấu tranh, huống gì tự mình không chịu cho họ sám hối tạ tội để phát khởi sự tranh cãi ư? Bồ Tát phải luôn nhớ đến tất cả chúng sanh, như con đỏ của mình, nhẫn chịu sự hủy nhục, đó là tâm từ bi của mình. Thường quán tất cả chúng sanh như cha mẹ, đâu nữ ngõ nghịch với họ, ấy là tâm hiếu thuận. Bậc Đại sĩ làm cho chúng sanh phát khởi tâm lành, lại còn thể hiện lòng từ bi hiếu kính, thì làm sao bức não chúng sanh được.

Phi chúng sanh là bậc Tam thừa Thánh nhơn, và người biến hóa. *Đánh mắng sỉ nhục* là thân và khẩu nghiệp. Tay đánh là thân nghiệp, niệm sân không dứt là ý nghiệp. Do ba nghiệp này não loạn, dữ hơn lang sói. Không cởi mở, không dứt tâm sân, nên thành tội nặng.

Không phạm là dù người đã biết lỗi cầu xin sám hối với tâm hối không thật, niệm sám không tha thiết, Bồ Tát cũng nên đem tâm từ bi khiến cho họ biết cải đổi lỗi trước, không dám tái phạm lỗi sau. Phải chỉ rõ cho họ biết tướng sân hận, hoặc chiết phục những chúng sanh ngõ nghịch, vô tâm ác tánh tà kiến, bậc Đại sĩ ngoài hiện uy phong, nhưng tâm thực là

từ bi, miệng quở trách bài xích mà trong tâm rất thương xót. Đây chính là đại dụng của Bồ Tát để điều phục chúng sanh cương cứng, lẽ đâu đem họ so sánh với kẻ đũa ba độc?

Kinh Trì Địa chép: “Nếu dùng phương tiện mà điều phục họ, nếu họ không như pháp sám hối, tâm họ bất bình, không chịu sám hối, thì không có lỗi.”

Giới thứ 10

HỦY BÁNG TAM BẢO

Nếu Phật tử tự mình hủy báng Tam bảo, xui người hủy báng Tam bảo, nhọn hủy báng, duyên hủy báng, cách thức hủy báng, nghiệp hủy báng. Phật tử khi nghe một lời hủy báng Tam bảo của ngoại đạo và kẻ ác, còn đau lòng như ba trăm cây nhọn đâm vào tim mình huống là tự mình hủy báng, không có đức tin và lòng hiếu thuận đối với Tam bảo, lại còn giúp sức cho những kẻ ác và tà kiến hủy báng nữa, Phật tử này phạm tội Ba-la-di.

Giải thích:

Tự mình đem tâm tà kiến, báng loạn chánh pháp. Tội hủy báng mạng nhiếc kia thì có thể sám hối, riêng tội báng loạn chánh pháp, còn gọi là hủy báng Bồ Tát tạng, thì tội rất nặng.

Lấy tà làm chánh, lấy chánh làm tà, phỉ báng kinh luật và Bồ Tát, bảo rằng kinh luật này chẳng phải Phật nói, ấy là *phỉ báng đức Thế Tôn*; nói chẳng phải Đại thừa kinh điển là *báng Pháp*, người thọ trì kinh điển và đọc tụng chẳng phải đệ tử Phật, ấy là *báng Tăng*. Hoặc tự thốt ra lời tà kiến, dựng lên tà thuyết, tự cho là chánh pháp, hoặc theo tà sư lãnh nạp tà ngữ, biên chép sao tả sách vở tà mị, như dùng lời dạy của Lão Trang sánh bằng giáo lý của Phật, lấy thuật trị thế, so sánh pháp môn tâm địa Phật nói, để hoặc loạn tâm người, làm mê lầm người sau, đánh mất

chánh đạo, vùi lấp trong đường tà, truyền bá đời sau, mãi mãi không dứt, chịu tai ương muôn kiếp, đoạn dứt chủng tử Phật tánh rồi mắc tội, không phải Nhứt-xiển-đề thì không chỗ nào dung chứa được. Khi tâm mới khởi tà kiến là *nhân*, tà tâm tương tục là *duyên*, giúp nhau thành việc hủy báng là các *phương pháp xảo thuyết* hay cách thức hủy báng, người nghe lãnh hiểu là *nghiệp hủy báng*. Hoặc tâm muốn nói, miệng chưa nói ra thì chưa thành trọng tội. Hoặc tự phát ngôn, hoặc nói cho người khác, hoặc khiến cho người truyền nói, đối tượng nhận hiểu lời tà nguy ấy dù chỉ một lời cũng là trọng tội. Nếu viết sách bằng ngôn ngữ báng loạn, người xem nhận hiểu thì mỗi lời, mỗi lời đều là trọng tội. Tín đồ dị học của Trung Hoa và Thiên Trúc, cho đến Bồ Tát ngoài tâm cầu pháp, đều thuộc về *ngoại đạo*. Không có tâm tin Đại thừa, thường trụ Tam bảo, nên xả bỏ Đại giới Tam địa để học theo dị đạo tà giáo, bài bác không có thiện ác như quả, đó gọi là bọn *người ác*. *Một lời*, nghĩa là khi nghe bọn người ác, dù chỉ nói một lời, nhưng chẳng khác ba trăm kim nhọn đâm vào tim mình, huống gì tự mình buông ra lời hủy báng, tâm của bậc Đại sĩ làm sao chịu được? Thực đáng thương cho bọn tà kiến ác như, tự xô mình xuống hố sâu tội lỗi, lại kéo thêm vô lượng chúng sanh làm mê đọa vào biển khổ.

Như mũi nhọn đâm vào tim, không phải chỉ cho niệm sân hận hủy báng Tam bảo, Thể của Tam bảo sáng như mặt trăng, mặt trời, ngón tay đâu có thể che khuất được ánh sáng ấy. Như liệng búa chém trời, trái lại hại mình. Bậc Đại sĩ vốn đem tín tâm hiểu thuận để thọ chánh giới này, phải thường kính thuận Tam bảo, không may may trái nghịch, lẽ đâu có thể phản lại để theo bọn tà kiến ác nhân ngoại đạo, ham thích ngoại giáo, hằng mất tâm địa đại giới Bồ Tát, không còn được gọi là đệ tử Phật ư?

Nếu chưa bỏ chánh giáo theo tà giáo, thì chưa mất giới. Nhưng mới suy nghĩ nói: “Tam bảo không bằng ngoại đạo, Đại thừa không bằng Nhị thừa”, tính toán chưa dứt khoát, thì phạm tội khinh. Dù tin Tam bảo và lý như quả, mà còn tin quỷ thần tà ma ngoại đạo, có oai lực rất linh cảm, bèn bắt chước phù phiếm tế lễ, tấu trình quỷ thần, hoặc khuyên người khác tin thọ, đều phạm tội khinh. Hoặc chấp Đại thừa, phỉ báng Tiểu thừa, bảo rằng không có Tiểu mà chỉ có Đại thôi, còn cho rằng Tứ

A Hàm và Biệt Giải Kinh (Luật) không phải Phật nói, đây là phỉ báng Thanh văn tạng, cũng là tội khinh. Đâu biết ba đời chư Phật xuất thế, tùy theo căn cơ chúng sanh mà thuyết giáo, đều nói Tam thừa, Tứ quả Thanh văn, để làm ruộng phước cho Hiền, Thánh, Trời, Người, lẽ đâu có thể khinh chê và hủy báng ư? Chỉ vì hàng Nhị thừa không có tâm lợi sanh nên Phật quở trách thế thôi. Người thời nay mới sơ cơ học đạo, chưa phân biệt được lúa thóc, Thiên và Giáo còn mù mờ chưa rõ, theo sự hiểu biết cạn cợt của mình, tự mình lầm lẫn, cho rằng người trì giới là chấp tướng, liền chẳng thọ giới pháp. Phật gọi những hạng người này là cư sĩ trọc hoặc người thọ giới mà không giữ gìn cấm giới. Luật gọi đó là phao lũng trong biển khổ. Nếu khinh rẻ, bỏ cộ tức giới, cho rằng không cần thọ, như thế phạm khinh tội (tội nhẹ).

Mười giới trọng này đều là tánh tội, Tiểu thừa lấy rượu là Giá giới. Bồ Tát lấy việc lợi ích chúng sanh là gốc, nếu khiến cho người khác mê hoặc tâm địa, rượu cũng thuộc tánh tội. Như Luận Trí Độ chép: “Tánh giới là Thi-la. Thân, khẩu tám thứ, nghĩa là thân ba, khẩu bốn, lại thêm giới rượu, để ngăn ý địa, khiến cho thân tâm được thanh tịnh. Đó chính là ba nghiệp của ý trong mười thiện nghiệp.” Số lượng tuy khác nhưng nghĩa như nhau.

Tánh tội, nghĩa là giới này không đợi Phật chế hay không, tánh chất của nó nếu phạm là ác rồi, nên gọi là tánh tội. Luận Chi Quán chép: “Tánh giới nghĩa là bất luận người thọ hay không thọ, phạm tức là có tội.” Người thọ giới hay không thọ, giữ gìn không vi phạm gọi là thiện. Nếu thọ giới giữ gìn cẩn mật không sai phạm thời sanh được phước, sai phạm thì mắc tội. Không thọ không sanh được phước. Không thọ nếu phạm cũng không mắc tội khuyết giới, chỉ có ác hạnh, vào nghiệp đạo. Tội nghĩa là thọ giới mà sai phạm thì mắc tội lại thêm tội khuyết giới.

3. *Phân tổng kết*

Này các Phật tử, trên đây là mười giới trọng của Bồ Tát, các vị cần nên học. Trong mười giới này không nên sai phạm một giới nào cả, dù một mảy may nhỏ như vi trần, huống chi phạm cả mười giới ư?

Giải thích:

Chẳng trái bốn nguyên tâm địa mà tu là *khéo học*. Người có lòng từ bi cứu giúp chúng sanh gọi là *Nhơn giả*. Đây là từ hay đẹp tán thán người học giới, khuyên nên học, nên trì giới, nếu sai phạm tâm địa giới này thì phạm tội trọng, ắt phải chịu lấy báo khổ ở ngục A Tỳ. Nếu giữ gìn cấm giới này làm *nhân* sẽ chứng cực quả là giải thoát, do quả nên không gọi là Ba-la-di mà gọi là “Ba-la-đề-mộc-xoa” chính là trong *quả* đã nói đến *nhân*. *Nhân* là trí dụng Bát nhã, *quả* là thể tịch tĩnh của Chơn như. Do xứng thể khởi dụng trừ được vô minh, thấy được bốn pháp thân, đó là trong *quả* nói rõ *nhân*.

Ngài Khuê Phong nói: “Nương Chơn như mà phát ra trí tuệ, đoạn dứt Hoặc nghiệp, chứng đắc Chơn trí rồi khởi ra diệu dụng.” Nếu hành giả không dựa vào Chơn như trí, thì tâm chấp tướng ngã nhơn sanh khởi, không biết nương vào đâu để mà tu chứng được. Nên biết muôn đức, muôn hạnh đều là dụng của Chơn như Trí cả. Nếu hành giả lại hay khởi tâm tha thiết cầu học ham mộ đắc quả, dộc lòng kiên trì cấm giới, đây cũng là trong *quả* nói đến *nhân*.

Ư trung, nghĩa là trong mười giới. *Mảy may như vi trần*, là nêu ra phần nhỏ để so sánh với số nhiều, nghĩa là Phật dạy: “Phạm giới khinh còn không được gọi là Bồ Tát, huống gì phạm cả mười giới trọng?” Nếu phạm giới trọng, đã đánh mất nhơn cực quả rồi, tất nhiên phải chịu ác báo khổ vô cùng cực, nên phần sau chỉ rõ được và mất, hay nói cách khác là tội và phước.

Nếu hành giả nào vi phạm cấm giới Bồ Tát, hiện đời không phát Bồ đề tâm và cũng mất hết các ngôi như Quốc vương, Chuyển luân

Thánh vương, Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, cũng mất ngôi Thập Phát thú, Thập Trưởng dưỡng, Thập Kim cương và Thập địa, Diệu quả Phật tánh thường trú, tất cả đều mất, phải đọa trong ba ác đạo, hai kiếp, ba kiếp không được nghe tên Tam bảo và Cha mẹ, vì thế không nên sai phạm một giới nào.

Giải thích:

Nếu Bồ Tát vi phạm cấm giới của Phật, cũng như cây bị chặt ngọn, không thể nảy mầm được. Người phạm giới cấm cũng thế, mầm mống Bồ đề đã khô cháy nên nói hiện đời không thể phát Bồ đề tâm được.

Quốc vương là chủ một nước, Chuyển Luân vương là chủ Tứ thiên hạ hoặc hai, ba thiên hạ. Hai ngôi vị trên là do nhiều đời tu hành trì giới nghiêm mật nên có được thắng quả này. Nay chúng ta đã thọ cấm giới của Phật, mà còn để sai phạm thì đức vị tôn quý liền mất và thắng phước đời sau cũng mất.

Tỳ kheo, Tỳ kheo ni vốn trì thọ cấm giới mà đặt tên. Nếu phạm Ba-la-đề-mộc-xoa chẳng những không còn con mắt bậc Đại sĩ, mà tên gọi Tỳ kheo, Tỳ kheo ni cũng mất, chẳng những mất tên gọi mà cả ngôi vị Tam Hiền, Thập Thánh cho đến Diệu quả Phật tánh thường trú cũng mất.

Diệu quả là Diệu giác Phật quả, chẳng những vĩnh viễn mất lợi ích lớn lao như thế mà cho đến thân này, sau khi xả báo duyên, phải đọa vào ba đường ác. Khi đã đọa vào ác đạo rồi, chẳng phải một hai đời hết được, thế nên kinh nói một kiếp, hai kiếp cho đến nhiều kiếp không được nghe tên Cha mẹ và Tam bảo, hưởng gì được tu tập, hiểu kính ư?

Danh tự xuất thế gian Tam bảo còn không được nghe, làm sao tu hành để chúng đắc đạo quả?

Đã mất đại lợi như thế, nên Phật răn nhắc mỗi giới phải kiên trì cẩn mật và phát thệ thà đập nát thân thể này như tro bụi, không nên sai phạm một giới nào dù là giới nhỏ. Kinh Anh Lạc chép: “Nếu sai phạm giới trọng,

không được sám hối, vì đã phạm tội Ba-la-di, phải chịu suốt trong 10 kiếp thọ tội khổ. Một ngày phải trải qua 84,000 lần sống, 84,000 lần chết, nên không được phá giới.” Từ quả vị Tam Hiền, Thập Thánh, cho đến Đẳng Giác, tất cả quả vị ấy đều đánh mất, bởi vậy giới này là hạnh căn bản của tất cả Phật, tất cả Bồ Tát. Không có Phật nào lìa giới thể, Bồ Tát nào lìa giới hạnh, nói cách khác không ai không từ Thập giới pháp môn này mà chứng đắc đạo quả.

Tất cả Bồ Tát các ông đã học, sẽ học và hiện đang học, mười giới như thế hết lòng kính trọng phụng trì. Còn phần giảng rộng như trong phẩm Tám Muôn Oai Nghi nói rõ.

Giải thích:

Giới này là mười phương ba đời chư Phật đồng học và đồng hành trì, đồng thành vô thượng Phật quả, vì thế đức Như Lai ba lần dặn dò, khuyến học và khuyến trì. Còn phần giảng rộng nói rõ về việc hành trì và sai phạm tánh tướng như thế nào, như trong Đại Bản phần cuối phân ra. Trong phẩm Tám Muôn Oai Nghi nêu rõ, nay chỉ lược nêu ra phần đại cương của mười Vô tận tạng mà thôi.

II. BỐN MƯƠI TÁM GIỚI KHINH

1. *Nêu chung*

Phật bảo các Bồ Tát: “Ta đã nói xong 10 giới trọng, nay nói đến 48 giới khinh.”

Giải thích:

Khinh cấu, nghĩa là tội này tuy nhẹ hơn mười giới trọng trước, nhưng năng lực nhiễm ô Bồ nguyện tâm địa cũng không phải nhỏ. Nếu không gấp cầu sám hối sẽ làm chướng ngại cho tâm địa, khó thành chánh quả. Nhưng trước khi sám hối cần phải biết tướng tội kia thuộc về căn bản, từng sanh, hay độc đầu.

Nếu y vào mười giới trọng trước, muốn làm mà chưa thực hiện nên chưa kết tội nặng. Nếu có tác tiền phương tiện khinh cấu, ấy gọi là *tùng sanh*. Nếu lỗi đã gây không từ mười giới trọng mà sanh, tự riêng khởi, gọi đó là độc đầu *khinh cấu*. Nay trong khinh cấu căn bản, lại có từng sanh nên làm lẫn các tội. Nếu trong 48 giới căn bản khinh cấu cố ý sai phạm, phải sám khinh cấu tội, phải tác pháp sám tội Đột-kiết-la. Ngoài ra, phạm lỗi tác tiền phương tiện phi oai nghi, ác tác (thân nghiệp). Nếu vô tình gây tội, chỉ phạm tội *Ác tác*, tự trách tâm. Nên kinh Giới Bồ chép: “Sai phạm đây do tâm nhiễm ô khởi tội, nên sám hối ác tác, nếu không sám hối thì chướng ngại giới Bồ Tát.” Khi sám hối cần phải biết đưa ra phương pháp sám hối thì tội mới tiêu diệt. Bởi vậy kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Oai Nghi chép: “Nếu có sai phạm, phải hỏi người biết rõ pháp sám tội ác tác theo Tiểu thừa hay Đại thừa, để đúng như pháp sám hối.” Như Tỳ kheo phạm tội Đột-kiết-la (Trung Hoa dịch là *Ác tác*), luận về cách sám tội, cần phải tự biết rõ, ở đây không nêu ra nhiều.

2. *Nêu riêng*

Giới thứ 1

KHÔNG KÍNH THẦY, BẠN

Nếu Phật tử lúc sắp lãnh ngôi Quốc vương, ngôi Chuyển luân vương hay chức quan, trước nên thọ giới Bồ Tát, như thế tất cả quý thân cứu hộ thân vua, thân các quan, chư Phật đều hoan hỷ. Khi đắc giới rồi, Phật tử nên có lòng hiếu thuận và cung kính. Nếu thấy có bậc Thượng tọa, A Xà Lê, những bậc Đại đức, đồng học, đồng hạnh, đồng kiến đến nhà, phải đứng dậy tiếp rước, lễ lạy, vấn tẩn, mỗi sự đều như pháp mà cúng dường, hoặc tự bán thân cho đến quốc thành con cái, cùng bảy báu, trăm vật để cung cấp cho vị ấy.

Nếu Phật tử sanh lòng kiêu mạn, sân hận ngu si, không chịu tiếp rước lạy chào, cho đến không chịu y theo pháp mà cúng dường, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Sư trưởng chính là bậc mô phạm của trời người, bậc lương y mô phạm của thế gian. Giới thân của ta được sanh ra, trí tuệ của ta được nuôi lớn đều nhờ vào đạo lực của Sư trưởng, do đó phải biết kính thuận, không trái bỏ. Nếu ta sanh tâm ngạo mạn sẽ mắc tội lớn như biển cả.

Bạn là người có khả năng giúp cho ta vun bồi đức để tiến tu, các điều thiện do đây mà thành, muôn hạnh nhờ đây mà tiến. Như người muốn qua biển cả phải nhờ thuyền buồm, nếu bỏ buồm thì thuyền sẽ bị trôi hoặc chìm. Thế nên Như Lai dạy phải kính thầy và bạn như Phật.

Đoạn này nói các vị trước nên lãnh thọ giới Bồ Tát rồi mới thọ nhận ngôi vị, mục đích để giúp cho người đó trước nên lập đức để cảm hóa trời rồng, được quý thân ủng hộ, sau vua tôi mới an ổn, đất nước bình an. Phước của vua tôi, tức là phước của người dân một nước.

Phần khuyến thọ mười giới, trước để Quốc vương đứng đầu, sau tổng kết cũng để Quốc vương đứng đầu.

Nay phần giới khinh này cũng nói đến Quốc vương trước, bởi vì nếu vua chánh thì thiên hạ chánh, vua tốt thời sĩ thứ tốt, nên vua phải có sức giáo hóa, có lòng khuyến thiện. Nếu vua không thọ giới này thì tự mất lợi ích cứu hộ, lại tự thị mình là cao quý, có khi còn phá hoại Phật pháp, ngăn cấm các vị đệ tử Phật không cho xuất gia tu đạo. Giả sử đã thọ giới này rồi, còn sợ rằng tâm kiêu ngạo kia chưa dứt, không kính người có đức, nên Như Lai đặc biệt khuyên thọ. Năm chúng xuất gia đều tuân theo giới luật hành trì, tự mình biết kính thuận, nên đây chỉ nói sơ lược.

Do vua và bề tôi quần thần sùng kính Tam bảo mà thọ giới, được quý thần ủng hộ, thân thì Khang kiện, cõi nước an ninh, các tai họa lần lần tiêu dứt, gió thuận mưa hòa, nhân dân được lợi ích, nên kinh Tâm Địa Quán chép: “Nếu có bậc nhơn vương thành tựu chánh kiến, đúng như pháp trị đời, gọi là Thiên chủ, dùng thiện pháp của trời để hóa độ thế gian. Thiện thần các trời và Tứ thiên vương thường đến gia hộ, giữ gìn cung vua. Tuy ở nhân gian mà tu nghiệp lành, tâm thường phật công minh, bậc Thánh vương như thế gọi là Chánh Pháp vương.”

Trong kinh Đại Kim Quang Minh có bài kệ rằng:

Do chư Thiên hộ trì
Cũng gọi là Thiên tử
Chủ ba mươi ba trời
Chia sức giúp nhơn vương
Ngàn sao nương ngôi xoay
Trời trăng không trái mùa
Gió thuận đúng thời tiết
Mưa tốt thuận thời hành
Tất cả các thiên chúng
Đầy khắp nơi cung vua
Nên nhơn vương các ông
Quên mình truyền chánh pháp

Dem pháp dạy chúng sanh
Khiến cho họ an ổn
Khiến tất cả thứ dân
Tu hành mười nghiệp lành
Cõi nước thường an lạc
Quốc giới được an ninh.

Chư Phật hoan hỷ vì tâm địa giới này là ngàn Phật lưu truyền, vốn trông mong Phật pháp truyền thọ không dứt, nay vua, tôi, thứ dân kính thuận phụng trì, mọi người làm lành, mỗi mỗi Phật tử đâu không hỷ lạc ư?

Bậc Thượng tọa có hai:

1. Thượng tọa trong chúng Tăng, là người trên, không có ai cao hơn, nên ở vào trên ngôi vị Hòa thượng A Xà Lê của ta.
2. Thọ giới trước ta, cho đến trước một giờ, một khắc, một bóng nắng, ấy là Thượng tọa. Vua Bình Sa xưng Phật tử là bậc Thượng nhơn, nghĩa là Thượng nhơn này lớn hơn vua, tôi, thứ dân.

Trong Kinh Bát Nhã, Phật nói: “Bồ Tát nhất tâm hành đạo vô thượng Bồ đề, tâm không tán loạn, ấy gọi là Thượng nhơn.”

A Xà Lê, Trung Hoa dịch là Quĩ phạm. Quĩ phạm có nghĩa là Sư, vì người có khả năng, có khuôn phép dạy đệ tử trong năm chúng xuất gia.

Có năm bậc A Xà Lê:

1. A Xà Lê trao mười giới
2. Yết ma A Xà Lê trao cụ túc giới
3. Giáo thọ A Xà Lê
4. Y chỉ A Xà Lê
5. Dạy kinh giáo A Xà Lê.

Đại đức là tiếng tôn xưng cho người tu hành có đức hạnh thanh tịnh.

Đồng học là đồng do một thầy dạy pháp Đại thừa. *Đồng kiến* là tâm cùng chánh giải Đại thừa giáo. *Đồng hạnh* là thân đồng tu hạnh Đại thừa, tất cả những vị đến phải nghinh tiếp và lễ bái, cung kính khiêm tốn, tiến thời có chừng độ.

Lễ là lạy. Theo phép lễ thế gian có hai cách lạy: Hai lạy là tượng trưng cho Lương nghi, bốn lạy là tượng trưng cho Tứ tượng. Riêng cách lạy ba lạy tiêu biểu cho chí kính Tam thừa rồi quy y Tam bảo, lìa được Tam độc.

Vấn tẩn là thưa hỏi, trình bày lên. Lễ rồi sắc diện hân hoan vui mừng, tâm chánh niệm nhìn thẳng, hỏi thăm Ngài ít bệnh, ít não chăng? Đi đứng an lạc không? Như Kinh Trì Địa chép: “Đi đứng thông thả, tứ đại điều nhu, thức ngủ an ổn không?” Như thế, tùy thời thưa hỏi, việc này không nhứt định. Đây là điều tiêu biểu tôn kính giới pháp, phụng hành đạo hiếu thuận.

Kiêu là thân tâm phóng túng. *Mạn* là ý thị khinh người khác. *Si* là không phân biệt tôn ti phải quấy. *Sân* là trong bốn thứ phiền não trên đây, nếu trong lòng chỉ ôm một trong bốn tâm, liền đồng thời biểu hiện tướng bất kính, nên không đứng dậy nghinh tiếp, lễ bái, cúng dường.

Tân tu hạnh nghi gọi là *cúng*, có tâm nhiếp trì giúp đỡ gọi là *dường*. Lại nữa, đối với người dưới mền tặng người trên, gọi là *cúng*, kẻ dưới giúp đỡ bậc tôn trưởng gọi là *dường*.

Tự bán thân là biểu hiện tâm chí kính, tôn trọng pháp và người nói pháp, hết lòng thành kính cúng dường. Xưa ngài Thường Đề Bồ Tát được nghe kinh Bát Nhã, tự phát nguyện bán tim, gan, tủy, não để cúng dường Đại sĩ Đàm Vô Kiệt. Trong nhân địa tu hành, Thích Ca Như Lai, khi ấy là một người nghèo, được nghe kinh Đại Niết Bàn, mỗi ngày cắt thịt thân mình ba lượng, bán cho một người bệnh ghẻ lác để họ trị bệnh. Suốt một tháng như thế, Ngài lấy tiền ấy cúng Phật. Người đời nay, tuy

nghèo, nhưng lẽ đâu không có chút vật, cũng chưa ai chịu bán thân con trai, con gái. Vì tâm coi trọng tiền tài hơn chánh pháp, nên mắc tội.

Bảy báu là vàng bạc, lưu ly, xa cừ, pha lê, mã não, trân châu, hổ phách, v.v... *Trăm vật* là số lượng lớn chỉ cho vật cúng dường. Nếu không cung kính cúng dường như trên thì phạm tội khinh cầu.

Kinh Bồ Tát Ưu Bà Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Dù có nói bao nhiêu lời mà không nghe, dù có gì hỏi han cũng không thật đáp, thì phạm trọng cầu tội. Nếu người không có ý mạn, sân, nhuế, si, mà chỉ do biếng nhác không ghi nhớ, tán tâm thì phạm tội khinh cầu. Nếu người bệnh khi nghe pháp, thuyết pháp hoặc trước cùng người khác nói, cho đến cố ý ủng hộ nhiều người nói pháp thì không phạm tội.”

Giới thứ 2

UỐNG RƯỢU

Là Phật tử không được cố uống rượu, vì rượu sanh ra vô lượng tội lỗi. Tự tay trao chén rượu cho người, bị quả báo năm trăm đời không tay, huống gì tự mình uống ư? Cũng không được bảo tất cả mọi người và chúng sanh uống rượu, huống gì tự mình uống?

Tất cả các thứ rượu, Phật tử không được uống và bảo người uống, nếu uống hoặc dạy người uống, Phật tử phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Rượu sanh ra các tội lỗi, chẳng những phạm 36 việc mà thôi, nên nói là *vô lượng*. Nếu bung bình rượu trao cho người uống, còn mắc quả báo năm trăm đời không tay huống gì tự mình uống, không chịu báo nặng nề ư?

Người uống rượu si mê điên đảo, sau khi chết phải đọa vào loài súc sanh, phải làm con ruồi ngu si, đói khổ, cho đến con giun, con đĩa, cá thu, các loại không tay v.v...

Kinh Quỷ Vấn Mục Liên chép: “Có một con quỷ hỏi: Tôi một đời nay không biết đã gây tội gì mà phải chịu quả báo ngu si?, Ngài Mục Liên trả lời: Khi người làm người, đem rượu dâng cho người ta, lại còn khuyên ép họ uống, khiến cho họ điên đảo, nay phải chịu họa báo và quả báo ở địa ngục.”

Kinh Chánh Pháp Niệm chép: “Nếu đem rượu tặng Tăng chúng, người thọ giới, người tu hành tịch tĩnh, người tâm đã tịch diệt, chứng thiền định, làm tâm đã tịch diệt, chứng thiền định, làm tán loạn tâm họ, phải đọa địa ngục kêu gào.”

Hỏi: Bồ Tát khi hành Đàn Ba-la-mật, có người đến xin rượu cũng thí cho, vậy là sao?

Đáp: Bậc Đại sĩ tu Lục độ Vạn hạnh, bố thí khắp cả, hễ có người đến xin, không trái với ý họ, để họ được đầy đủ, như Đàn Ba-la-mật tôi thượng mà trao.

Kinh Sở Vấn chép: “Khi Bồ Tát hành Bồ thí Ba-la-mật, nếu có người đến cầu xin vật cần dùng, phải nói: Hãy làm theo ta thì ta cấp cho. Nếu có người ưa thích rượu, liền sanh chánh niệm mà cùng họ uống. Sau đó phải khuyên họ bỏ hẳn. Bồ Tát thanh tịnh như thế, phương tiện nhiếp thọ chúng sanh. Nếu họ trong lòng ưa thích, không muốn dứt, thì Bồ Tát liền dùng những lời quở trách và nói những tai họa do rượu gây nên, nguy hiểm như lưỡi dao bén, quyết định phải xa lìa, không để cho nuôi tiếc tương tục. Bồ thí như thế thì không có lỗi. Đây là Bồ Tát quán sát căn cơ mà làm, khác hẳn hàng Thanh văn.”

Kinh Ngũ Giới Oai Nghi chép: “Bồ Tát vì người mà làm, từ việc nhận y đến trăm ngàn thứ khác đều theo người cư sĩ không phải bà con mà xin. Xin y thế nào thì xin bát cũng vậy. Vì người khác nên xin chỉ và dạy

người thợ dệt dệt y, chứa y Kiều-sa-gia, thu nhận vàng bạc, cho đến trăm ngàn việc như thế đều khác với hàng Thanh văn.” Bởi vậy Kinh Tỳ Ni Quyết Định chép: “Trì giới Thanh văn là phá giới Bồ Tát, trì giới Bồ Tát là phá giới Thanh văn.”

Hoặc có người vì lòng riêng, bắt chước Bồ Tát thực hành bố thí nhưng lại tiếc của, chẳng chịu ban cho, cũng muốn học hạnh Bồ thí viên mãn, chẳng trái ý người xin, nhưng thực ra là làm bừa, chẳng khác nào khi vượn đeo chuỗi ngọc Anh lạc, rõ ràng chuỗi lấy thất bại, lẽ đâu tránh khỏi được khổ báo ngu si ở địa ngục kêu gào chẳng!

Tất cả mọi người là chỉ cho nam, nữ, già, trẻ, tại gia, xuất gia, người ở xứ khác, nước khác. Chúng sanh là chỉ cho phi nhơn và dị loại như quỷ thần, súc sanh, v.v... . Dạy người, chẳng phải người hay tự mình uống, cả ba đều phạm tội khinh cầu.

Tất cả các thứ rượu: như trong giới trọng đã giải thích. Kinh Luật ghi: “Ăn bã và hèm rượu có thể say, tùy theo mỗi miếng nuốt vào mà mắc tội, như có bệnh nặng, các thứ thuốc không thể chữa lành bệnh nên đức Như Lai vì bệnh khai cho, như trong luật Tỳ kheo và kinh Xá Lợi Phất Vấn nói rõ.

Hỏi: Đã sanh vô lượng lỗi, tại sao Nghĩa Sớ ghi: “Không vì họa hoạn, thầy đều hứa cho?”

Đáp: Như có thể tránh khỏi lỗi này thì nên hứa. Xưa phu nhơn của vua Ba Tư Nặc là bà Mạt Lợi theo Phật thọ giới, lúc vua sắp giết quan đầu bếp, bà liền dùng rượu dâng cho vua. Vua và phu nhơn cùng nhau chung vui hoan hỷ, tâm vui nên quên việc giết vị quan ấy, hình phạt kia coi như không có. Sau đó Mạt Lợi phu nhơn đến chỗ Phật cầu xin sám hối, Phật dạy: “Uống rượu như thế được đại lợi ích nên không phạm giới.” Giả sử người mới được nghe lời nói này, mà không biết Mạt Lợi phu nhơn khéo dụng Quyền hạnh Bồ Tát, bắt chước học đòi làm, thời hậu quả khó tránh khỏi. Lại nữa, đời nhà Tề có vị Tăng tên Đàm Hiên, trong lúc say rượu đã tranh biện Phật pháp với bọn Hoàng Quan, khiến

vô lượng Đạo sĩ trở về quy y Phật, Phật pháp nhờ đây được phát triển mạnh. Nếu không phải là Quyền hiện Bồ Tát chớ giả dạng thói nông, chuốc họa không phải nhỏ.

Giới thứ 3

ĂN THỊT

Là Phật tử, tất cả thịt của mọi loài chúng sanh đều không được ăn. Luận về người ăn thịt mất lòng từ bi, dứt giống Phật tánh, tất cả chúng sanh thấy đều tránh xa, người ăn thịt mắc vô lượng tội lỗi. Vì thế Phật tử không được ăn thịt mọi loài chúng sanh. Nếu cố ăn, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tất cả thịt đều do đoạn mạng chúng sanh mà có. Bồ Tát dùng lòng từ bi làm gốc, lợi ích chúng sanh làm bản hoài, từ bi bạt khổ, ban vui, lợi ích độ sanh, hạnh lợi tha rộng lớn làm lợi ích quần sanh, nếu ăn thịt thì hai hạnh đều trái, làm sao gọi là bậc Đại sĩ độ sanh?

Cố ăn, không phải là làm lỡ mà ăn. *Tất cả thịt của mọi loài chúng sanh*, không ngoài các loài cầm thú thủy lục, không hành, như các loài sò, hến, trai, ốc, thằn lằn, v.v... . Tất cả loài có mạng sống đều không được ăn thịt chúng.

Lòng từ bi là tâm Vô thượng Bồ đề, nếu đoạn dứt tâm này chính là đoạn dứt hạt giống Phật tánh. Một khi hạt giống đã dứt rồi thì cội gốc Bồ đề sao có thể thành? Chúng sanh thấy người ăn thịt thấy đều tránh xa vì tập khí sát hại chưa dứt. Như chim bồ câu lao mình vào đậu vai ngài Xá Lợi Phất, nó hết sức run sợ vì tập khí sát hại của Ngài vẫn chưa hết, huống gì ăn thịt chúng sanh. Khi hình sắc và tập khí dứt hết thì nó thấy, nó nghe, có thể không còn sợ hãi tránh xa nữa. Bởi vậy Kinh Lăng Nghiêm chép: “Thợ săn, đồ tể giăng lưới bắt chim cá, những người ác này, loài chó

thấy cũng kinh sợ, sủa cắn, các loài thú thấy đều chạy trốn. Người này khi dứt hơi thở cũng như quỷ La-sát, đến đây ắt sẽ giết ta. Vì để giữ gìn thân mạng, tất cả chúng đều chạy trốn, nên nói *thấy đều tránh xa*.

Tất cả Bồ Tát là chỉ cho tất cả người sơ phát tâm thọ giới, dù chưa đăng địa cũng đã đăng vị Bồ Tát địa, tự biết giữ giới, ăn thịt là vi phạm.

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Phật bảo ngài A Nan: Người ăn thịt, giả sử được khai mở tâm, như Tam ma địa, đều là đại quỷ La-sát, rất ráo quả báo quyết chắc phải sa vào biển khổ sanh tử, làm sao có thể ra khỏi ba cõi được?”

Kinh Lăng Già chép: “Phật bảo Ngài Đại Huệ: Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay thường là lục thân quyến thuộc với nhau, xả báo thân rồi thọ các thân cảm thú. Bồ Tát thấy chúng sanh đều là thân thuộc, cho đến khởi từ niệm, tưởng họ như con mình. Tất cả thịt các loài chúng sanh đều là tinh huyết ô uế tạo thành, người cầu thanh tịnh làm sao nỡ ăn thịt. Người tu hành từ bi tâm, trì chú thuật, cầu giải thoát, thú hương Đại thừa, nếu ăn thịt thì tất cả người trời cho đến các chúng sanh cũng tránh xa người ấy.”

Phật tử nếu ăn thịt, trong giấc mộng cũng không yên, bị ác quỷ, La-sát đoạt mất tinh khí, bệnh tật ngày càng tăng, sanh ra các tội lỗi, các công đức đều bại hoại tiêu tan theo ác nghiệp.

Trong Kinh có bài kệ:

*Không giải thoát sanh tử
Vì giết hại chúng sanh
Lấy tiền mua đủ thịt
Cả hai là ác nghiệp
Chết đọa ngục kâu gào
Phải chịu vô lượng tội*

Có một con quỷ hỏi Tôn giả Mục Liên: “Tôi từ khi sanh ra đến nay, có rất nhiều con, tất cả đều đoan chánh, đẹp đẽ đáng ưa, nhưng lại chết yểu. Nghĩ đến sự chia lìa đó, thống khổ không thể nói, xin hỏi Ngài, không biết tôi đã gây nên tội gì mà nay phải chịu báo khổ này?”, Ngài Mục Liên đáp: “Khi người làm người, tâm ưa ăn thịt, thấy trẻ nhỏ sát sanh thì vui theo và còn giúp cho trẻ nhỏ cố đoạn mạng chúng sanh, vì ưa sát sanh nên chịu báo đau khổ, nay thọ họa báo, còn quả báo phải vào địa ngục.”

Như thế đủ biết, thấy người khác sát hại sanh tâm vui theo còn mắc quả báo như thế, huống gì tự mình giết hại, đâu thể tránh khỏi báo khổ.

Giới thứ 4

ĂN NGŨ VỊ TÂN

Là Phật tử, không được ăn loại ngũ tân như: hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Loại ngũ tân này gia vào trong tất cả các thực phẩm, đều không được ăn, nếu cố ăn, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Ngũ vị tân, kinh và luật đều gọi là không đồng, phần nhiều gọi là hành hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Nay kinh này đem hành chia thành năm thứ, cũng vì mỗi quốc độ có tên gọi khác nhau.

Tỏi (Đại toán) còn có tên là Hồ hành, do Trương Khiên đi sứ ở nước Đại Uyển đem về. Nay vật mà người ta thường ăn chính là hành của nước Hồ, được mang từ nước Hồ về. Trong Bản Chương ghi: “Hành nước Hồ là loại hành lá nhuyễn, đầu nhỏ như tim đèn, tợ cây tỏi lớn mà hình nhỏ.” Có một loại gọi là Sơn thông, sinh nơi nước đọng trong núi, cành nhỏ lá to, cũng gọi là Lạc sơn thông. Ở Tây Vực, tất cả các loại ngũ vị tân có nhiều thứ, nhiều hình loại chất vị khác nhau, đây không thể nêu ra hết, chỉ nêu ít loại mà thôi.

Tóm lại, tất cả các loại có chất vị cay nồng, đều không được ăn. Nếu hành giả ăn những thứ kể trên, có tác động kích thích tâm lý, sẽ sanh ý niệm không lành mạnh, đó là một chướng ngại lớn cho việc tĩnh niệm và hành thiền. Nếu tu hành tâm không chánh niệm thì con đường giải thoát làm sao đạt được.

Như trong Tây Vực Ký chép: “Các nhà Đạo sĩ ở Tây Vực, nếu người nào dùng ngũ vị tân phải ở riêng một chỗ. Giả sử có bệnh nặng, theo lời của thầy thuốc thì tạm dùng. Luật khai cho phải ở riêng chúng, phòng cá nhân biệt lập, sau bảy ngày xong rồi, phải tắm gội sạch sẽ, thay đổi y phục, mới cho vào chung ở với chúng Tăng.”

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Ăn các thứ ngũ vị tân chất vị cay nồng có năm lỗi:

1. Ăn chín phát sanh tâm dâm, ăn sống phát sanh tâm sân.
2. Dù có thể nói mười hai bộ kinh nhưng các vị Trời và Tiên trong mười phương chê bai mùi xú uế kia, nên tất cả họ tránh xa.
3. Bị các naga quỷ liếm môi mép, thường cùng ở chung với quỷ ác.
4. Phước đức mỗi ngày mỗi tiêu dần, không lợi ích gì cho cuộc sống.
5. Bồ Tát và các thiện thần trong mười phương không đến ủng hộ. Đại lực quỷ vương thừa cơ hội đó, hiện làm Phật thân, ở trước mặt nói pháp, chẳng phải nói chê người hủy cấm giới của Phật mà quỷ vương tán thán khen ngợi tam độc “tham, sân, si”. Người ăn ngũ vị tân này sau khi mạng chung luôn luôn làm quyến thuộc của chúng, thọ báo quả kiếp ma hết rồi đọa vào Vô gián địa ngục. Nay do tâm dâm kia làm tăng trưởng tâm sân nhiễm ô “tâm địa giới”, các bậc Thánh, Hiền thấy đều xa lìa, nên kết tội khinh cầu. Cuối cùng đọa Địa ngục A Tỳ.

Giới thứ 5

KHÔNG DẠY NGƯỜI CÓ TỘI SÁM HỐI

Là Phật tử khi thấy người phạm những tội như: Ngũ giới, Bát giới, Thập giới, phá giới, phạm Thất nghịch, Bát nạn, v.v... phải khuyên bảo người ấy sám hối. Nếu Phật tử chẳng khuyên bảo người phạm tội sám hối lại đồng ở chung đồng sống chung, đồng bố tát, đồng thuyết giới, không cử tội người ấy, không nhắc sám hối, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tất cả chúng sanh là trời, rồng, bát bộ, nhơn, phi nhơn, v.v..., người đã thọ giới Đại thừa, Tiểu thừa của Phật. Giả sử người không thọ giới mà có hành vi làm ác, làm việc phi pháp hay khuyến dụ người làm ác, phải liền dùng phương tiện quở trách, can gián, khiến cho họ dứt ý niệm hành vi xấu và hối lỗi kia.

Bát giới chính là tám pháp trai giới và tám giới trọng. Trong kinh Địa Trì gọi là sát, đạo, dâm, vọng, hủy, não, sân, báng. Ngũ giới là năm giới của cận sự nam và cận sự nữ. Thập giới là mười thiện giới của ba nghiệp thân, khẩu, ý và mười giới của Sa-di.

Hủy cấm giới là người đó sai phạm, hủy giới cấm của Phật mà mình đã lãnh thọ. Cấm là ngăn cấm. Đức Như Lai chế giới là để ngăn cấm tâm chúng sanh phóng túng theo trần cảnh, răn nhắc câu thúc thân khẩu ý nghiệp, nên cấm tức là giới. Giới phẩm tuy nhiều, nhưng không ngoài Đại thừa, Tiểu thừa (Thanh văn giới và Bồ Tát giới). Đại thừa, tam tụ chánh giới. Tiểu thừa, Bạch tứ Yết ma giới. Thất nghịch sau sẽ nêu ra.

Bát nạn tức là tám nạn:

1. Địa ngục
2. Súc sanh
3. Ngạ quỷ

4. Trường thọ thiên
5. Bắc-câu-lô-châu
6. Mù, điếc, câm, ngọng
7. Thế trí biện thông
8. Sanh trước Phật, sau Phật.

Tám nạn này đều là chướng ngại đạo giải thoát. Vì không được gặp Phật nghe pháp nên gọi là nạn. Nhưng tám việc này đều do đời trước hành giả phạm giới mà gây ra, Phật dạy cho họ sám hối để khỏi mắc quả báo về sau. Nếu đời này phạm giới gây tội, đời sau ắt phải chịu báo khổ. Tám nạn này nên dạy cho họ phải sám hối. Như tạo các nghiệp sát sanh, trộm cắp, dâm dục, v.v... tất nhiên phải chịu báo khổ ở tam đồ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Tu theo ngoại đạo vô tướng định, thời chịu quả báo năm trăm đời ở cõi Trường thọ thiên, không biết gì đến Tam bảo. Gây phước báo ở thế gian, thời cảm nhận phước báo ở Bắc-câu-lô-châu. Tâm sanh tà kiến, không ưa nghe Phật pháp, thọ báo câm ngọng. Không tin Tam bảo, hủy báng Pháp sư, phải chịu quả báo câm, mù, điếc. Không tin pháp xuất thế gian, đả đảo trước mùi vị thế giáo, nên cảm thọ báo Thế trí biện thông (không tin chánh giáo và nhờn quả tội phước). Nghiệp nặng phước mỏng, không gặp Phật nên sanh ra trước Phật hoặc sau Phật.

Kinh chép: “Hủy báng Tam bảo, khinh hủy Thánh đạo, luận bàn hay dở, tốt xấu của người khác, tìm kiếm những điểm kém dở của người, lãn hiếp, vu khống người lương thiện, ghét ganh người hiền lương, thọ báo câm, ngọng, đui, điếc.”

Kinh Vấn Địa Ngục chép: “Cha mẹ và Sư trưởng gọi mà không trả lời, phải đọa trong loài ngạ quỷ điếc ở địa ngục, thường bị bàn chải áp sát lưỡi tội nhờn, trải qua hai trăm năm, sau được sanh làm người câm điếc.” Thế nên phải dạy họ ăn năn, sám hối để khỏi khổ báo về sau. Tất cả tội đã phạm dù khinh dù trọng, dù tánh tội, giá tội, đều dạy cho họ biết hổ, biết thẹn, như pháp sám hối, để không gây tội ác một ngày một thêm, đời sau phải đọa vào tam đồ vì phỉ báng pháp môn, trái với hoằng nguyện hộ pháp lợi sanh của Đại sĩ.

Đồng trụ nghĩa là cùng ở trong một đại giới tu hành. *Đồng lợi dưỡng* là cùng một tăng đoàn, cùng thụ hưởng thí chủ lợi dưỡng, cúng dường.

Bồ tát nói đủ là Bồ sai đà. Bồ sai là trưởng dưỡng, Đà là tịch trừ, nghĩa là mỗi nửa tháng nhóm chúng thuyết giới, liền có thể nuôi lớn pháp lành, tự tâm thanh tịnh, trừ các niệm bất thiện, cấu uế.

Một chúng thuyết giới nghĩa là đồng trong một giới, tất cả chúng Tăng, nửa tháng đồng bồ tát thuyết giới, hoặc trong một đại giới có hai trụ xứ, đồng một thuyết giới mà riêng lợi dưỡng, vì nay không có trường hợp trên nên nói đồng lợi dưỡng, một chúng thuyết giới.

Không nêu tội họ mà chỉ có thấy, nghe, nghi ba căn, liền phải chỉ chỗ sai phạm của họ, dạy bảo nhắc nhở, khiến cho họ sám hối. Không cử tội, không nhắc nhở, không dạy, cùng Tăng hưởng lợi dưỡng, lạm dụng thọ của tín thí, thậm chí khiến cho họ mắc tội càng nhiều, lại trái với từ tâm, bi tâm, hộ tâm của Bồ Tát, nên tự mình mắc tội.

Kinh Niết Bàn chép: “Có Tỳ kheo trì giới, thấy người phá hoại chánh giới liền đuổi đi, quở trách trị phạt nhẹ. Phải biết người này được vô lượng phước, không thể tính kể. Nếu không quở trách đuổi đi hoặc cứ tội, phải biết người này là oán cừu trong Phật pháp. Nếu hay quở trách và đuổi đi, là đệ tử của Ta.”

Kinh Ưu Tắc Ngũ Giới Oai Nghi chép” Bồ Tát là gương mẫu cho nhiều người, thấy quyền thuộc làm điều không đúng. Pháp sư nên quở trách và đuổi đi. Nếu gặp người sân tâm và ác tâm, không quở trách, trị phạt thì Bồ Tát phạm tội khinh cấu.”

Kinh Ưu Bà Tắc chép: “Thà thọ ác giới một ngày, đoạn mất vô lượng mạng căn của chúng sanh, trọn không nuôi dưỡng đệ tử ác. Đệ tử tệ ác không thể điều phục được, vì có sao? Vì đây là ác luật nghi, tai ương tự chuốc vào thân không thể giáo hóa răn dạy đệ tử lỗi lầm, mới khiến cho vô lượng chúng sanh tạo tội lỗi, hay phỉ báng chánh pháp.” Lại nữa,

trong kinh Thiện Giới chép: “Bọn người Chiên Đà La cho đến đồ tể, tuy làm nghiệp ác mà không phá hoại chánh pháp của Như Lai, quyết không phải đọa trong ba đường ác, còn làm thầy mà không răn dạy đệ tử khi có lỗi sai quấy, thời phá Phật pháp, chắc chắn phải đọa địa ngục.” Bởi vậy, khi nêu tội họ, không được gấp rút vội vàng, cần phải hướng đến các bậc hữu đức trì giới ở trước người đó mà cử tội.

Trong Luật Tỳ Kheo, Phật dạy: “Muốn cử tội người khác, trước hết phải theo họ cầu thỉnh. Đại sĩ phải dùng từ tâm, nói lời nhu nhuyễn, nhẹ nhàng răn dạy họ, khiến cho người phạm sanh tâm biết hổ thẹn để quy phục. Nếu không như thế mà hướng người khác nói thì đồng với bọn người trước.”

Luật Tăng Kỳ chép: “Khi cử tội, không được hướng người khác cử, phải hướng đến vị Thiện Tỳ kheo cử tội. Nếu vị Tỳ kheo phạm tội, tánh hung bạo hoặc ý vào thế lực vua quan, thế lực hung ác của người ấy đều là nhơn duyên sanh khởi tâm đoạt mạng người khác.” Tự thương tổn phạm hạnh nên khởi niệm này, hành nghiệp tội ắt phải tự thọ báo quả, họ tự phải biết, dụ như lửa cháy, chỉ tự cứu lấy thân, đâu biết việc khác. Bấy giờ chỉ cần giữ gìn căn bản tâm tướng vô tội.

Kinh Địa Trì chép: “Nếu Phật tử, Bồ Tát, thấy các chúng sanh đời này, đời sau tạo ác nghiệp, do tâm hiềm hận, không vì chánh pháp nói, ấy là phạm. Nếu người không trí hiểu biết, hoặc không có khả năng, hoặc sai người có thế lực, có khả năng nói, hoặc phương tiện khiến họ điều phục, nếu khi ta thật lòng cử tội họ, mà họ có tâm hiềm trách ta, hận thù ta, như thốt ra lời ác bảo rằng, thọ pháp điên đảo, hoặc không tâm ái kính; nếu họ tánh hay lãng quên, bất định thì không phạm. Hoặc thấy người phạm lỗi đáng quở trách, đáng trị phạt nên diệt tận, mà không quở trách, không diệt tận, không trị phạt, như thế là phạm tội khinh cấu. Nếu không trị phạt người đó, thì không nên nói chuyện với họ, không nên răn dạy nhắc nhở hay khởi tâm hiềm trách giận hờn. Nếu sợ khởi việc tranh cãi hoặc thừa kiện nhau hoặc phá hoại tăng chúng, phải quán sát, thì không phạm.”

Giới thứ 6

KHÔNG CUNG CẤP, THỈNH PHÁP

Là Phật tử, khi thấy Pháp sư Đại thừa hoặc những người đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, từ trăm dặm, ngàn dặm đến nơi tăng phòng, nhà cửa, thành ấp, phải đứng dậy rước vào, lễ bái; ngày ngày ba thời cúng dường các thứ cần dùng như đồ ăn uống, giường ghế, thuốc men, tất cả đồ cần dùng dù đáng giá ba lượng vàng đều phải cung cấp cho Pháp sư. Mỗi ngày sáng, trưa và chiều thường thỉnh Pháp sư thuyết pháp và đánh lễ, không hề có lòng sân hận buồn rầu, luôn thưa thỉnh pháp không mệt mỏi, vì Pháp quên thân. Nếu Phật tử không như thế thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Trước nêu Pháp sư Đại thừa, sau nêu đồng học, đồng kiến, đồng hạnh Đại thừa, ba bậc bạn hữu để làm thầy bạn Đại thừa. *Pháp sư* là người thông suốt tánh tướng kinh luật Đại thừa, nhân đến có khả năng giáo hóa chúng sanh khiến họ vào Phật địa.

Trăm dặm, ngàn dặm là nói xa để nhiếp gần, nghĩa là xa mà còn cung thỉnh, huông gì ở gần ư?

Ba thời cúng dường nghĩa là từ lúc mặt trời mới mọc cho đến cuối giờ thìn, đầu giờ tỵ là đúng Ngọ.

Ba lượng vàng và trăm vị là nói lên sự cung kính tột bậc mà không có bòn xén, biếng nhác, kiêu mạn. Người thọ nhận của cúng dường sanh lòng hổ thẹn, mới tiêu của tín thí.

Trong Tông Cảnh ghi: “Nếu người học Đại thừa Phật pháp, thọ nhận món ăn của thí chủ nặng như núi Tu di: thọ nhận y phục của thí chủ có

thể trải khắp trái đất, nếu người không học, chưa vào hàng Tăng chúng, thì khắp mười phương không có chỗ để nhỏ nước miếng.”

Ngài Vĩnh Gia nói: “Nếu người được sức giải thoát, không thể nghĩ bàn, hằng Sa-diệu dụng, nhận tứ sự cúng dường, tiêu vạn lượng vàng ròng, thân nát xương tan, cũng chưa đủ để đền đáp, nhưng chỉ cần thâu tử một câu liền vượt qua trăm ức. Tuy là như thế, nhưng biết thọ dụng vừa đủ mới không mắc lỗi. Bởi vì, người cung cấp trước là tự phát tâm cúng dường, còn sợ chưa đủ, nay theo sự cần dùng của thầy và bạn không nên trái ý niệm của họ, phải hết lòng cung cấp, tức là nói đến việc cúng dường ân cần.

Thường thỉnh là nói rõ chẳng phải một ngày hay một thời gian mà thôi.

Ba thời là trước giờ ngọ, sau giờ ngọ và tối. *Ba thời lễ bái* là nói tinh thần ưa pháp không tâm giải đãi, không nên thấy chút lỗi của Pháp sư mà sanh tâm sân, không nên hiềm chán lo lắng, phí tài sản sanh tâm buồn rầu, thân còn phải xả lìa, phải hoại diệt, đâu vì nản lòng lao nhọc về việc cung cấp Pháp sư mà sanh tâm thôi thất.

Nhơn địa tu hành của Như Lai xả thí toàn thân để cầu nửa bài kệ, khoét thân thể làm ngàn lỗ đốt đèn để thỉnh Pháp sư nói pháp, thí vợ con cho quỷ Dạ xoa ăn thịt, vì muốn nghe pháp yếu. Nên ngài Phổ Hiền Bồ Tát bảo Thiện Tài đồng tử rằng:” Trong pháp hội của ta, không có một câu văn, không phải xả thí ngôi vị Chuyên luân vương và tất cả vật sở hữu mà cầu được pháp này, hưởng gì vật ngoài thân ư?” Nếu tiếc thân, tiếc của thì không phải hạnh nguyện của bậc Đại sĩ vì pháp quên mình, lại trái với bốn tâm hiếu thuận cung kính giáo pháp nên phạm.

Kinh Viên Giác chép: “Chúng sanh ở đời mạt, muốn tu hành phải nên hết lòng trọn đời cung kính cúng dường thiện hữu tri thức. Phật tử muốn đến thân gần thiện hữu tri thức ấy, phải dứt tâm kiêu mạn. Nếu thiện hữu tri thức đi phải dứt tâm sân hận, quán cảnh thuận hay nghịch cũng như hư không, rõ biết tự tâm rốt ráo bình đẳng, cùng với chúng sanh

đồng thể không khác, tu hành như thế mới vào được cảnh giới Viên Giác.”

Sớ ghi: “Phàm thiện hữu tri thức độ người dùng các thứ phương tiện, tâm thầy trò khế hợp, mới truyền trao y pháp.” Bởi vậy, ứng cơ tiếp vật, nên Đại sĩ rủ lòng thương xót, thường gần gũi chúng sanh. Người ngu không biết, thường sanh tâm kiêu mạn. Kiêu mạn che tâm thì không thể nào vào đạo, nên nói cần phải đoạn kiêu mạn. Nếu gặp duyên khác, phải xa cách nhau liền sanh tâm sân hận, mới nói thân sơ, ta người, yêu ghét, đã sanh một niệm sân thì trăm ngàn muôn chương đều sanh khởi, chẳng cần luận bàn lỗi của đạo cũng đọa vào tam đồ, nên nói phải dứt tâm sân hận. Xét trong kinh Thí Dụ và các kinh khác, Tôn Giả A Nan trong thời quá khứ từng làm đũa trẻ bán hương, thấy một Sa-di đi khát thực, miệng tụng kinh kệ, nhân đó hỏi Sa-di, Sa-di đáp: “Thầy tôi ở trong núi học đạo và tu đạo, dạy tôi mỗi ngày lo kiếm một thúng gạo và tụng một bài kệ, nên tôi làm như vậy”, đũa trẻ lại hỏi: “Nếu không kiếm được gạo, mỗi ngày tụng bao nhiêu kệ?” Sa-di đáp: “Có thể tụng được mười kệ”, đũa trẻ nói:”Từ nay về sau đừng đi khát thực nữa, tôi sẽ đi xin thay cho” Sa-di vui mừng vì được yên tĩnh tọa thiền và học đạo. Đến khi đũa trẻ xin được chín đấu gạo, thử nghiệm kinh kệ của Sa-di, thấy Sa-di thấy đều thuộc lòng. Do phước báu này, đời sau đũa trẻ được gặp Phật, làm đệ tử đệ nhất Đa văn, đầy đủ tam minh, lục thông, được Phật truyền tâm ấn. Phải biết cung cấp cho Sa-di trì kinh, còn cảm được thúng gạo như thế, huống gì cúng dường bậc Sư trưởng, thiện hữu Đại thừa, thì phước báu thù thắng mà người hay thuyết pháp có được, ai có thể suy nghĩ luận bàn!

Giới thứ 7

GIẢI ĐẢI KHÔNG NGHE PHÁP

Là Phật tử hàng tân học Bồ Tát, phàm chỗ nào có giảng kinh, luật, phải mang kinh luật đến chỗ Pháp sư nghe giảng và thưa hỏi, hoặc trong núi rừng, vườn cây, chùa, nhà, v.v... tất cả chỗ thuyết pháp đều

đến nghe giảng, học hỏi. Nếu Phật tử không đến nơi ấy nghe pháp và thưa hỏi thì phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Giới trước nói Pháp sư đến, ta thưa thỉnh được lợi ích, giới này Pháp sư ở chỗ khác, ta nên đến đó nghe giảng, học hỏi. *Giảng pháp* là nói chung, thuyết pháp luận bàn nghĩa lý. *Luật*, tiếng Phạn gọi là Tỳ Ni, Trung Hoa dịch là Diệt, nghĩa là diệt trừ ba ác nghiệp (thân, khẩu, ý), còn gọi là Thiện tri, nghĩa là khéo hay tự trị tâm, nộ, si, cũng hay trị ác nghiệp cho chúng sanh. Đây đều từ công năng đặt tên, chẳng phải chánh dịch. Chánh dịch là luật, luật là pháp, đây từ Giáo đặt tên, nghĩa là xử đoán, khinh, trọng, khai, giá, trì, phạm, phi pháp, bất định.

Tỳ, Trung Hoa dịch là Khử. *Ni*, Trung Hoa dịch là Chơn, nghĩa là bỏ những gì phi pháp, sai quấy mà còn lại chơn thật. Chơn tức là bản nguyên tâm địa. Kinh luật đều gọi là Tỳ Ni, vì kinh tức là Phạm Võng giới kinh; luật là Tâm địa pháp luật và các giới tạng của Bồ Tát. Lại nữa, tất cả kinh điển Đại thừa, có nghĩa là diệt ác sanh thiện, nên cũng đồng gọi là Tỳ Ni.

Tân học nghĩa là hàng Đại sĩ mới thọ Tâm địa giới, việc học chưa xong, không biết quý trọng pháp, tự sanh tâm kiêu mạn, biếng nhác, đánh mất lợi ích lớn, hàng ngày không tấn tu, vui lầy tâm địa, nên đặc biệt khuyên nhắc cố gắng, nếu không thì mỗi ngày đều phạm tội khinh cầu.

Xét trong Kinh Trì Địa, không cần nói xa hay gần, còn trong Ưu Bà Tắc Giới Kinh nói: “Cách nhau khoảng một do tuần, thì không phạm.” Vì người tại gia, bao nhiêu công việc câu thúc thân, không thể đi xa nghe pháp được. Người xuất gia không bị hệ lụy, chuyên tâm huân tập Phật pháp làm sự nghiệp, sợ xa không đến được chính là tự biếng nhác, kiêu mạn, không có tâm trọng pháp nên phạm. Người lãnh thọ giới pháp siêng năng đi nghe giảng và thưa hỏi. Nghe là dùng nhĩ thức lắng nghe, thọ nhận. *Thọ nhận* là dùng tâm lãnh nạp đây chính là văn huệ và tư huệ. *Hỏi* tức là thưa hỏi, nghe rồi tư duy sâu sắc, tư duy mà không

thông đạt thì hỏi lại. Mỗi nghi được giải thích liền nương đó tiến tu, thể nhập pháp môn tâm địa của Đại thừa.

Trước nói, *tất cả chỗ* là chỉ chung chỗ Tăng và tục ở; kể nói *nhà ở rộng lớn* là chỉ cho vương cung, nhà quan, nhà thế tục, nhà đàn việt, nơi thỉnh Pháp sư giảng kinh. Nay nói, *tất cả chỗ thuyết pháp* nghĩa là người xuất gia ở trong núi, dưới gốc cây, chôn lan nhã yên tĩnh, Tăng già lam, v.v... các chỗ như vậy, nếu Phật tử không đến đó nghe giảng thọ học, không phải coi thường người, coi thường pháp mà chính là giải đãi nên mắc tội.

Kinh Bồ Tát Giới Bốn chép: “Hoặc bệnh, hoặc không có sức khoẻ, biết người ấy nói tráo trở lộn xộn; nếu biết những điều người ấy nói là điều mình thường nghe, hoặc đã nghe nhiều rồi ghi nhớ, hoặc tu thiền định không muốn lãng phí thời gian, không đến thì không phạm.

Giới thứ 8

TRÁI VỚI ĐẠI THỪA HƯỚNG VỀ TIỂU THỪA

Nếu Phật tử có quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trú, cho rằng không phải của Phật nói ra, mà đi thọ trì kinh điển tà kiến và tất cả cấm giới của Thanh văn Nhị thừa cùng ngoại đạo ác kiến, Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Quan niệm trái bỏ kinh luật Đại thừa thường trú, nghĩa là cho rằng Đại thừa giáo không được siêu việt, nên trái bỏ (bỏ Đại hướng Tiểu); giáo pháp của Tiểu thừa ngoại đạo thù thắng thực tế hơn, nên hướng đến (bỏ Đại hướng ngoại đạo).

Kinh luật Đại thừa, từ Xá Na tâm địa lưu xuất, tánh vốn thường trú, không sanh, không diệt, không biến đổi, đây chính là nhứt thật giáo mà

Như Lai diễn nói, chứ không phải pháp phương thiện quyền xảo, tùy việc mà chế.

Hàng phàm phu sơ học Bồ Tát, không rõ được Đại thừa, Tiểu thừa, chánh tà ra sao, nên nghi kinh luật Đại thừa chẳng phải Phật nói ra.

Nói là tâm, vì tâm muốn trái bỏ mà ý niệm chưa quyết định, miệng muốn nói mà lời chưa mở, lòng còn hoài nghi, nên phạm tội khinh cầu.

Nếu tâm hướng đến sự trái bỏ đã thành tựu, thì liền mất giới, hoặc lời hủy báng đã thốt ra, gây hại người khác thì phạm tội khinh cầu.

Nhị thừa tức là Thanh văn và Duyên giác. Thanh văn do nghe pháp Tứ Thánh Đế, chứng quả vô sanh, nên gọi là quả Thanh văn. Duyên giác do quán pháp mười hai nhân duyên (quán hoa rơi lá rụng), không có thầy mà tự ngộ, gọi là Duyên giác (tiếng Phạn là Bích Chi Phật).

Hỏi: Đã từ Như Lai nghe giáo chứng đạo, tại sao gọi là Ác kiến?

Đáp: Đức Như Lai quán sát biết họ căn cơ hạ liệt, trí cạn, chưa kham lãnh thọ Đại pháp, nên phương tiện tạm chỉ bày tiểu giáo. Họ nghe tiểu giáo liền sanh tâm nhằm chán sanh tử, đoạn dứt nhân khổ, ham quả tịch diệt của Nhị thừa, tu 37 phẩm trợ đạo, để cầu thủ chứng đắc. Như không biết pháp Đại thừa thường trú, xả bỏ tâm địa đại giới này, đi thọ trì đạo pháp cấm giới của Thanh văn, cũng không chứng đắc viên mãn cụ túc, nên Kinh Niết Bàn chép: "Hàng A La Hán không biết Tam bảo thường trú bất biến, dù có cấm giới cũng không được cụ túc viên mãn, không đắc đạo Thanh văn được, thế thì trái với thú hướng và ý chí của hành giả, cả Tiểu thừa và Đại thừa đều mất."

Đại Luận ghi: "Thà khởi tâm làm con giã can ghẻ lở, chứ không sanh tâm thú hướng Nhị thừa."

Tâm hung dữ là xấu ác, thân bệnh hoạn ghẻ lác, cũng không sanh niệm thú hướng Nhị thừa. Như kinh đã ghi: “Thà đọa đường ác mà được nghe tên Phật chứ không mong trường sanh bất tử ở cõi trời.”

Tất cả cấm giới, nghĩa là các giới hàng ngoại đạo thọ trì như: giới thờ bò, chó, ngựa, gà, v.v... Do kiến chấp của hàng ngoại đạo, họ cho rằng nếu tu khổ hạnh, sau khi xả báo thân sẽ được sanh vào cõi trời, hưởng phước lạc an vui, nên bắt chước thực vật (như cây cỏ) cam nhận ăn đồ phân ứ, tôn thờ thần lửa, thần gió, v.v... hoặc hợp không khí, hoặc đi một chân, hoặc chích đốt năm lỗ trên thân mình, hoặc tự đốt thân, hoặc bôi tro bụi lên thân thể, nằm lỏa hình, v.v... cho rằng định tĩnh tu hành hết khổ được vui; đến như đời mạt, uống nước lã, giữ chay tịnh, cho rằng đã tẩy trừ ngũ trược; hoặc nhịn đói 7 ngày, cho rằng không tịch, tứ đại gặp mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, cho rằng lạnh nóng không còn xâm hại được đến thân. Họ tự thọ cấm giới tà kiến như thế, nếu chẳng phải ngu si thì cũng để mê hoặc người khác. Lại khởi lên các thứ vọng chấp, tạo lập ra các thứ sách vở, ấy là kinh luật tà kiến. Giới này ý Phật chế để ngăn cấm, nhắc nhở các Đại sĩ nếu trái chánh nhân tâm địa thì sẽ mất cực quả thành Phật, nếu học giáo pháp Nhị thừa, đoạn dứt Kiến hoặc và Tư hoặc để cầu chứng đắc Niết bàn, đốt thân diệt trí thì vĩnh viễn không thể thực hiện đại dụng lợi tha, nên Phật quở trách là ác kiến, ác nhân, chẳng phải nói giới Thanh văn không thể thọ trì.

Luận về tâm, thì Đại thừa và Tiểu thừa cần phải phân minh rõ ràng, nên nói: “Nếu khởi tâm một niệm Nhị thừa giáo thì phạm tội khinh cầu.”

Luận về giới, thì Đại thừa và Tiểu thừa đồng hành trì, nên kinh Niết Bàn chép: “Nghĩa của năm thiên bảy tụ, đều là luật nghi của Bồ Tát xuất gia.”

Phụ Hành Sự Sao chép: “Hàng Bồ Tát xuất gia có 6 phép hòa và 10 điều lợi ích giống hàng Thanh văn, còn sáu pháp Ba-la-mật và bốn Hoàng thế nguyện thì khác với hạnh của Tiểu thừa.”

Như hàng Bồ Tát tại gia thì Tam quy, Ngũ giới đều thú hưởng đến Bồ đề tâm, huống gì kinh Phạm Võng nói 84000 oai nghi, bảy chúng đệ tử Phật đều nương tựa, chúng sanh trong năm đường đều lợi ích, thì đâu thể chứa kẻ phá giới, mà xưng là Phật thừa.

Kinh Bồ Tát Giới Bản chép: “Nếu khởi lên lời nói như thế thì Bồ Tát không nên nghe pháp Thanh văn, cũng không nên thọ học.” Bồ Tát nếu không ứng dụng pháp Thanh văn làm phương tiện quyền xảo thì phạm tội, vì sao? Vì Bồ Tát còn học dị luận của ngoại đạo, huống gì pháp Thanh văn là lời Phật dạy. Nếu Bồ Tát có chuyên chú học Bồ Tát tạng, nhưng chưa được hoàn mãn thì không phạm.

Kinh Địa Tạng Thập Luận chép: “Phật nói: Nên tu học tất cả Tam thừa giáo, không nên sanh tâm kiêu mạn, dối gọi là Đại thừa, hủy báng pháp của Thanh văn, Duyên giác thừa. Ta trước vì hàng căn cơ Đại pháp khí mà tâm kiên cố tu hành nên nói lời như thế, còn nếu chỉ tu pháp Đại thừa, thì có thể được cứu cánh, bởi vì xưa và nay không trái nhau.”

Như Khế Kinh chép: “Vì muốn sách tấn họ tu hành kiên cố, khi họ đã tập pháp Tiểu thừa rồi thì nên khiến họ thú hưởng đến Đại thừa giáo, không nên trách họ bỏ Đại thừa hướng Tiểu, nhưng cũng không nên nói rằng pháp Thanh văn là tầm thường phải bỏ.” Nếu người có tâm hổ thẹn, chỉ e rằng hành trì còn không kịp huống gì lại chê bai. Do thế, người xuất gia trong 5 nước Thiên Trúc, trước hết đều học Tiểu thừa, sau mới học Đại thừa, để giúp họ biết nhơn quả tội phước thì mới tránh khỏi lỗi, bỏ có chấp không, biết rõ nguồn gốc thứ lớp giáo điển mới không làm tu và vọng chúng. Đây sợ rằng bậc sơ cơ mới học đạo, trí hiểu biết còn cạn hẹp, chưa hiểu thấu mật ý của Như Lai, mới nghe Phật nói các pháp như huyền, không thật, liền sanh tâm nhầm chán, cầu chúng đắc Niết Bàn. Tâm thủ xả sanh khởi, trái với phương hướng tu tập Phật đã dạy, dối vọng cho là phù hợp ý chỉ kinh điển là tự mình trói buộc mình trong nhiều kiếp. Nếu người nào chê giới Thanh văn không thọ thì đừng cạo tóc, mặc y hoại sắc, tác tướng Sa môn, mà nên để râu, để tóc dài, làm người thế tục, hành Bồ Tát đạo. Nếu ham mộ tướng kia mà bỏ giới luật, giả mạo vào trong pháp môn, cùng với Tăng chúng đồng sự để yết ma

bồ tát, thì gọi là Tặc trụ (tội này cùng với ngũ nghịch tội ngang nhau, sau không được thọ cụ túc giới, vì tổn hại Phật pháp chẳng phải ít, nên cần phải suy nghĩ).

Ngài Ma Ha Ca Diếp, đệ tử lớn trong hàng Thanh văn của Phật, thọ trì 250 đại giới và hành 12 hạnh đầu đà, nguyện trọn đời không xả, vì sao đức Như Lai khi sắp nhập Niết bàn, đem chánh pháp nhãn tạng phó chúc cho Ngài mà không phó chúc cho ngài Di Lặc và Văn Thù Bồ Tát? Vì Bồ Tát đã có tâm tùy loại hóa sanh, hóa hiện không như định, còn hàng Thanh văn là hàng trụ trì Tam bảo ở thế gian, nhờ đó mà Phật bảo và Pháp bảo hoằng dương, làm chỗ nương tựa cho trời, người.

Nên biết giới đức, trọng trách gánh vác chẳng phải thường, nếu coi thường giới Thanh văn, không hành trì thì mất ngôi Tăng bảo. Khi Tăng bảo mất thì Phật bảo và Pháp bảo cũng mất luôn (kinh nói như năng hoằng đạo là vậy), huống gì giới có công năng dứt ác sanh thiện. Hành trì một giới ngăn dứt được một ác nghiệp, sanh vô lượng thiện pháp, thế nên, hai vạn năm ngàn sông phước thường chảy vào. Hơn nữa, phải biết tâm rộng lớn thì giới lớn, tâm hẹp thì giới nhỏ, nên kinh Niết Bàn và Thập Bà Sa Luận khi nói về Thiên và Tụ chép rằng: “Hàng Bồ Tát Ma Ha Tát hành trì cấm giới, phải biết giới không có lớn nhỏ, tất cả đều do tâm kỳ vọng của người thọ trì.” Trừ ngoại đạo tà kiến ở thế gian, không một pháp nào không phải là Phật pháp, như nói tất cả cây cối, hoa lá trong đại địa đều là vị thuốc, huống chi là kinh pháp giới luật do chính kim khẩu đức Như Lai nói ra.

Kinh Viên Giác chép: “Tất cả chúng sanh đều chứng Viên giác nếu gặp được bậc thiện hữu tri thức, nên nương vào họ mà thiết lập như địa pháp hành. Như vậy, tu tập liền có Đốn hoặc Tiệm; nếu gặp Như Lai Vô thượng Bồ đề, con đường chánh tu hành, căn cơ không có lớn nhỏ, đều sẽ thành Phật quả.” Như kinh đã nói, mọi điều nghi hoặc liền tiêu tan, ngoài ra như giới thứ 24 nói rõ.

Giới thứ 9

KHÔNG SĂN SÓC BỆNH

Là Phật tử, thấy người tật bệnh phải tận tâm cúng dường như cúng dường Phật. Trong tám phước điền, cúng dường là phước điền thứ nhất. Nếu như Cha mẹ, Sư trưởng, Sư tăng cùng đệ tử có bệnh, có tật, trăm thứ bệnh tật đau khổ, đều phải săn sóc cho lành mạnh. Nếu Phật tử vì tâm sân hận, không chăm nuôi, nhẫn đến thấy trong tăng phường, thành ấp, nơi núi rừng, đồng nội, đường xá, có người bệnh mà không lo cứu tế, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Chú thích:

Do mê mất tâm từ bi lợi tế của Bồ Tát nên không săn sóc bệnh, mất hạnh cung kính hiếu thuận nên không cung cấp cúng dường.

Tất cả người tật bệnh, gồm trên là Hiền, Thánh Tam thừa, Sư tăng, Cha mẹ, giữa là huynh đệ, bạn bè thân thuộc, dưới là đệ tử chúng tại gia, già trẻ, sang hèn, người tha phương khác nước, v.v... nhẫn đến các loài hạ đẳng cầm thú, súc sanh, thấy đều phải cung cấp thuốc men để điều trị như đối với Phật không khác. Bản hoài của Như Lai vốn là cứu độ sanh lão bệnh tử của muôn loài, nên Phật xuất hiện nơi đời, nay cúng dường người bệnh khiến cho họ được an ổn, đó chính là bản hoài của Phật, huống gì tất cả chúng sanh đồng một nguồn tâm, sẽ thành chánh giác, nên nói *như Phật không khác*.

Xưa đức Như Lai tự săn sóc Tỳ kheo bệnh, trước rửa sạch cầu uế, sau nói pháp yếu cho họ nghe, vị Tỳ kheo liền chứng đạo quả, như đó khiến cho trong tất cả tự viện, nhà bệnh đều vẽ hình tượng Như Lai tự đích thân khám bệnh, săn sóc. Người thọ giới Bồ Tát mà không cúng dường, không săn sóc bệnh thì thật trái với tâm thương xót chúng sanh của Bồ Tát.

Trong 8 phước điền, săn sóc bệnh là thứ nhất. Tám phước điền ấy là:

1. Chư Phật phước điền
2. Thánh nhơn phước điền (Tam thừa thánh)
3. Chúng Tăng phước điền
4. Hoà thượng phước điền
5. A Xà Lê phước điền
6. Cha phước điền
7. Mẹ phước điền
8. Người bệnh phước điền

Chư Phật, Thánh nhơn, chư Tăng, ba bậc này gọi là *Kinh điền*. Hoà thượng, A Xà Lê, Cha, Mẹ, bốn bậc này gọi là *Án điền*. Cúng dường người bệnh, gọi là *Bi điền*. Đối với 8 thứ phước điền này, cúng dường, bố thí thì sanh ra các phước lành như gieo trồng hạt giống được nảy mầm tươi tốt thì chắc chắn thu hoạch được kết quả, nên gọi là *điền*.

Trong 8 thứ ruộng phước, ruộng phước Phật là tối thắng. Cúng dường Phật được quả lành xuất thế gian, diệt trừ được vô lượng các nghiệp ác, cấu uế. Nay lấy việc săn sóc bệnh làm đệ nhất, nghĩa là Bồ Tát lấy việc lợi sanh làm chủ yếu, cứu khổ ban vui cho chúng sanh là việc cần thiết, nên không lựa chọn thân sơ, sang hèn, chỉ dùng tâm cứu tế, nên nói rằng: “Địa ngục vị không, thệ bất thành Phật” (Nghĩa là còn có chúng sanh nào ở địa ngục thì Bồ Tát chưa thành Phật). Lại nói, nếu có một chúng sanh nào chưa thành Phật thì Bồ Tát quyết chưa nhập Niết bàn, vì thế mà Bồ Tát đã thừa sự Chư Phật để cầu học tu tất cả pháp môn, cũng đều vì lợi ích tất cả chúng sanh, thế nên Bồ Tát dùng Bi điền làm đệ nhất.

Có tật, nghĩa là lục căn không đầy đủ, trong 6 căn, tùy theo thiếu một căn thì chúng sanh ấy khổ não vô cùng, hướng gì tứ đại chống trái nhau, trăm bệnh khổ não ép ngặt thân thể.

Trăm bệnh, là thân tứ đại gồm có 440 thứ bệnh, nay chỉ nói trăm bệnh là lược nêu một đại trong tứ đại mà thôi. Như các bệnh khổ làm loạn tinh thần, không thể tạm yên, nên nói khổ não.

Cúng dường khiến cho lành bệnh, là chỉ người nuôi bệnh, tùy sức mình, cung cấp cho bệnh nhân cơm áo, thuốc men, giường nằm, v.v..., nếu mình không đủ sức, nên đi khuyến hóa xin người khác giúp.

Trong Luật Tứ Phần ghi: “Săn sóc bệnh được công đức khi:

1. Biết người bệnh món ăn nào nên ăn, món nào không nên ăn, nên thì cho ăn, ngược lại thì không cho ăn.
2. Không nhờm góm nước dãi, phân và nước tiểu của người bệnh.
3. Có tâm từ mẫn, không vì cơm áo mà săn sóc bệnh.
4. Hay chế biến thuốc men cho người bệnh đến lúc lành hoặc mạng chung.
5. Hay nói pháp hoan hỷ cho người bệnh nghe, giúp thân họ được tăng trưởng pháp lành.

Tâm sân hận, là do ngày trước đối với người bệnh có hiềm khích, hoặc người bệnh hiềm trách sự cung cấp không vừa ý, từ đó sanh tâm sân hận, không vui, không thăm bệnh, trái với tâm bình đẳng của Bồ Tát là không phân biệt oán thân, không niệm nào xả bỏ chúng sanh cả. Nếu Phật tử có tâm trái bỏ như thế thì mắc tội, chẳng những đối với cha mẹ, sư tăng, người thân, mà ngay cả với người bệnh gặp nơi thành ấp, khi đi đường, nếu không săn sóc, chăm nuôi cũng mắc tội.

Nếu tự thân mình có bệnh, hoặc không có sức để giúp người bệnh vượt qua bệnh khổ, thì phải khởi tâm từ bi chú nguyện khiến họ được an vui, hoặc nhờ người khác hoặc khuyên người khác săn sóc bệnh nhân, hay nếu họ đã có người thân săn sóc, thì đều không mắc tội phạm.

Khế Kinh nêu rõ: “Người nhiều bệnh hoạn phải chết yểu, đều do đời trước gây nghiệp sát, duyên báo chưa đến, hay còn do những duyên khác hay chiêu cảm đến bệnh hoạn, như trong hàng đệ tử Phật, có Tôn giả Xá Lợi Phất, không vượt qua nổi khổ nhiều bệnh. Phật bảo: Vì ông nhiều đời khinh mạn Sư trưởng, Cha mẹ, không biết tôn kính cúng dường, nên phải chiêu cảm quả báo này.”

Luận Tỳ Ni Mẫu ghi: “Nếu cha mẹ nghèo khổ bản cùng, nên khuyên họ thọ Tam quy, Ngũ giới và mười điều lành, sau mới cung cấp tài vật cho. Nếu không nghèo, tuy có thọ Tam quy, Ngũ giới, mà đem cung cấp tài vật thì không hợp pháp. Nếu thí cho người bệnh, người bị giam cầm, người mang thai, trẻ nhỏ, phải dùng từ tâm tùy nghi mà thí, nếu thí một cách lầm lẫn thì bị đọa.” Đây nói tất cả tài vật của người xuất gia, đều là do tín tâm đàn việt hỷ cúng cho Tăng, chẳng phải bậc phước điền thì không kham thọ, còn Bồ Tát tại gia thì tùy ý mà thí.

Luận Tỳ Bà Sa ghi: “Nếu người có hiếu, có thể khiến cho cha mẹ phát lòng tin kính ngôi Tam bảo, thọ Tam quy, Ngũ giới, tập tu thiên định để phát sanh trí tuệ, ấy gọi là báo ân Cha mẹ một cách chân thật.

Giới thứ 10

CHỨA KHÍ CỤ SÁT SANH

Là Phật tử, dù cho cha mẹ bị người khác giết cũng không được báo thù, huống gì lại đi giết hại tất cả chúng sanh. Phật tử không được cất chứa các loại khí cụ sát sanh như : dao, gậy, cung tên, búa, giáo, cùng những đồ sát sanh như: chài, lưới, sập, bẫy, v.v... Nếu cố cất chứa Phật tử này phạm tội khinh cấu.

Giải thích:

Sát hại sanh vật thương tổn lòng từ bi, trái với tâm địa giới thể, trái với hạnh nguyện lợi sanh của Bồ Tát.

Mâu, như cái đánh có 3 góc; *tu mâu* dài hai trượng; *di mâu* dài hai trượng bốn thước, *dao trượng*, v.v... đều là binh khí nên gọi là khí cụ chiến đấu. *Võng la*, tức là lưới, được làm bằng dây chì hoặc chỉ gai, dùng để bắt cá hoặc giăng bắt các loài cầm thú gọi là khí cụ sát sanh.

Khi cù chiến đấu thì hại người, khí cù sát sanh thì hại vật, tất cả đều không nên cất chứa, nên nói “không được cất chứa” là vậy.

Thề không đội trời chung với kẻ giết hại cha mẹ mình là trái với hạnh từ bi bình đẳng của bậc Đại sĩ xuất gia, coi tất cả chúng sanh như cha mẹ mình, không nên để tâm báo thù.

Cất chứa đồ sát sanh là tiêm nhiễm nghiệp sát, trái với tâm hiếu thuận của Bồ Tát. Các thứ lưới chài, bẫy sập, đều làm tổn thương sanh vật, cầm thú, giới của Phật tử xuất gia hay tại gia, Phật đều cấm. Dao, gậy, cung tên, búa giáo là binh khí bảo vệ đất nước, xưa cho phép Quốc vương, Vương tử, Tướng sĩ, dùng không hạn chế, còn người chưa có trách nhiệm giữ nước, không cho tự do cất chứa, nếu cất chứa là phạm tội.

Giới thứ 11

ĐI SỨ

Là Phật tử, không được vì quyền lợi và ác tâm mà đi thông sứ mạng cho hai nước hiệp hội, quân trận, đem binh đánh nhau làm cho vô lượng chúng sanh bị giết hại. Phật tử còn không được ra vào, qua lại trong quân trận, hưởng gì lại làm môi giới cho chiến tranh, nếu cố làm, Phật tử phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Bậc Đại sĩ phải làm sứ giả của Như Lai, lấy việc an vui khắp quần sanh làm sở nguyện, không nên làm sứ giả của địch quốc, khởi tâm rình tìm tốt xấu, hay dờ dể tính kế mưu mô, yêu sách chiến trận. Nếu giết hại chúng sanh là trái với thiện tâm, tâm từ bi, tâm an ủi chúng sanh của Bồ Tát.

Bồ Tát quên mình vì lợi tha, nhớ nghĩ tất cả chúng sanh, không nên vì lợi dưỡng sanh ác tâm làm thông sứ hai nước, theo mệnh lệnh của hai

vua, giết hại chúng sanh không phải ít. Nếu thuyết phục cho hai nước chấm dứt giao chiến, làm cho cõi nước an vui, cứu giúp dân chúng, đó mới là quyền nghi của Bồ Tát, sanh ra vô lượng công đức.

Kẻ gây tai ách cho nhân dân, gây tổn hại cho cõi nước gọi là “giặc”. Trong quân trận chỉ luận bàn phương pháp chinh phạt, sát hại địch thủ, hàng Bồ Tát nữ nào nghe lời huyên náo ô uế, giày xéo tàn sát chúng sanh! Thanh văn lo tư lợi, Phật còn không cho, huống gì Bồ tát từ bi tâm lợi vật u?

Nếu dạy người khác chinh phạt hoặc muốn họ đánh nhau, đều thuộc về tội trọng, tùy theo mức độ sát sanh nhiều hay ít mà kết tội.

Giới thứ 12

BUÔN BÁN PHI PHÁP

Là Phật tử, không được buôn bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, quan tài ván cây, đồ đựng thầy chết, nếu Phật tử cố ý tự buôn bán, hay dạy người khác buôn bán các thứ ấy, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tham tiền của, làm tổn hại sanh vật, mất bản tâm từ bi của Bồ Tát, tôn thương pháp môn, chẳng phải hạnh lợi tha của Bồ Tát. Phật cấm Phật tử không được mua bán người lành, tôi trai, tở gái, lục súc, thậm chí cả đồ đựng thầy chết, hòm, quan tài cũng không được mua bán, vì các hình thức mua bán có dụng tâm tham cầu lợi, đều trái với hạnh từ bi lợi tha của Bồ Tát.

Nếu mua bán người tất nhiên gây nên khổ não biệt ly trong quyến thuộc họ, đẩy họ phải chịu cảnh tội đòi hạ tiện, bị người hại, làm nô dịch cho người, còn bị đánh mắng khổ sở. Nếu mua bán súc vật, tất nhiên có sự

chết chóc, nấu rang, nước sôi lửa bỏng, thiêu đốt thảm khốc. Nếu mua bán quan tài, tâm mong nhiều lợi tức, đó là ác tâm, vô tình muốn cho nhiều sinh linh phải chết. Phật cấm tất cả Tăng và tục đều không được mua bán như vậy, nếu cố ý làm là phạm, còn mua bán việc tầm thường, không tổn hại sinh vật, thì Phật không cấm.

Kinh Ưu Bà Tắc chép: “Việc mua bán được tiền của, nếu chia làm 3 phần để:

1. Cúng Tam bảo
2. Cung cấp cho cha mẹ
3. Lo cho thân mình, vợ con, quyến thuộc.
Thì đó là mua bán đúng pháp.”

Luận Tát Bà Đa ghi: “Thà làm đồ tể không làm nghề buôn bán.”, vì sao? Vì đồ tể tuy sát hại chúng sanh nhưng không dối gạt. Không luận là đạo hay tục, hiền hay ngu, trì giới hay phá giới, không có tâm dối gạt, nếu buôn bán thường ôm lòng dối gạt. Như mua bán gạo thóc, tâm thường tính toán mong được lợi tức cao, tất nhiên gây ra sự tổn kém cho người khác, đó là ác tâm. Tuy luật Phật không chế định điều này cho Phật tử tại gia, nhưng là Phật tử thì không được dối gạt người khác.

Phật đã dạy Phật tử phải nói lời chân thật. Nếu Phật tử không nói lời chân thật, đong đếm, cân đo không đủ số lượng, dối trá gạt người, đều mắc tội vọng ngữ, dối gạt người khác, khi được vật đem về mình rồi, mắc tội lường gạt, đồng như tội trộm.

Dạy người có 2 cách: Dạy người thay mình làm, hoặc dạy người tự làm, đều phạm.

Mua bán súc sanh, khiến cho chúng bị giết chết, hoặc khiến cho người ta bị khổ ép ngặt chết, đều phạm tội trọng. Nếu thay người mua bán súc sanh, lén giấu tiền của trị giá 5 tiền, thì phạm cả 2 tội là sát sanh và trộm cắp. Nếu thay người mua bán quan tài và dụ dỗ mua bán nô tỳ, lén giấu 5 tiền, đều mắc tội trộm. Nếu dùng tiền bán quan tài và gỗ ván dựng

thầy chết, đem thí cho người nghèo khó thì được phước vô lượng. Do lòng từ bi cứu giúp, tâm không cầu lợi, nên không phạm.

Giới thứ 13

HỦY BÁNG

Nếu Phật tử vì ác tâm, đối với người tốt, người hiền lương, Pháp sư, Sư tăng hoặc Quốc vương và quý nhân, vốn vô sự mà hủy báng thì phạm tội thất nghịch, mười giới trọng. Với cha mẹ, anh em, lục thân phải có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, nếu khởi tâm trái nghịch, hại họ, làm cho họ gặp tai ương, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Khởi ác niệm hủy nhục người khác, không có tâm hiếu thuận, mất hạnh từ bi chẳng phải bồn hoại hoẵng nguyện lợi sanh, đại nguyện hộ trì chánh pháp của Bồ Tát. Hiểu rõ ác tâm, chẳng phải thiện, nên làm lợi ích cho người khác, do tham sân muốn phá hoại công đức danh lợi của người khác.

Vô sự, nghĩa là thực sự người ấy không có sai phạm, cũng không căn cứ thấy, nghe, nghi mà lại vọng sanh phỉ báng chê bai.

Người hiền lương, là người hiền có đức hạnh, thuần thiện, từ ái muôn vật. *Pháp sư* là thầy dạy tuyên dương Tam tạng Thánh giáo của Như Lai. *Sư tăng* tức Hòa thượng A Xà Lê, cho đến vị (mà) mình y chỉ một đêm ở, hoặc thọ học một câu chú, một bài kệ, nghe một lời nói pháp, đều gọi là A Xà Lê. Tăng là chúng Tăng. Quý nhân là Tam công, trăm quan. Những vị trên, trước đã thọ giới của Phật, nếu phỉ báng người thọ giới pháp, thì phạm tội khinh cầu. Nếu chỉ lỗi và phỉ báng người chưa thọ đại giới, không luận là có căn cứ hay vô căn cứ, thì phạm trọng tội.

Kinh chép: “Các bậc thiện hữu tri thức trong thiên hạ, không ai bằng Sư trưởng. Nếu có thể trọn đời hành đạo, thì chỉ là tự lợi, chưa thể báo đáp được ân Sư trưởng. Cha mẹ tuy có công sanh thành dưỡng dục, dạy bảo nhưng không thể đưa ta ra khỏi ba đường ác, Sư trưởng mới là người dạy dỗ chỉ bảo tận tu, giúp ta xa lìa khổ sanh tử, được an vui Niết Bàn.”

Những người được Sư trưởng dạy bảo mà không chịu tin thọ, cho đến khởi lời nói ác, thốt lời phỉ báng, sanh ra phải quấy khiến Phật pháp suy vi, hủy báng Sư trưởng, ghét bỏ và tật đố với Sư trưởng, gọi là Đại ma trong Phật pháp, là hột giống của địa ngục.

Kinh Thiện Cung Kính chép: “Nếu đối với Pháp sư khởi tâm không cung kính, nói ra những gì tốt xấu của Sư tăng, đó là kẻ ngu si, nên đứng như pháp mà trị tội. Sư thật sự có lỗi còn không được nói, huống gì không có lỗi. Nếu người ở bên thầy mà không có tâm cung kính, sẽ bị đọa vào địa ngục tên là Thôi Phúc, một thân có bốn cái đầu, thân thể đều cháy hừng hực như lửa lớn bùng cháy rất mạnh, không lúc nào dứt. Hơn thế nữa, lại có móc câu, độc trùng kéo lưỡi người tội. Khi ra khỏi địa ngục, người này phải sanh vào loài súc sanh, thường ăn nuốt phân tiêu. Sau khi xả thân kia rồi, tuy được sanh làm người, phải ở nơi biên địa hạ tiện, da chẳng giống người, bị người khác khinh rẻ, phỉ báng, lãng nhục, lìa xa Phật pháp, nếu là Tăng thì không có trí tuệ. Từ nơi đó, sau khi xả thân rồi, trở lại đọa vào địa ngục chịu vô biên khổ não.”

Kinh Thần Biến chép: “Phật bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: Giả sử có người đối với hàng hà sa tháp miếu của Chư Phật, họ đều thiêu đốt phá hủy thì tội cũng không nặng bằng như đối với Bồ Tát tin hiểu Đại thừa mà khởi một niệm sân giận, lại thêm đánh mắng sỉ nhục, hoặc hủy báng, Bồ Tát này phải trải qua vô lượng A Tăng kỳ số kiếp ở địa ngục.”

Trong Luận Bồ Tát ghi: “Phật dạy nếu Bồ Tát khởi tâm lán hiếp người khác, ta nói người này đọa địa ngục không có hạn lượng, vì sao? Vì nếu Bồ Tát đối với vị Pháp sư, khởi tâm hủy báng chê bai, chính là xa lìa Chư Phật, hủy báng chánh pháp và Tỳ kheo, Tăng. Hơn nữa, nếu khinh các vị Pháp sư nói pháp, không khởi tâm tôn trọng, chính đối với Chư

Phật Như Lai cũng không sanh tâm tôn trọng.” Lại nữa, trong kinh Phát Giác Tịnh Tâm ghi: “Có 60 bậc sơ phát tâm Bồ Tát, đến dưới chân đức Thế Tôn khóc lóc thảm thiết, bạch Phật rằng: Chúng con nghiệp chướng sâu dày, xin đức Thế Tôn thương xót, vì chúng con phân biệt nói rõ, để chúng con biết rõ nguồn gốc tội lỗi không có tạo ác nữa. Phật dạy: Vào thời quá khứ trong pháp hội của đức Phật Câu Lưu Tôn, các ông là người xuất gia học đạo, thọ trì cấm giới, học rộng nghe nhiều, công đức tu hạnh đầu đà đầy đủ, nhưng các ông lại buông lung tâm ý, lần lần suy giảm công đức tu hành. Khi ấy có hai vị Tỳ kheo Pháp sư, bị các ông vu khống dâm dục để hủy báng, nhấn đến các vị đàn việt thân hữu Pháp sư, các ông cũng phá hoại và ly gián, bằng cách nói hai lưỡi để hủy nhục, khiến cho người khác sanh nghi hoặc, không sanh tín tâm. Khi có người kính tin tùy thuận Pháp sư, các ông làm cho họ đoạn mất căn lành. Do nghiệp chướng đã tạo, nên suốt thời gian 62000 năm, các ông bị đọa trong địa ngục A Tỳ, rồi 40000 năm trong địa ngục Đẳng Hoạt, 30000 năm trong địa ngục Hắc Thành, 800000 năm trong địa ngục nóng. Sau khi làm người, trong 500 đời, sanh ra bị mù không thấy đường, ám độn tối dốt, quên mất bản tâm, đóng kín cửa lành, thường bị người khinh khi, ghét bỏ, hủy nhục chỉ trích chê bai, thường sanh vào chốn biên địa nghèo nàn khổ sở. Từ đây, khi các ông xả mạng rồi, khoảng 100 năm sau thời kỳ chánh pháp đã diệt hết, các ông lại sanh làm người ở nơi cõi nước nhiều hung dữ, con người ở đó bần cùng hạ tiện, bị người khác phỉ báng, quên mất bản tâm. Sau 500 năm nữa, tất cả nghiệp chướng mới hết. Bấy giờ 60 vị Bồ Tát nghe Phật nói lời này rồi, tự xét lòng mình, lo sợ rợn tóc gáy, hướng về Phật cầu xin sám hối, lập đại thệ nguyện, ở bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu cũng không còn dám khởi ra các lỗi. Khi ấy đức Thế Tôn nói kệ rằng:

*Chớ ở bên người thấy lỗi người
Chớ nói phải quấy của người ta
Đừng đả vấn việc người, lo mình tịnh
Phải xả bỏ ngay những lời ác
Xả bỏ, rời xa nơi ồn náo
Tỳ kheo phi pháp chớ thân gần
Tu hạnh đầu đà, Phật từng ngợi*

Chẳng đả lợi nên được Niết bàn.

Lục thân có hai dạng:

1. Cha mẹ ruột của mình, lục thân trong anh em chú bác.
2. Bạc Đại sĩ thường niệm tất cả chúng sanh là lục thân của mình, do tâm hiếu thuận nên không có việc nghịch báng, do lòng từ bi nên không bị đọa vào nơi khổ não, không như ý.

Chỗ không như ý, nghĩa là do lỗi rao bày cái xấu của người, nên thấy xấu hổ, ngày đêm không vui, thậm chí họ còn tự hại, vì lấp thanh danh của người kia, do việc không vừa lòng, luôn luôn buồn rầu, nên nói rằng đọa vào chỗ không như ý.

Giới trước nói tự khen mình, hủy nhục người khác và hủy báng Tam bảo, từ chỗ hủy báng người khác trong đó gồm cả ý tự khen mình, nên phạm tội nặng. Giới này chỉ riêng hủy báng người khác, thuộc về phạm tội khinh cấu. Trước gồm chung cả hủy báng Phật pháp, nay chỉ hủy báng Tăng đã mắc khổ báo vô cùng, huống gì hủy báng người có ân đức. Thí như xưa có một bé gái 7 tuổi, chê cười một vị Tỳ kheo tiếng nói như chim, mà phải 500 đời làm thân chim mù mắt. Người mẹ của bé gái ấy nghe Phật nói, bèn đem đưa con đến chỗ Phật cầu xin sám hối, vẫn không khỏi tội. Do tâm hủy báng là tánh tội, bất luận là thọ giới hay không thọ giới, đem tâm hủy báng đều chiêu cảm lấy ác báo. Nên Kinh chép: “Giữ miệng như giữ bình, giữ ý như giữ thành.”

Kinh Báo Ân chép: “Người đời ở thế gian, họa từ miệng sanh ra, mạnh hơn lửa dữ. Lửa cháy chỉ thiêu đốt tài sản mà thôi, còn lời nói ác thiêu đốt công đức nhiều đời. Lửa dữ ở thế gian chỉ thiêu đốt tiền của tài vật, còn ác khẩu thiêu đốt Thất thánh tài. Vì thế, tất cả chúng sanh thường phải dè dặt giữ miệng, lưỡi trong miệng như búa bén chặt đứt cái họa diệt thân. Vì thế, người xưa bảo rằng, môi như cung nỏ, tâm như dây cung, lời nói như mũi tên, bắn mãi trong đêm tối, đâu thể làm tổn thương người, chỉ tự bôi tro trát bụi vào mình. Nên Địch Ba Ly, thân sống phải vui lấp nơi địa ngục, đều do thốt ra những lời ác mà phải chịu ương báo

ở địa ngục. Mọi người phải biết, dù Tăng hay tục, phải sớm phản tỉnh, thận trọng tâm mình, giữ kỹ miệng, đừng để phải mang họa tai ương nhiều kiếp, có ăn năn hối lỗi cũng không kịp.

Giới thứ 14

PHÓNG HỎA THIÊU ĐỐT

Nếu Phật tử vì ác tâm phóng hỏa thiêu đốt núi rừng, đồng nội, từ tháng 4 đến tháng 9, phóng hỏa cháy lan đến thành ấp, nhà cửa, tăng phường, ruộng vườn của dân và cung điện của quỷ thần, tài vật của quan chức. Tất cả chỗ có sanh vật, không được thiêu đốt, nếu cố ý thiêu đốt, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Kinh Lăng Nghiêm chép: “Tỳ kheo và các Bồ Tát thanh tịnh đi trên đường tắt còn không dẫm lên cỏ tươi, huống gì lại dùng lửa thiêu đốt, sát hại sanh vật hữu tình và vô tình, lỗi ấy chẳng phải nhỏ.”

Ác tâm là tâm bất thiện, tâm sân hận đối với người khác, cho đến các loài cầm thú ở trong rừng còn phóng hỏa để thiêu đốt.

Từ tháng 4 đến tháng 9, căn cứ vào địa danh phương Bắc thì đây là thời gian sinh sản của các loài côn trùng, cầm thú. Nếu ở phương Nam, khí hậu ấm áp hơn, mùa sinh sản của các loài côn trùng bắt đầu vào Đông – Xuân, và chỉ bị hạn chế vào tháng 12, khi thời tiết quá lạnh.

Núi rừng, đồng nội, là nói chung, nhà cửa, thành ấp, tăng phường, v.v... là nói riêng, nghĩa là tuy họ không có ác tâm thiêu đốt nhà cửa, nhưng do thiêu đốt núi rừng, tai họa lan đến nhà cửa của dân. *Ruộng vườn* là chỗ gieo trồng sanh ra các thứ lúa gạo ngũ cốc. *Tài vật của quỷ thần, quan chức* vốn là quan vật (luận về quan vật, lẽ ra có tài vật của vua, nhưng nói đến thành ấp là đã nói đến tài vật của vua quan rồi). Trong

Luận nói: “Tất cả cỏ cây là chỗ ở của quỷ thần, vì các quỷ thần đều nương nơi đây để làm cung điện, nhà cửa, nên Phật cấm Tỳ kheo không được phá hoại.” Hoặc nơi đồng trống, núi rừng, đồng nội, miếu thờ quỷ thần, cho đến cây cối. Các thứ đồ cúng đều là vật thuộc quỷ thần, như cung đình, hồ, miếu, trúc, cây, v.v... Nếu xin mà chưa cho liền chặt phá, liền bị chìm thuyền.

Tất cả vật như tường, vách, hàng rào, đất, củi mục, đều có côn trùng nương ở, nếu vì muốn trừ việc hổ lang rắn độc làm hại, thì Phật khai cho hàng tại gia. Cần phải quán sát thời gian, cân nhắc cẩn thận, nếu không thiêu, không gây thương tổn cho sanh vật thì không phạm.

Giới này nói về việc thiêu đốt núi rừng, nhưng không có tâm làm tổn thương sanh mạng nên phạm tội khinh cấu. Nếu do sân tâm, ác tâm mà thiêu đốt, gây tổn hại sanh vật, tùy theo số lượng sanh vật bị chết, mà kết tội. Có một con quỷ hỏi ngài Mục Kiền Liên rằng: “Tôi suốt một đời đến nay, thường bị hoạn nạn, thiêu đốt, đói khát, khi thấy sông Hằng, muốn vào trong đó để trừ nóng bức và sự đói khát, nhưng chạm vào nước thì thân thể bị tiêu hoại, da thịt lìa xương, uống vào một giọt nước thì ngũ tạng tiêu hoại, đau đớn không thể nói, không biết do tội gì mà gây nên báo này?”

Ngài Mục Kiền Liên đáp: “Khi ông làm người, ưa thiêu đốt núi rừng, sông ngòi, tàn hại chúng sanh, nên nay phải chịu họa báo.”

Xưa có một vị tiểu phu, thấy lửa đốt núi rừng, bèn dập tắt khiến cho dứt, thân sau được phước báo làm Phạm Thiên vương, thọ mạng trụ hơn một kiếp. Cứu lửa mà còn được thăng báo như thế, huống gì tâm ác thiêu đốt núi rừng, tội đâu tránh khỏi!

Giới thứ 15

ĐẠY GIÁO LÝ NGOÀI ĐẠI THỪA

Là Phật tử, khi gặp đệ tử Phật, tất cả thiện tri thức, ngoại đạo, ác nhân, đều phải khuyên bảo họ thọ trì kinh luật Đại thừa, nên giảng cho hiểu nghĩa lý, khiến họ phát Bồ Đề Tâm, Thập Phát thú tâm, Thập Trướng dưỡng tâm, Thập Kim cang tâm, trong ba mươi tâm ấy, giảng cho họ hiểu pháp dụng tuần tự thứ lớp của mỗi pháp. Nếu Phật tử sanh ác tâm, sân tâm, đem kinh luật của Thanh văn Nhị thừa, cùng các bộ luận của ngoại đạo tà kiến dạy cho họ, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Ngoài giáo lý Đại thừa tức là tà giáo hoặc Nhị thừa. Ngoại đạo là tà kiến. Bồ Tát học Đại thừa Tâm địa pháp môn, mà không tự mình đem giáo pháp đã thọ để dạy người, ngược lại đem ngoại đạo tà môn, Nhị thừa tự lợi thiên kiến dạy người thì đọa vào đường tà, bỏ cái hạnh lợi tha, thì chẳng phải tâm từ thiện, tâm Đại thừa của Đại sĩ. *Đệ tử Phật* là nội chúng, do học nội giáo của Phật. *Ngoại đạo* là ngoại chúng, do học tập ngoại giáo. *Lục thân tri thức* bao gồm cả nội và ngoại chúng, vì họ có học nội giáo và ngoại giáo.

Ác môn là ngoại đạo tu pháp bất thiện, đem giáo pháp không môn quả để dạy chúng sanh, khiến cho họ lầm lẫn đọa vào ba đường ác và Nhứt-xiển-đề, thường không bao giờ ra khỏi.

Khế kinh chép: “Chúng sanh không có tà kiến, nhưng do không may gặp tà sư ác hữu mà thành tà kiến, nên phải lầm đọa vào ác đạo.” *Thiện tri thức*, là người bạn tốt hiểu biết một cách *tinh tường*, chẳng phải ông thầy mô phạm của *pháp môn*.

Dù là hàng chánh đạo hay ngoại đạo, đều phải dạy cho họ hiểu nghĩa lý, sau dạy cho họ phát Bồ đề tâm. Nếu không thọ trì thì đâu biết diệu lý ý vị Đại thừa, nghĩa lý không thông đạt thì sự phát tâm chẳng phải chánh pháp, tâm Bồ đề đã không phát thì chỗ hiểu biết chỉ là dối lường. Khi nào hành giả đạt được hạnh giải tương ứng, mới hy vọng chúng ngộ.

Ba mươi tâm này là hạnh ban đầu vào thánh vị, nên trước cần phải khai thị, rồi từ sự phát tâm đến kim cang tâm, mỗi mỗi vì họ mà giảng nói, khiến cho họ biết để tấn tu công dụng, nối dòng quả vị Tam bảo.

Ác tâm là tự khởi niệm bất thiện khiến người vào đường tà.

Sân tâm là do có sự xúc não mà sanh tâm sân nộ, dạy bảo khiến họ vào đường tà, không chánh trực, nghĩa là pháp đáng dạy thì không dạy, pháp không đáng dạy thì dạy, họ muốn học giáo pháp Đại thừa mà trái lại dạy cho họ Tiểu thừa.

Do sân giận sanh tâm ác, không dùng chánh lý khai đạo, mà lại dạy giáo lý *Nhị thừa Tứ A Hàm, Ngũ Thiên Thất Tu, Tăng Khư Luận* là những thứ ngoại đạo tà kiến, (trong *Luận Đại Trí Độ ghi*: “*Ở Tây Vực, kinh và luật của ngoại đạo, có 18 thứ, đó là Tệ Ca Lan Na, Tăng Khư, Vi Đà, v.v...*”)

Kim Cang Bồ Đề Tâm Luận ghi: “Hành giả biết tất cả hữu tình, đều ở trong tánh Như Lai Tạng, đều kham nhận an trú Vô thượng Bồ đề, vì thế không đem pháp của Nhị thừa độ thoát cho họ.” Hàng Thanh văn chấp pháp Tứ đế, Duyên giác chấp pháp 12 nhơn duyên. Do biết Tứ đại, Ngũ ấm rất ráo phải hoại diệt, nên khởi tâm nhằm chán. Vì muốn phá tâm chấp của chúng sanh, siêng năng cần mẫn tu pháp này, mong chứng quả vị Vô thượng. Nhị thừa thú hướng đến Niết bàn tịch tịnh, cho là rất ráo, tuy đã phá được pháp nhơn không, nhưng còn chấp có pháp tu chứng, chỉ tĩnh ý thức, không biết gì khác, lâu ngày thành tự quả vị, để rồi đốt thân diệt trí, thú hướng đến Niết bàn, như hư không vắng lặng thường tịch. Nơi đây có định tánh, khó có thể phát sanh, cần phải đợi số kiếp mãn rồi, mới có thể phát sanh tâm tiến hơn lên. Còn không định tánh, không hạn luận kiếp số, gặp duyên là hồi tâm hướng Đại, ra khỏi Hóa thành, vượt khỏi tam giới, đó là nhờ nhiều đời tin sâu Phật pháp, liền được Chư Phật Bồ Tát, dùng phương tiện, nương đó phát Đại tâm. Trước hết từ Thập tín trải qua các cấp vị thứ lớp, qua vô số kiếp làm hạnh khổ khó làm, mới được thành Phật. Đã biết hàng Thanh văn, Duyên giác trí tuệ còn cạn hẹp, cũng không nên ham ưa. Hơn nữa, các ngoại đạo, v.v.. luyện tức thân mạng kia, hoặc trợ giúp thuốc men, nhằm

tạo cảnh giới thiên cung, trụ nơi thiên đình hoặc sanh trở lại cõi trời cho là cứu cánh. Hành giả nên quán sát những việc kia, nếu nghiệp lực đã hết, chưa lia 3 cõi, phiền não vẫn còn, tai ương nhiều đời chưa dứt, ác niệm lại khởi, liền chìm đắm trong biển khổ, khó có thể ra khỏi. Phải biết pháp của ngoại đạo cũng đồng với huyền mộng, ánh lửa. Vì thế, nếu chẳng phải là ác tâm thì không nên dùng tà giáo dạy học.

Nếu đem tâm lành đáp ứng đến sự mong muốn khiến cho họ đạt kết quả tốt, dùng phương tiện quyền xảo dẫn dắt họ qua pháp Tiểu thừa, sau khiến họ hướng tới Đại thừa, hoặc đem ngoại giáo dẫn họ vào nội giáo, đó gọi là trước dùng sự ham muốn để dẫn dắt, sau dùng trí để dứt các khổ thì không phạm. Kinh Hoa Nghiêm chép: “Ngũ địa Bồ Tát học trăm công kỹ nghệ để dẫn dụ vào Phật đạo.” Đây là Đại sĩ khéo léo dùng pháp Tứ nhiếp, để nhiếp thọ chúng sanh, chẳng phải ác tâm sân hận mà dạy trái kinh luật Đại thừa.

Kinh Anh Lạc chép: “Bồ Tát khéo dùng sức phương tiện vào trong dị học của ngoại đạo, để tùy thuận pháp của họ, thuận việc cầu cúng, quán sát chí thú của họ, mục đích để độ thoát họ, khiến cho họ gieo trồng vô lượng phước đức. Nếu Bồ Tát vào đó mà sanh tâm ưa đắm pháp dị học, thì thuộc về Tiểu giới trái với Đại thừa, hướng đến Tiểu thừa, không đúng với hạnh nguyện lợi tha của Đại sĩ.

Giới thứ 16

VÌ LỢI NÓI PHÁP LỘN XỘN

Là Phật tử, phải tận tâm học kinh luật Oai Nghi Đại thừa, thông hiểu nghĩa lý. Khi thấy có hàng tân học Bồ Tát từ xa trăm dặm, ngàn dặm đến cầu học kinh luật Đại thừa, nên đúng như pháp mà nói, trước giảng giải tất cả khổ hạnh như đốt thân, đốt cánh tay, đốt ngón tay, nếu không đốt thân, cánh tay, ngón tay cúng dường chư Phật, thì không phải hàng Bồ Tát xuất gia. Nhãn đến xả thịt nơi tay chân, thân mình mà bố thí cho cọp đói, sư tử đói, v.v...và tất cả các loài quý đói,

rồi sau mới tuân tữ theo căn cơ của mỗi người mà giảng chánh pháp cho hàng tân học ấy được mở thông tâm ý. Nếu Phật tử vì quyền lợi, giảng kinh luật một cách điên đảo, văn tự lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, thuyết pháp có tính cách hủy báng Tam bảo, Phật tử này phạm tội khinh câu.

Giải thích:

Nếu không có tâm vì lợi dưỡng mà thuyết kinh văn một cách lộn xộn điên đảo, không riêng tư, nhưng làm khuấy lấp nghĩa lý nhiệm mầu của giáo lý Đại thừa, thì chẳng phải là phương pháp huấn thọ, mất phương pháp sư phạm, còn vì lợi mà tiếm pháp, thật là trái với hạnh nguyện hồng pháp của Bồ Tát.

Hảo tâm là chẳng phải tâm xấu vì lợi dưỡng. Bồ Tát vốn phát đại tâm thể hiện tinh thần tự lợi và lợi tha, nhưng muốn lợi tha trước hết phải tự lợi nên cần phải học Oai Nghi Kinh Luật, trong thì được chánh tâm, ngoài bày đủ oai nghi. Nên kinh chép: “Trì Tịnh giới thì phạm hạnh đầy đủ, đường đường Tăng tướng. Một vị thầy đầy đủ oai đức và uy nghi thì tất nhiên khiến cho người nể sợ, siêng năng tinh nhiếp thân tâm hợp thời, dung mạo khả quan thật là nghiêm chỉnh, đáng cho người kính trọng. Đây là đạo phẩm xuất gia, là bậc mô phạm của trời người. Bên trong ẩn chứa đức Sư tử, bên ngoài biểu hiện nghi dung của Tượng vương, thì nhận được sự tán thán của người, trời và long thần khâm phục.”

Khai giảng ý nghĩa vi diệu, khai là bày rõ, khiến cho người khác thông hiểu, không bị trở ngại, *giải* là khế ngộ không còn tâm nghi ngờ. Do thông đạt ý vị thâm sâu, khế ngộ ý vị nghĩa lý tông thú của kinh luật, nên mới thể hiện hạnh lợi tha, mới có thể cảm được sự lợi ích, nếu không thì chính mình cũng đã lầm lẫn và khiến cho người lầm lẫn theo.

Đúng như pháp mà nói, nghĩa là tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, do ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo nghiệp ác, ngũ nghịch tội, nay muốn thâm nhập giáo pháp Đại thừa, trước hết phải dạy cho họ, để họ sám hối tội.

Song các tội trước do ba nghiệp sanh ra, cần phải từ ba nghiệp mà sám trừ, nên khiến họ thiêu đốt ngón tay để diệt tội kia. Khi tội diệt hết thì chướng ngại tiêu trừ, nghe pháp liền được tâm khai, ý hiểu, chứ không phải Phật thọ nhận sự cung kính này, khiến cho chúng sanh sanh đại thống khổ. Huống gì tâm sám hối, đâu mạnh mẽ bằng tâm tạo tội, nếu có thể đốt chân, đốt tay, thì tâm tội tiêu dứt không còn.

Lại nữa, do chúng sanh đời đời tham lam bòn xén, nên không có thể giải thoát khỏi con đường sanh tử, nay khiến họ xả thân mạng làm món ăn cho các quỷ thú, tuy tổn mình làm lợi cho chúng sanh, nhưng đó là bồn hoại của bậc Đại sĩ. Như Vương tử Ma Ha Tát Đỏa, xưa đem thân hiến cho cạp đói, chí thành cầu đạo chánh giác. Nên kinh chép: “Tất cả Đại địa, bất cứ chỗ nào dù nhỏ bằng mũi kim châm, không nơi nào mà không có đức Như Lai xả thân mạng.” Huống gì thân tâm ngũ uẩn này vốn tự thể không tịch, không có Ngã và Ngã sở. Chúng sanh do không liễu ngộ, vọng chấp Ngã, nay muốn khiến cho họ thấu đạt ngũ uẩn thân vốn không, xả bỏ nó như bỏ giày rách, thế nên, trước vì họ nói các hạnh khổ để mở rộng tâm trí giác ngộ và tâm Bồ đề vững chắc, nguyện cầu giải thoát kiên cố, tỏ ngộ ngũ uẩn không thật, xa lìa Ngã chấp, bước đầu tấn tu trong sáu độ là Đàn Ba-la-mật (bồ thí), trên cúng dường chư Phật, dưới bố thí chúng sanh, thành tựu Kính điền và Bi điền, đó là con đường vào Đại đạo, sau mỗi mỗi theo thứ lớp nói chánh pháp ba mươi tâm (thập trụ, thập hạnh và thập hồi hướng), khiến cho tâm khai mở thông sáng, ý được giác ngộ, thì chứng đắc quả vị không khó. Đây là thuận chánh lý mà nói, không nói lộn xộn, mất thứ lớp.

Nay không nói Bồ Tát tại gia, vì vua tôi có Quốc chánh, sĩ thứ ắt có cung cách tại gia, nước nhà thoát được, bốn đại đâu thể quên. Phàm phu sơ học dù chưa được tánh địa, chưa sanh huệ giải, chưa xả được thân, nhưng việc khổ hạnh không thể không biết.

Hỏi: Đã xả thân mình rồi, lấy ai thuyết pháp giáo hóa cho chúng sanh?

Đáp: Đây muốn nói thân còn không tiếc, huống gì cầu mong lợi dưỡng mà nói pháp một cách điên đảo, cũng muốn nói rằng trước thí món ăn,

khiến cho họ sanh tâm ham vui, sau được nghe pháp thì pháp hỷ sung mãn. Như ngài Xá Lợi Phất đem cơm dư bồ thí cho con chó đói, khiến cho nó dứt khổ đói khát, tâm được an vui, rồi sau vì nó nói pháp yếu, sau khi chó ấy mạng chung, sanh vào nhà Bà-la-môn, tu hành đến thành quả A La Hán.

Nếu trước có hứa thí cho và sau được nghe pháp rồi mới xả thân mạng, đây chính là Tài và Pháp, cả hai đều thí, mới xứng là bản tâm của bậc Đại sĩ, đâu có thể vì tài lợi mà tiếc lẩn pháp, thật là trái với hạnh nguyện của Bồ Tát.

Đoạn văn này chia làm ba phần:

1. Vì lợi dưỡng, nói một cách không thuận chánh lý, còn có tâm lẩn tiếc.
2. Vì lợi dưỡng, nói một cách điên đảo lộn xộn, không có thứ lớp trước sau, cãi sửa văn nghĩa kinh luật, trước sau không thứ lớp, không rõ ràng.
3. Vì lợi dưỡng hủy báng giáo pháp Đại thừa, trái bản nguyên tâm địa của Phật, trái nghĩa lý kinh điển, tông thú Đại thừa, đây là hủy báng Tam bảo.

Như mười giới trọng trước, do hủy báng Tam bảo nên kết tội trọng, nay chỉ giấu giếm, đáp bậy giảng bừa, nên phạm tội khinh, cảm lấy báo quả như Pháp sư ngồi tòa cao trong Kinh Tăng Hộ, cần nên xét kỹ.

Giới thứ 17

CẬY THỂ LỰC KHUYÊN GÓP

Nếu Phật tử tự mình vì việc ăn uống, tiền của, lợi dưỡng, danh dự mà thân cận Quốc vương, Vương tử cùng các quan, nương quyền, cậy thế bức người để lấy tiền của hoặc dạy người khác cầu lợi như vậy. Tất cả sự cầu lợi ấy gọi là ác cầu, đa cầu, đều không có lòng từ bi, lòng hiếu thuận, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Tự tâm là chẳng phải vì mọi người mà làm, mục đích vì ăn uống cá nhân, v.v..., việc làm đó là trái đạo, dù việc làm quên mình vì chúng cũng không ý thể cây thân. Tuy quên lợi cá nhân nhưng cũng không nên cầu tiếng khen. Từ tâm của bậc Đại sĩ là thương xót những người bần cùng cô quả, thường suy nghĩ ban ân cho người khác, coi tất cả chúng sanh như Cha mẹ mình, thường nên khiêm cung từ tốn, dùng đạo từ hiếu để tu, đâu phải nương cây thế lực Vua quan hào quý, phi lý để tìm cầu lợi dưỡng. Thậm chí còn biểu hiện thế lực để áp bức đánh đập, áp bức để lấy tài vật. Lại lôi kéo thêm nhiều thống khổ, khiến cho người khác hành động không thuận với chánh đạo. Tất cả sự cầu lợi như thế là bất thiện nên gọi là *ác cầu*, tìm cầu không biết đủ. Người tu hành phải thiếu dục tri túc, nếu không như thế là *đa cầu*. Hoặc dạy người khác ý thể, cậy quyền xin cho mình, rồi tự mình đòi lấy, hoặc giả mượn sắc lệnh, hoặc truyền thế lực hào tộc, tất cả đều phạm.

Giới thứ 18

KHÔNG HIỂU MÀ LÀM THẦY TRUYỀN GIỚI

Phật tử phải học mười hai phần kinh, thường tụng giới mỗi ngày sáu thời, nghiêm trì Bồ Tát giới, hiểu rõ lý tính, Phật tính của giới. Nếu Phật tử không hiểu một kệ, một câu cùng nhân duyên của giới luật mà dối rằng thông hiểu, đó chính là dối gạt mình và cũng dối gạt người khác. Không hiểu một pháp, không biết một luật mà lại đi làm thầy truyền giới cho người, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Làm bậc thầy mô phạm trước hết phải học Tam Tạng giáo điển, thông suốt mười hai phần kinh, lầu thông giới luật Bồ Tát, y vào giới luật hành trì, thâm hiểu nghĩa lý của luật, khế hợp bốn nguyên trung đạo và tánh

tông Phật tánh, khiến cho người khác tránh khỏi làm lẫn, rớt vào Thiên không Niết bàn của hàng Thanh văn và tánh vọng chấp Đoạn, Thường của ngoại đạo. Kinh Niết Bàn chép: “Phật tánh chính là Đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không còn gọi là Trung đạo, là Phật tánh, là Đại Niết bàn.”

Mỗi ngày sáu thời (ngày ba thời, đêm ba thời) là ngày đêm chuyên cần tinh tấn đủ sáu thời, tinh chuyên tụng tập cho thuần thục thông lâu, hiểu rõ cùng tận nghĩa thú, tham cứu tìm tòi nghĩa vị mười hai phần kinh. Dù đã thông lâu, nhưng việc tụng, đọc hàng ngày cũng không bỏ qua, hàng Thiên Long bát bộ được nghe càng thêm lợi ích. Như Ngài Khuy Cơ mỗi ngày tụng một biến Giới Kinh và Thượng Sanh Kinh.

Mười hai phần kinh ấy là:

1. Trường hàng: (Trung Hoa dịch là Khế kinh) phàm tất cả kinh Như Lai nói ra là văn trường hàng, văn xuôi ấy vậy.
2. Kỳ dạ: (Trung Hoa dịch là Trùng tụng) là tóm yếu văn trường hàng thành kệ tụng.
3. Thọ ký: Phật vì hàng đệ tử Tam thừa mà thọ ký cho họ.
4. Già đà: (Trung Hoa dịch là Cô Khởi) là chẳng phải đọc lại văn trường hàng mà độc lập nói ra gọi là kệ tụng.
5. Ưu đà già: (Trung Hoa dịch là Vô Vấn tự thuyết) nghĩa là không đợi người thỉnh hỏi, mà Phật tự nói (như Kinh Di Đà chẳng hạn)
6. Ni đà gia: (Trung Hoa dịch là Nhơn duyên)
7. Bản sanh: Nói về nhơn hạnh của Bồ Tát, các việc xưa đã làm.
8. Bản sự: Nói những việc các hàng Thanh văn trước đã làm/
9. Phương đẳng: Cũng gọi là Phương quảng, các căn cơ được nghe đều được ích lợi gọi là *Phương*; tứ giáo đều nói gọi là *Đẳng*. Lại nữa, chánh lý là Phương, bao la gọi là Quảng, là nghĩa lý của kinh Đại thừa Phương Đẳng rộng lớn như hư không.
10. Vị tăng hữu: Nói công đức của Tam bảo thật là ít có.

11. Thí dụ: Vì hàng Độn căn, phải mượn thí dụ để mô tả cho họ hiểu
12. Luận nghị: Giải rộng nghĩa lý trong kinh.

Mười hai phần kinh này, hàng Tam thừa đồng học, Đại Tiểu thừa đồng hành trì, nên luật chế Tỳ kheo phải thông hiểu ba Tạng và mười hai phần Kinh, đủ 10 hạ mới cho làm thầy. Giả sử, không thể thông kinh luận, thì Luật Tạng cần phải thông rành. Khai, Giá, Trì, Phạm, Khinh, Trọng các lỗi, hướng chi Bồ Tát Tạng, văn thì uẩn súc, nghĩa lý sâu xa, Quyền và Thật hai Tông, nếu biết qua loa thì làm sao rõ được chỗ uyên thâm cùng tận của Luật? Nếu không thông đạt tông thú, tánh tướng Quyền giáo và Thật giáo mà làm thầy trao giới cho người thì thật nguy hiểm thay!

Giải, nghĩa là hiểu ngộ, chẳng phải đọc tụng câu văn, nên không nói là tụng mà nói là hiểu là biết vậy.

Một câu, một kệ, đôi với số nhiều trong mười hai phần kinh không có thể giải ngộ, cho đến tối thiểu một câu một kệ cũng không thể lãnh hội và thông hiểu, thì đem pháp nào làm thầy người? Song Như Lai đã nói một lời một chữ mà nhiếp hết vô lượng nghĩa, một câu một kệ mà tóm thâu tất cả Pháp, như một chữ A, biên mục chép còn không hết. Nên Kinh Hoa Nghiêm chép: “Biên Pháp môn vô lượng vô biên, chỉ một lời mà diễn nói không còn sót.”

Sớ ghi: “Nghĩa ở trong vô tự, dù giáo dù nghĩa, hoặc tánh hoặc tâm, đều nhiếp hết.” Nên nói bởi do ý nghĩa vi diệu trong một câu văn nhiếp hết các nghĩa không còn sót, vì một là một của tất cả, một là xứng tánh mà nói. Lại nữa, trong bài kệ “Chư hành vô thường”, nếu hiểu một câu thì thông đạt tất cả pháp, nhưng 2 chữ “*Tịch diệt*” kia, dù vận dụng hết sức lực cũng không thể nào nói được, huống gì biết được thọ dụng của chữ “*Lạc*” ư?

Như xưa, Hòa thượng Giải Thoát được Chư Phật cảm ứng hiện trong hư không, nói kệ rằng: “Pháp của Chư Phật thậm thâm tịch diệt, nhiều kiếp

tu hành nay mới được, nếu có thể mở tâm trí hiểu pháp nhãn này, tất cả Chư Phật đều hoan hỷ”. Hòa thượng liền hỏi: “Pháp Tịch diệt, có thể diễn nói, dạy người được ư?”, Chư Phật liền ản, dùng âm thanh bảo rằng:

*“Phương tiện trí làm đèn,
Soi thấy tâm cảnh giới,
Muốn xét pháp chơn thật
Tất cả đều chẳng thấy.”*

Nếu có thể liễu ngộ kệ này, liền thời rõ suốt Tam tạng giáo điển và mười hai bộ kinh. Bởi vậy, ngài Xá Lợi Phất nghe bài kệ Pháp thân, liền chứng được sơ quả. Ngài Ngu Lộ, ba tháng thọ trì nửa bài tụng, chứng đắc A La Hán, vì các Ni chúng lược nói pháp yếu, đều chứng Thánh quả.

Tổ Huệ Năng nghe câu kệ “Ứng vô sở trụ”, được đốn ngộ tâm tông, hiểu hết các kinh Pháp Hoa, Niết Bàn, thông suốt Bát thức, các luận. Bởi vậy, một câu một kệ, nghĩa kia khó lường, người sơ cơ học không hiểu, sanh tâm khinh thị coi thường, nên kinh Tăng Nhứt A Hàm chép: “Trong một kệ lưu xuất ra 37 phẩm trợ đạo và các pháp môn”. Ngài Ca Diếp hỏi: “Sao gọi là một kệ?” A Nan đáp: “Chư ác mạt tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo.”

Kinh Anh Lạc chép: “Đem nghĩa một câu điển nói ra vô lượng Chư Phật Pháp Tạng, hết kiếp này sang kiếp khác, nhẫn đến trăm kiếp, không thể tham cứu cùng tận nghĩa một câu. Nên biết pháp bí yếu của Như Lai không thể nghĩ bàn, hàng tiểu căn tiểu trí không thể lường biết được.

Luật Sao ghi: “Phật dạy, khéo hiểu một chữ gọi là Luật sư, một chữ đó là chữ Luật vậy.” Phải biết một chữ “*Luật*” chính là tông chỉ của Tỳ Ni, nếu ngộ được tông chỉ thì không pháp nào mà không thông đạt, nên nói Luật là khởi nguyên của vạn pháp.

Nhơn Duyên giới Luật, gồm những việc như : Đức Xá Na truyền giới cho ngàn Phật, ngàn Phật lại truyền cho ngàn trăm ức Thích Ca, trước

hết ở Bồ đề Đạo tràng dưới cội Bồ đề và Diệu quang đường nói pháp gì, lần lần đến cung trời Thiên vương nói pháp gì, cho đến từ miệng Phật phóng hào quang, vì các Quốc vương, Vương tử tuyên trao giới pháp, v.v... .

Mê mắt bốn tâm gọi là tự mình dối gạt mình, *làm mê lầm người* gọi là dối gạt người khác. Đã là người truyền trao giới pháp cho người khác, mà giới luật chẳng hiểu, tất cả kinh điển giáo pháp cũng không biết, thật là tự mê hoặc mình và người, nên mắc tội. Tội tuy thuộc về khinh cầu nhưng tự dối gạt người khác, lỗi kia thật nặng.

Giới này đối với ba chúng nhỏ và hai chúng Bồ Tát nam nữ tại gia, Phật không chế, do họ không phải là người mẫu mực, chưa thuộc hàng Tăng bảo. Còn Ni giới thì chế sơ lược, do trong giới Thanh văn chỉ cho Tỳ kheo ni làm Tam sư Thất chứng, nhưng vì họ trí cạn, nghe ít, nên không cho phép Ni giới làm thầy truyền giới Bồ Tát.

Kinh Bảo Vân chép: “Đầy đủ 10 pháp thì gọi là Luật sư”. Mười pháp ấy là:

1. Khéo hiểu nhân duyên sanh khởi của Tỳ Ni.
2. Khéo hiểu chỗ thâm thâm của Tỳ Ni.
3. Khéo hiểu việc vi tế của Tỳ Ni.
4. Khéo hiểu việc nào của Tỳ Ni được, việc nào không được.
5. Khéo hiểu tánh trọng giới của Tỳ Ni.
6. Khéo hiểu Tỳ Ni chế giới trọng
7. Khéo hiểu Tỳ Ni chế khởi nhưn duyên.
8. Khéo hiểu Tỳ Ni của Tiểu thừa Thanh văn.
9. Khéo hiểu Tỳ Ni của Bích Chi Phật
10. Khéo hiểu Tỳ Ni của Bồ Tát.

Khi hiểu biết như vậy, làm thầy truyền giới cho người mới không hổ thẹn.

Giới thứ 19

NÓI LƯỠI HAI CHIỀU

Nếu Phật tử vì ác tâm, thấy thầy Tỳ kheo trì giới, tay bưng lư hương, tu hạnh Bồ Tát, tự đi đâm thọc hai đầu cho sinh sự bất hòa, khinh khi người hiền, tạo nhiều tội ác, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Ghen ghét người hiền lương, chia cắt hai bên, đem lời người này nói với người kia, đem lời người kia nói với người này để phá hoại sự hòa hợp của họ, khiến cho họ tranh cãi với nhau, nên nói là lưỡng thiệt (hai lưỡi) thật chẳng phải thiện tâm, từ tâm của bậc Đại sĩ.

Phỉ báng, khinh khi người hiền, ghen ghét người lương thiện, khiến họ tranh cãi nhau, khiến họ không được an tâm tu tập. Hành động như vậy là ác tâm, chẳng phải hạnh Bồ Tát.

Tay cầm lư hương, chính là nêu sơ lược một pháp môn hạnh của bậc Đại sĩ, cũng là tiêu biểu Lục độ vạn hạnh của Bồ Tát, không quên kính Phật và hướng đến Ngũ phần pháp thân.

Đấu cầu hai bên, đấu là cãi vã nhau, cầu là gặp nhau. Nghĩa là người có tâm xấu, đến người này nói lỗi người kia, gặp người kia nói xấu người này, khiến cho họ cãi vã nhau, trái với pháp Lục hòa kính, hoặc dựng lên chuyện hư dối, thị phi, phải quấy, khiến họ gây hận với nhau.

Hai đầu là hai bên kia đây, dù là lời nói thực, không truyền lời nói kia đây, ở hai bên nói một lời khiến cho họ ly tán, đều phạm tội.

Báng là hủy báng, có khi là dối gạt vậy, nghĩa là các thứ hủy báng dối gạt, lăng mạ, dèm pha, tật đố ghen tỵ người hiền lương, nên nói không có tội ác nào mà không tạo, nếu hướng đến người khác nói lỗi quấy của họ, chính là thuộc về giới nói lỗi Tứ chúng; nếu tự khen mình, chê bai hủy báng người, thuộc về giới Hủy tha, cả hai giới này đều phạm tội trọng.

Giới này chỉ trực tiếp khiến cho hai bên cãi vã, ly gián, nên phạm tội khinh cầu.

Tỳ kheo trì giới chính là xuất gia Bồ Tát giới, đứng đầu trong bảy chúng. Nên biết, nói Tỳ kheo là bao gồm cả bảy chúng, nhân đến ly gián, dèm pha người như vua tôi, quân thân, ly gián tình cha con, anh em, bạn bè, v.v... tất cả đều phạm.

Nếu thấy người nhóm họp, sắp làm việc tội lỗi hoặc ác tri thức, ác bè đảng, làm những điều phi pháp, việc làm không nghĩa lợi, mà phá họ ly tán, sinh ra nhiều phước lợi cho người, thì không phạm.

Giới thứ 20

KHÔNG PHÓNG SANH CỨU VẬT

Là Phật tử, nên vì tâm từ bi mà làm việc phóng sanh. Tất cả nam tử là Cha ta, tất cả nữ nhơn là Mẹ ta, từ nhiều đời ta thường thác sanh nơi đó, vì lẽ ấy nên chúng sanh trong lục đạo đều là Cha mẹ ta, nếu giết chúng để ăn thịt, thì chính là giết Cha mẹ ta và cũng là giết thân chủ của ta. Tất cả chất tứ đại đều là bản thân, bản thể của ta, cho nên thường phải làm việc phóng sanh và khuyên bảo người làm. Nếu lúc thấy người đời sát sanh, nên cứu hộ cho chúng được thoát khỏi nạn khổ, thường đem giới Bồ Tát để giảng dạy, để cứu độ chúng sanh.

Nếu ngày Cha mẹ hay anh em chết, nên thỉnh Pháp sư giảng kinh luật Bồ Tát giới, người chết nhờ phước đức ấy hoặc được vãng sanh Tịnh độ ra mắt Chư Phật, hoặc thác sanh trong cõi trời cõi người. Nếu không làm các điều trên đây, Phật tử này phạm tội khinh cầu.

Giải thích:

Bồ Tát nếu thấy chúng sanh bị nguy nạn mà không phương tiện cứu giúp, thấy tử vong mà không xiển dương đại pháp thì thật là trái với tâm hiếu thuận và đạo từ bi của Phật, Tổ.

Bồ Tát luôn luôn thể hiện tâm từ vô duyên, độ chúng hữu tình, nên làm việc phóng sanh. Người đời chỉ biết cha mẹ hiện tại, vì mê muội nhiều kiếp nên xa lìa thân thuộc, vọng nhận hiện tiền tứ đại sắc thân là thân mình, mê mất trời đất đồng căn nguyên, chỗ chí lý muôn vật đồng thể, nên khởi tâm nhơn ngã, chấp chúng sanh, đua nhau dối gạt, lẫn hiếp nhau rồi ăn nuốt lẫn nhau, chỉ biết tự an thân, không biết cái khổ của người khác. Vì thế họ không có tâm cứu nguy bạt khổ cho chúng sanh để thoát hoạn nạn kia.

Bậc Đại sĩ ngộ được từ vô thủy đến nay, gá thác thọ thân, vào ra khắp các cõi trong Ngũ thú (trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), nên tất cả nam tử, nữ nhơn trong lục đạo đều là Cha mẹ ta, lẽ nào nỡ sát hại để ăn nuốt ư?

Bởi do mê mất pháp thân tự tánh thanh tịnh của mình, chạy theo bóng dáng của lục trần làm tướng của tự tâm. Ngoài thân này ra đâu có vật gì khác để làm cho thân tâm, vì thế ta cùng chúng sanh đồng nhận tứ đại làm thân hình, nên nói bốn thân cũ của ta là đã biết bốn thể thân trước, đâu nỡ tự hãm hại, không thương tâm ư? Phải biết chúng sanh an lạc chính là mình an lạc, nên phải thường làm việc phóng sanh. Tất cả chúng sanh thân tâm chưa không (chưa dứt được bệnh chấp ngã), đâu có thể thoát được khổ sanh tử, nên mãi ở trong tam giới lục đạo hết đời này sang đời khác, thọ sanh không dứt.

Đây là pháp thường trụ, thường hằng không thay đổi, tự mình tỏ ngộ liễu đạt rồi, cũng nên dạy cho người biết cội gốc luân hồi sanh tử không dứt, do mê mất bản tâm, để họ chuyển hóa nội tâm, lần lần tu tập trở về tâm địa bản nguyên sẵn có. Tâm địa ấy là thể tánh bất sanh bất diệt, nên phương tiện giáo hóa, cho họ biết con đường trở về theo hướng tiêm tu. Trước khuyên cho họ phóng sanh tu phước, nếu không có tài vật, nên khuyên hóa người khác mua để cứu thoát sanh vật ấy.

Các khổ nạn đều là thống khổ trời buộc, đánh đập, hành hạ, sát hại, v.v... đến lâm nguy ác nạn. Khuyến hóa người giảng nói Bồ Tát giới để giúp cứu khổ nạn kia thì thân được lợi lạc. Nay giảng thuyết về giới là đem pháp giúp cho tâm an ổn, tức là giải thoát các phiền não, tham, sân, si, v.v... để trở về bản nguyên tâm địa, thật là hạnh lợi tha Đại sĩ cứu độ chúng sanh, không trái bỏ thân thuộc mà thuận theo đạo lý từ bi đồng thể, không trái hạnh nguyện lợi tha, rồi ban pháp vô úy cho chúng hữu tình.

Nếu không tin chúng sanh trong sáu cõi đều là cha mẹ, như Kinh Pháp Cú chép: “Trong thành Xá Vệ có vị trưởng giả, tiền của vô số kể nhưng tâm bòn xén tham lam, không biết bố thí. Hai vợ chồng ngồi với đứa nhỏ ở giữa, cùng ăn thịt gà và thường thường lấy thịt đút vào miệng đứa con. Phật biết vị trưởng giả này có thể hóa độ được, nên hóa thành một vị Sa môn, đứng trước cửa bảo rằng: “Bố thí ít nhiều gì đều được đại phước”, vị trưởng giả nghe nói thế liền mắng rằng: “Ông là Đạo nhơn mà không biết hổ thẹn, đến nhà người ta đang ngồi ăn, sao đường đột vậy?” Vị Sa môn nói: “Ông tự ngu si không biết hổ thẹn” Trưởng giả nói: “Tôi và vợ tôi cùng vui, sao gọi là hổ thẹn?” Sa môn đáp: “Người giết cha, giết mẹ, giết vợ, cung dưỡng oan gia mà không biết hổ thẹn. Thịt gà trên bàn là cha người đời trước, do vì tham lam bòn xén, thường sanh trong loài súc sanh bị người ăn thịt. Đứa trẻ này, về sau làm La-sát, người là khách mua bán, chèo thuyền vào biển, đọa vào cõi nước quỷ La-sát, bị La-sát ăn nuốt. Như thế trải qua 500 đời, thọ mạng hết lại sanh thân khác làm con của người, do các tội kia chưa hết nên lại tiếp tục hại nhau. Người vợ này của người là mẹ người đời trước, do tình ân ái thâm trọng, nay trở lại làm vợ người. Sanh tử luân hồi, xoay quanh Ngũ thú (trời, người, địa ngục, ngã quỷ, súc sanh), ai có thể biết.” Nói rồi Phật liền hiện thần thông khiến cho trưởng giả biết túc mạng, trưởng giả thấy liền sám hối tạ tội và xin Phật thọ năm giới, nhờ Phật nói pháp, ông đã chứng quả Tu-đà-hoàn.

Trước tự giảng nói, là giáo hóa cứu độ chúng sanh, cho đến Cha mẹ nhiều đời. Nay thỉnh người khác giảng nói, là cứu độ thân nhân của mình, hiện đời quyền thuộc và cha mẹ.

Xem giới Luật Đại thừa là giới của Đức Xá Na đã truyền. Bòn nguyên của Chư Phật là cửa ngõ vào cảnh giới Niết bàn, là con đường tắt đến cõi trời người, người hiện tại nghe qua một lần nơi nhĩ căn, vình viển làm Phật chủng, vong nhơn ở chốn tối tăm được phước, vãng sanh về cõi Tịnh độ của Chư Phật, hoặc sanh ở cõi người cõi trời, hưởng phước an vui vô tận. Phải biết công đức diễn giảng giới pháp. ...không có phước nào sánh bằng.

Xưa đời nhà Đường nước Tân La, ngài Tăng Thống Luật sư, giảng giới Bồ Tát bảy ngày đêm ở chùa Hoàng Long, trời mưa nước Cam Lộ, mây lành bao phủ che kín giảng đường, tứ chúng hết sức kinh ngạc, tán thán vì thấy việc chưa từng có. Từ đó mà xét, kẻ còn, người mất đều lợi ích, đâu thể nghĩ bàn.

Đây là tổng kết văn trên, nghĩa là đối với người sống, không cứu giúp nạn nguy khôn, đối với người chết không tiếp độ thân thức họ ra khỏi chốn u đồ, đều phạm câu tội. Giới thứ 39 cũng khuyên giảng nói kinh giáo để cứu độ kẻ còn cũng như người mất, đồng như giới này.

Mười giới như thế phải nên học, hết lòng kính trọng phụng trì, như trong phẩm Diệt Tội, mỗi mỗi đều nói rõ.